

NGUYỄN TUẤN CƯỜNG – NGUYỄN THỊ NHUNG

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn

MĨ THUẬT

(BẢN 1)

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Danh mục chữ viết tắt

GV	Giáo viên
HS	Học sinh
SGK	Sách giáo khoa
THCS	Trung học cơ sở

Lời nói đầu

Nhằm giúp cho các giáo viên mỹ thuật Trung học cơ sở hiểu rõ những nội dung cơ bản của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật ban hành theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức thực hiện dạy học môn Mỹ thuật theo sách giáo khoa *Mỹ thuật 9 – Chân trời sáng tạo – Bản 1* hiệu quả, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tổ chức biên soạn ***Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Mỹ thuật lớp 9 bộ sách Chân trời sáng tạo – Bản 1.***

Cuốn tài liệu được cấu trúc gồm 3 phần:

Phần một: Tìm hiểu về Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật lớp 9. Nội dung phần này đề cập đến đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng Chương trình, mục tiêu Chương trình, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật.

Phần hai: Những vấn đề chung khi sử dụng sách giáo khoa Mỹ thuật 9. Nội dung phần này tập trung giới thiệu về quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách giáo khoa *Mỹ thuật 9 – Chân trời sáng tạo – Bản 1*; về cấu trúc sách và cấu trúc bài học trong sách giáo khoa; về phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động; hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Mỹ thuật; hướng dẫn giáo viên cách sử dụng hiệu quả sách giáo viên, các sách bổ trợ, sách tham khảo, nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử trong dạy học môn Mỹ thuật.

Phần ba: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy. Nội dung phần này chủ yếu gợi ý, hướng dẫn cho giáo viên cách tổ chức dạy học một số dạng bài cơ bản trong sách giáo khoa *Mỹ thuật 9* đó là: dạng bài thuộc Mỹ thuật tạo hình, dạng bài thuộc Mỹ thuật ứng dụng và dạng bài tích hợp với nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật.

Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Mỹ thuật lớp 9 bộ sách Chân trời sáng tạo – Bản 1 được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới và trên cơ sở kế thừa, phát triển những thành tựu đổi mới về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực, dạy học theo chủ đề đang thực hiện ở cấp THCS. Các tác giả hi vọng đây sẽ là tài liệu hữu ích, thiết thực cho các giáo viên mỹ thuật khi triển khai đồng bộ, đại trà chương trình và sách giáo khoa Mỹ thuật mới. Đồng thời tài liệu cũng được biên soạn theo hướng mở nhằm giúp giáo viên có thể chủ động, linh hoạt trong tổ chức dạy học để phù hợp với điều kiện của các địa phương và năng lực thực tế của học sinh trên mọi vùng miền đất nước.

Các tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của quý thầy cô giáo và độc giả để tài liệu được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU	3
--------------------------	---

TÀI LIỆU THAM KHẢO	3
---------------------------------	---

PHẦN MỘT: TÌM HIỂU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN MĨ THUẬT LỚP 9

1. Đặc điểm môn học	5
2. Quan điểm xây dựng chương trình	5
3. Mục tiêu chương trình	6
4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực	6
5. Nội dung giáo dục	8
6. Phương pháp giáo dục	11
7. Đánh giá kết quả giáo dục	13

PHẦN HAI: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG KHI SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 9

1. Giới thiệu sách giáo khoa môn Mĩ thuật lớp 9	15
2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học	19
3. Phương pháp dạy học/tổ chức hoạt động	36
4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật	42
5. Hướng dẫn khai thác, sử dụng sách giáo viên, sách bổ trợ, sách tham khảo, nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử môn Mĩ thuật lớp 9	46
6. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học môn Mĩ thuật lớp 9	59

PHẦN BA: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. Một số lưu ý khi lập kế hoạch dạy học môn Mĩ thuật	69
2. Hướng dẫn dạy học các dạng bài Mĩ thuật	69

PHẦN MỘT

TÌM HIỂU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN MĨ THUẬT LỚP 9

1. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Mĩ thuật là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật. Trong Chương trình giáo dục phổ thông, môn Mỹ thuật hình thành, phát triển ở HS năng lực mỹ thuật, biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong lĩnh vực mỹ thuật; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là giáo dục ý thức kế thừa, phát huy văn hoá nghệ thuật dân tộc phù hợp với sự phát triển của thời đại.

Chương trình môn Mỹ thuật lớp 9 được xây dựng theo cấu trúc tuyến tính và đồng tâm với hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng; tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm và vận dụng mỹ thuật vào đời sống; giúp HS nhận thức được mối liên hệ giữa mỹ thuật với văn hoá, xã hội, kết nối mỹ thuật với các môn học và hoạt động giáo dục khác; làm tiền đề cho HS định hướng nghề nghiệp trong tương lai, chủ động tham gia các hoạt động văn hoá nghệ thuật và đời sống xã hội.

Nội dung giáo dục mỹ thuật lớp 9 thuộc giai đoạn giáo dục cơ bản, tức là Mỹ thuật là nội dung giáo dục bắt buộc ở lớp 9. Chương trình tạo cơ hội cho HS làm quen và trải nghiệm kiến thức mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; hình thành, phát triển ở HS khả năng quan sát và cảm thụ nghệ thuật, nhận thức và biểu đạt thể giới; khả năng cảm nhận và tìm hiểu, thể nghiệm các giá trị văn hoá, thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật.

2. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Mỹ thuật quán triệt quan điểm và các định hướng được nêu trong Chương trình tổng thể; đồng thời, xuất phát từ đặc điểm môn học, nhấn mạnh một số quan điểm sau:

- Chương trình môn Mỹ thuật tạo cơ hội cho HS tiếp cận văn hoá, nghệ thuật dân tộc và thế giới trên cơ sở vận dụng những kiến thức cơ bản của mỹ thuật, kết hợp với khoa học giáo dục.

- Chương trình môn Mỹ thuật chọn lọc những kiến thức phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, đặc điểm tâm – sinh lí lứa tuổi HS và điều kiện dạy học. Thông qua các nội dung, hình thức tổ chức dạy học, trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu cần đạt, chương trình được thiết kế linh hoạt, có thể điều chỉnh phù hợp với các nhóm đối tượng HS, các cơ sở giáo dục và địa phương. Trong quá trình thực hiện, chương trình thường xuyên được cập nhật, phát triển phù hợp với sự phát triển nghệ thuật và yêu cầu của thực tiễn.

3. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Mỹ thuật giúp HS hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên kiến thức và kĩ năng mỹ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng mỹ thuật vào đời sống; trải nghiệm và khám phá mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3.2. Mục tiêu cấp Trung học cơ sở

Môn Mỹ thuật giúp HS tiếp tục hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên nền tảng kiến thức, kĩ năng mỹ thuật ở cấp Tiểu học, thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm; phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; có ý thức kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mỹ của thời đại, làm nền tảng cho việc phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; có hiểu biết về mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu nghệ thuật, phát triển năng lực tự chủ và tự học, có ý thức định hướng nghề nghiệp sau khi kết thúc cấp học.

4. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

4.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Chương trình môn Mỹ thuật góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung với các mức độ cụ thể được quy định cho từng cấp học trong Chương trình tổng thể.

4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn Mỹ thuật giúp HS hình thành và phát triển năng lực mỹ thuật với các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ thông qua các biểu hiện sau đối với HS cấp Trung học cơ sở:

4.2.1. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ

– *Quan sát thẩm mỹ:*

- + Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ trong đời sống.
- + Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ.
- + Nhận biết được giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật.

– *Nhận thức thẩm mỹ:*

- + Cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ.
- + Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- + Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống.
- + Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành sáng tạo.

4.2.2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ

– *Sáng tạo thẩm mỹ:*

- + Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ.
- + Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ.
- + Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo.
- + Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.

– *Ứng dụng thẩm mỹ:*

- + Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo.
- + Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập.
- + Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

4.2.3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ

– *Phân tích thẩm mỹ:*

- + Phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ.
- + Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật.
- + Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.

– *Đánh giá thẩm mỹ:*

- + Đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua yếu tố và nguyên lí tạo hình.
- + Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

5. NỘI DUNG GIÁO DỤC

5.1. Nội dung khái quát

5.1.1. Nội dung giáo dục cốt lõi

Chương trình môn Mỹ thuật phát triển hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên yếu tố và nguyên lý tạo hình. Ở cấp Trung học cơ sở, nội dung giáo dục gồm Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điều khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật.

5.1.2. Phân bố mạch nội dung Mỹ thuật ở các lớp thuộc cấp Trung học cơ sở

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	+	+	+	+
Hội hoạ	×	×	×	×
Đồ hoạ (tranh in)	×	×	×	×
Điều khắc	×	×	×	×
Thiết kế công nghiệp	×	×	×	×
Thiết kế đồ hoạ	×	×	×	×
Thiết kế thời trang	×	×	×	×

5.2. Yêu cầu cần đạt và nội dung của Chương trình môn Mỹ thuật lớp 9

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Tiếp cận và cập nhật được một số trào lưu nghệ thuật đương đại. – Nhận biết được sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình. – Xác định được bố cục khuôn hình (cảnh) trong thực hành sáng tạo. – Biết liên tưởng cảm hứng cá nhân với ý tưởng sáng tạo.	Yếu tố và nguyên lý tạo hình: Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình:</i> Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình:</i> Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Vận dụng được hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo. – Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu”. – Thể hiện được ý tưởng bố cục sản phẩm. – Lập được danh mục tác phẩm, nhật kí sáng tạo, lưu trữ hình ảnh. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Hiểu được mỗi nghệ sĩ đều có phong cách riêng; phong cách thể hiện quan điểm, tư tưởng của nghệ sĩ đó. – Nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật và vai trò của người xem (khán giả, công chúng) trong thưởng thức, đánh giá tác phẩm. – Nhận định được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật đương đại. – Hiểu được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật.	Thể loại: <i>Lựa chọn, kết hợp:</i> – Lí luận và lịch sử mỹ thuật; – Hội hoạ; – Đồ hoạ (tranh in); – Điêu khắc. Hoạt động thực hành và thảo luận: <i>Thực hành:</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận:</i> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS. Định hướng chủ đề: <i>Lựa chọn, kết hợp:</i> – Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật Đương đại Việt Nam và thế giới.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Hiểu được vai trò của “nhận diện hình ảnh thương hiệu” trong sản phẩm, tác phẩm thiết kế. – Cập nhật được xu hướng thẩm mỹ của thời đại và hình thành ý tưởng thiết kế. – Nhận định được sự tác động của internet đối với thị hiếu tiêu dùng. – Nêu được giải pháp, phác thảo phương án cho thiết kế sản phẩm.	Yếu tố và nguyên lí tạo hình: <i>Lựa chọn, kết hợp:</i> <i>Yếu tố tạo hình:</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình:</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Lựa chọn được chi tiết có tỉ lệ phù hợp với kích thước sản phẩm. – Tạo được sự hài hoà giữa hình và nền trên sản phẩm thiết kế. – Vận dụng được nguyên lí của sự sắp xếp (hay còn gọi là bố cục) trong thiết kế. – Biết ứng dụng khoa học công nghệ vào thiết kế sản phẩm. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Xác định, giải thích được địa điểm, không gian có thể phù hợp cho việc trưng bày sản phẩm, tác phẩm. – Phân loại được sản phẩm thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, thiết kế công nghiệp. – Sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông sản phẩm, tác phẩm. – Nhận định, phân tích được sự hài hoà giữa sản phẩm, tác phẩm và môi trường xung quanh.	Thể loại: Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật; – Thiết kế công nghiệp; – Thiết kế đồ hoạ; – Thiết kế thời trang. Hoạt động thực hành và thảo luận: <i>Thực hành:</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D. <i>Thảo luận:</i> – Tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS. Định hướng chủ đề: Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật thiết kế đương đại Việt Nam và thế giới.
CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng. – Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thiết kế. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Thể hiện được đặc trưng của lĩnh vực ngành nghề thông qua sản phẩm cụ thể. – Viết được một bài luận hoặc thực hiện một đoạn video clip,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng.	Hoạt động thực hành và thảo luận: <i>Thực hành:</i> Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng. – Thực hành sáng tạo sản phẩm Mỹ thuật ứng dụng. <i>Thảo luận:</i> Lựa chọn, kết hợp: – Một số ngành nghề liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng. – Sản phẩm thực hành của HS.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Phân tích được nhu cầu xã hội đối với các ngành nghề Mỹ thuật ứng dụng. – Định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.	Định hướng chủ đề: Mỹ thuật ứng dụng và ngành nghề.

6. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

6.1. Định hướng chung

Phương pháp giáo dục trong Chương trình môn Mỹ thuật phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, trong đó nhấn mạnh những yêu cầu sau:

- Tích hợp, lồng ghép nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận; kết hợp liên hệ kiến thức, kĩ năng của môn Mỹ thuật với kiến thức, kĩ năng của các môn học, hoạt động giáo dục khác một cách phù hợp, thiết thực.
- Chú trọng dạy học trải nghiệm; vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức, không gian hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mỹ của HS, tạo cơ hội để HS được vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thể nghiệm ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống.
- Khai thác, sử dụng hợp lí thiết bị dạy học, mạng internet; tận dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương.

6.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

6.2.1. Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua việc tổ chức các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo, GV giúp HS nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ về bản thân và thế giới xung quanh, tình yêu nghệ thuật và cuộc sống; góp phần nâng cao nhận thức về tình yêu gia đình, quê hương, tình thân ái giữa con người với con người, ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và không gian văn hoá, thẩm mỹ; trân trọng các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và sự sáng tạo của nghệ sĩ; bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hoá, nghệ thuật dân tộc, ý thức tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc. Đồng thời, rèn luyện cho HS đức chuyên cần, tính trung thực, tình yêu lao động và ý thức trách nhiệm của bản thân trong học tập, làm việc và sử dụng, bảo quản các đồ dùng, công cụ, thiết bị dạy học; kích thích hứng thú, khích lệ sự tự tin ở HS trong học tập và tham gia các hoạt động nghệ thuật, góp phần xây dựng và phát triển đời sống thẩm mỹ của cá nhân, cộng đồng.

6.2.2. Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

- Trong dạy học môn Mỹ thuật, GV tổ chức các hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo đa dạng với sự tham gia tích cực, chủ động của HS. Đặc biệt, cần khích lệ HS sẵn sàng cho việc thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật thông qua việc chuẩn bị, xác lập mục tiêu học tập, thiết kế nội dung, kế hoạch, dự án học tập,... và thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ học tập của cá nhân, của nhóm, góp phần nâng cao năng lực tự chủ và tự học ở HS.
- Dạy học Mỹ thuật có nhiều ưu thế hình thành và phát triển ở HS năng lực giao tiếp và hợp tác. Thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật, HS được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ về tác giả, nghệ sĩ, về tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật; giới thiệu kết quả học tập, thực hành của cá nhân, bạn bè; bày tỏ cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm về thẩm mỹ,... tạo nên kết quả học tập của nhóm dựa trên những cách thức hợp tác khác nhau.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo là đặc trưng trong học tập mỹ thuật. Trong tổ chức hoạt động dạy học, GV vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp, giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu, khám phá và thực hành, trải nghiệm, phát hiện yếu tố thẩm mỹ trong nghệ thuật và đời sống; khích lệ HS đề xuất vấn đề, ý tưởng thẩm mỹ và lựa chọn giải pháp thể hiện; khuyến khích HS tiếp tục đổi mới trong tiến trình học tập trên cơ sở nhận thức và tư duy phản biện thẩm mỹ, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở HS.

6.3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật

- Để hình thành, phát triển hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mỹ ở HS, trong tổ chức dạy học, GV khuyến khích và tạo cơ hội để HS được quan sát, nhận thức về đối tượng thẩm mỹ từ bao quát, tổng thể đến chi tiết, bộ phận và đối chiếu, so sánh để tìm ra đặc điểm, vẻ đẹp của đối tượng, phát hiện các giá trị thẩm mỹ của đối tượng. Tùy theo nội dung, mục đích dạy học và tâm lí lứa tuổi, khả năng nhận thức của HS, GV đặt ra yêu cầu quan sát một cách phù hợp, nhằm thúc đẩy, phát triển ở HS ý thức tìm tòi, khám phá cuộc sống, môi trường xung quanh và thưởng thức nghệ thuật. Quan sát, nhận thức thẩm mỹ cần được kết hợp, lồng ghép trong hoạt động thực hành sáng tạo, thảo luận, phân tích, đánh giá thẩm mỹ của tiến trình dạy học và liên hệ, ứng dụng thực tiễn.
- Để hình thành, phát triển hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ ở HS, trong tổ chức dạy học, GV vận dụng các yếu tố kích thích khả năng thực hành, sáng tạo của HS bằng những cách thức khác nhau; khuyến khích HS thử nghiệm và đổi mới, kích thích tư duy, khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và liên hệ, ứng dụng thực tiễn. Đồng thời, cần có những hướng dẫn cụ thể để HS chủ động chuẩn bị, sẵn sàng học tập, sáng tạo nhằm tăng cường ý thức trách nhiệm, thúc đẩy sự hứng khởi ở HS. Khi sử dụng

các phương pháp, kĩ thuật dạy học, GV cần tích hợp, lồng ghép hoạt động thực hành, sáng tạo, ứng dụng thẩm mĩ với thảo luận, cũng như kết hợp quan sát, nhận thức và phân tích, đánh giá thẩm mĩ trong tiến trình dạy học.

- Để hình thành, phát triển hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mĩ ở HS, trong tổ chức dạy học, GV khích lệ HS tích cực tham gia hoạt động học tập; vận dụng đa dạng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, tạo điều kiện để HS được tiếp cận và khám phá nghệ thuật bằng nhiều cách khác nhau; kết hợp liên hệ truyền thống văn hoá, bối cảnh xã hội và khai thác thiết bị công nghệ, nguồn internet; quan tâm đến sự khác biệt về giới tính, đa dạng sắc tộc, đặc điểm văn hoá vùng miền và tính thời đại. Các yếu tố này cần được cân nhắc, phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lí lứa tuổi HS và điều kiện dạy học thực tế; đồng thời, cần chú ý đến mối liên hệ và tương tác giữa các thành phần năng lực khác của năng lực mĩ thuật trong tiến trình dạy học.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

7.1. Định hướng chung

- Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Mĩ thuật là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng HS; giúp HS tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và tự điều chỉnh hoạt động học tập; giúp GV biết được những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho HS và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động dạy học một cách phù hợp; giúp nhà quản lí hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục; giúp cha mẹ HS hiểu rõ những tiến bộ của con và có những biện pháp, phối hợp giáo dục với nhà trường. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS.
- Đánh giá cần bảo đảm các yêu cầu sau:
 - + Phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt đối với mỗi lớp học, cấp học; coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong học tập và những tình huống khác nhau.
 - + Đánh giá phẩm chất của HS trong giáo dục Mĩ thuật chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời về thái độ, tình cảm, hành vi ứng xử của HS khi tham gia các hoạt động mĩ thuật.
 - + Đánh giá năng lực đặc thù của môn học chủ yếu bằng định lượng, thông qua đánh giá các thành phần của năng lực thẩm mĩ; chú ý đánh giá vì sự tiến bộ của HS.
 - + Sử dụng công cụ đánh giá tin cậy, đảm bảo toàn diện, khách quan, chính xác và phân hoá; kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức đánh giá, bao gồm việc HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; quan tâm đến những HS có sự khác biệt so với các HS khác về tâm lí, sở thích, về khả năng và điều kiện tối thiểu học tập; thông tin kịp thời về thời điểm đánh giá, hình thức đánh giá, công cụ đánh giá để HS chủ động tham gia quá trình đánh giá.



- + Kết hợp hài hoà giữa đánh giá thường xuyên (quá trình) và đánh giá tổng kết (định kì); trong đó, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong toàn bộ tiến trình dạy học và tích hợp trong các hoạt động dạy học; đánh giá tổng kết được thực hiện ở thời điểm gần hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học).

7.2. Hình thức đánh giá

- *Đánh giá chẩn đoán*: Sử dụng vào thời điểm đầu của một giai đoạn dạy học, nhằm giúp GV thu thập những thông tin về kiến thức, kĩ năng mỹ thuật, những điểm mạnh và nhu cầu của từng HS, từ đó xây dựng kế hoạch và phương pháp giáo dục thích hợp.
- *Đánh giá kết quả*, bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết. Đánh giá thường xuyên căn cứ vào việc HS chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,... trả lời câu hỏi, phát biểu ý kiến, thảo luận, chia sẻ, thuyết trình, bài viết, kết quả thực hành, thực hiện trưng bày, tham gia nhận xét, đánh giá,... trong quá trình học tập. Đánh giá thường xuyên có sự tham gia của các chủ thể khác nhau: GV đánh giá HS, HS đánh giá đồng đẳng, HS tự đánh giá. Đánh giá tổng kết căn cứ vào các sản phẩm thực hành, kết quả dự án học tập, video clip, bài tự luận,...
- *Đánh giá định tính và đánh giá định lượng*: Đánh giá định tính được thực hiện chủ yếu ở cấp Tiểu học; đánh giá định lượng được sử dụng chủ yếu ở cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông, bảo đảm phân hoá dần ở các lớp học trên.

PHẦN HAI

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG KHI SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 9

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 9

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Mĩ thuật ở cấp THCS nói chung và lớp 9 nói riêng

1.1.1. Quan điểm biên soạn

Với mục đích biên soạn một tài liệu giáo khoa cụ thể hoá các yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới, mang lại cho HS, GV một tài liệu dạy – học môn Mĩ thuật nhằm phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực cho HS, SGK *Mĩ thuật* cấp THCS nói chung, *Mĩ thuật 9* nói riêng của bộ sách *Chân trời sáng tạo – Bản 1* được biên soạn dựa trên các quan điểm sau đây:

- Một là, theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông được thể hiện qua các văn bản pháp lí sau:
 - + *Nghị quyết 29-NQ/TW* ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
 - + *Nghị quyết 88/2014/QH13* ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội về Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
 - + Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật được ban hành theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - + Luật Giáo dục năm 2019.
- Hai là, bám sát các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo *Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT* ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Ba là, theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật, với trọng tâm là chuyển từ giáo dục truyền thụ kiến thức sang dạy học hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực cho HS.

- Bốn là, với tư tưởng chủ đạo tiếp nối từ các cuốn sách giáo khoa *Mĩ thuật 6, 7, 8, SGK Mỹ thuật 9 – Chân trời sáng tạo – Bản 1* được định hướng biên soạn cho HS:
- + Cơ hội tiếp cận tri thức như nhau;
- + Phù hợp với năng lực nhận thức khác nhau;
- + Cơ hội phát triển năng lực như nhau;
- + Tự chủ, chủ động trong học tập;
- + Tự do trong sáng tạo;
- + Chủ động trong giải quyết các vấn đề liên quan đến mỹ thuật.

Với tư tưởng này, nội dung và các hoạt động học trong SGK *Mĩ thuật 9* nhằm phát triển các phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật.

1.1.2. Cơ sở khoa học và thực tiễn

Tiếp nối, phát triển đồng bộ, có hệ thống từ SGK *Mĩ thuật cấp Tiểu học* và SGK *Mĩ thuật 6, 7, 8* khi biên soạn SGK *Mĩ thuật 9*, các tác giả tiếp cận một cách hệ thống dựa trên các cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn như sau:

- *Cơ sở khoa học*: Tham khảo các lí thuyết về Tâm lí giáo dục trên thế giới như:
 - + Lí thuyết về phát triển nhận thức của Jean Piaget;
 - + Lí thuyết phát triển tâm lí xã hội của Erik Erikson;
 - + Lí thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner;
 - + Lí thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb;
- *Cơ sở thực tiễn*:
 - + Dựa vào kết quả thực nghiệm và triển khai đại trà bộ sách *Học Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực* và *Dạy Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực* của NXB Giáo dục Việt Nam từ năm học 2017 – 2018 đến nay tại hầu khắp các tỉnh thành trên cả nước nhằm hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học Mỹ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông.
 - + Kế thừa các phương pháp dạy học của một số dự án, vận dụng có chọn lọc, điều chỉnh nội dung chương trình môn Mỹ thuật hiện hành và tham khảo chương trình môn Mỹ thuật của một số nước tiên tiến trên thế giới để vận dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Mỹ thuật lớp 9

1.2.1. Đổi mới về mục tiêu

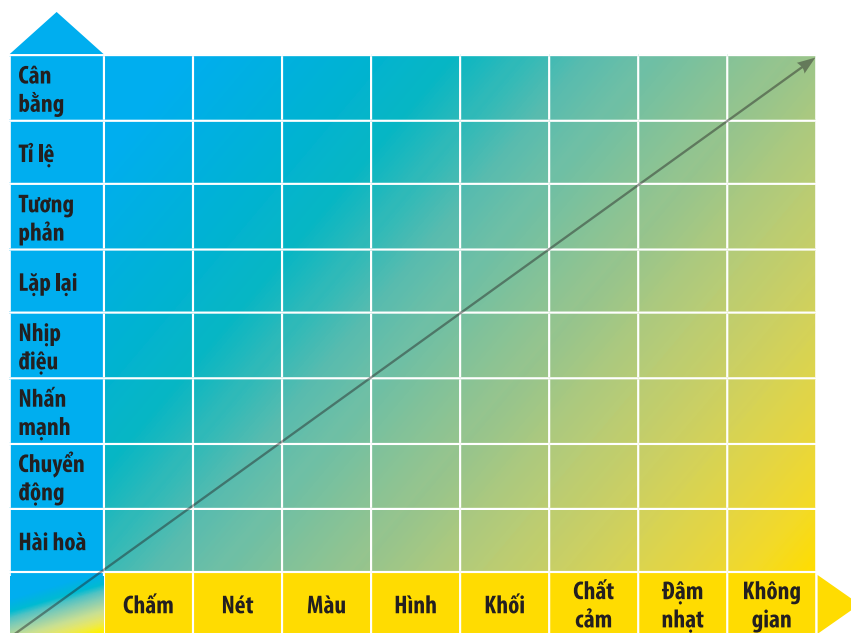
SGK *Mĩ thuật 9* hiện thực hoá mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật phù hợp với bối cảnh lịch sử Việt Nam bằng các mục tiêu cụ thể như:

- Bổ sung, củng cố những kiến thức về ngôn ngữ cơ bản của nghệ thuật tạo hình đã được học ở cấp Tiểu học và các lớp đầu cấp THCS để làm cơ sở cho HS hình thành quan niệm và nhận thức riêng về các giá trị thẩm mỹ trong nghệ thuật và cuộc sống.
- Tạo cơ hội cho HS kết nối các kiến thức trong bài học với thực tế cuộc sống để đáp ứng việc học đi đôi với hành.
- Khuyến khích HS sử dụng và phối hợp các loại vật liệu sẵn có ở địa phương để sáng tạo đa dạng các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, đồng thời để giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.
- Lồng ghép việc giới thiệu một số ngành nghề, nghệ thuật truyền thống vào các bài học nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, giúp HS nhận biết thêm vẻ đẹp của quê hương, đất nước mình.
- Tạo cơ hội tiếp cận và phát huy những thành tựu văn hoá, nghệ thuật đặc sắc trong và ngoài nước, bồi dưỡng tinh thần yêu quê hương đất nước và hội nhập quốc tế ở mỗi HS.

1.2.2. Đổi mới về nội dung

Nội dung SGK *Mỹ thuật 9* được biên soạn trên nguyên tắc lấy yếu tố, nguyên lý tạo hình làm cơ sở, nền tảng cho mọi hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận thông qua các chủ đề giáo dục. Nội dung các bài học được kết nối với nhau theo một tiến trình, trong đó kết thúc hoạt động này là khởi đầu cho hoạt động tiếp theo, để hình thành năng lực sáng tạo và sáng tạo không ngừng cho HS.

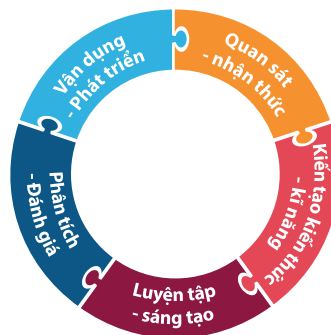
Kiến thức nền tảng của *Mỹ thuật* được đưa vào các bài học theo tiến trình từ đơn giản đến phức tạp và được lồng ghép trong các chủ đề. Trong đó, yếu tố tạo hình được coi là nguyên liệu, là nền tảng của ngôn ngữ mỹ thuật; còn các nguyên lý tạo hình được coi là phương tiện để HS biểu đạt tư tưởng, cảm xúc của mình.



Hình 1. Mối quan hệ giữa các yếu tố tạo hình và nguyên lý tạo hình trong mỹ thuật

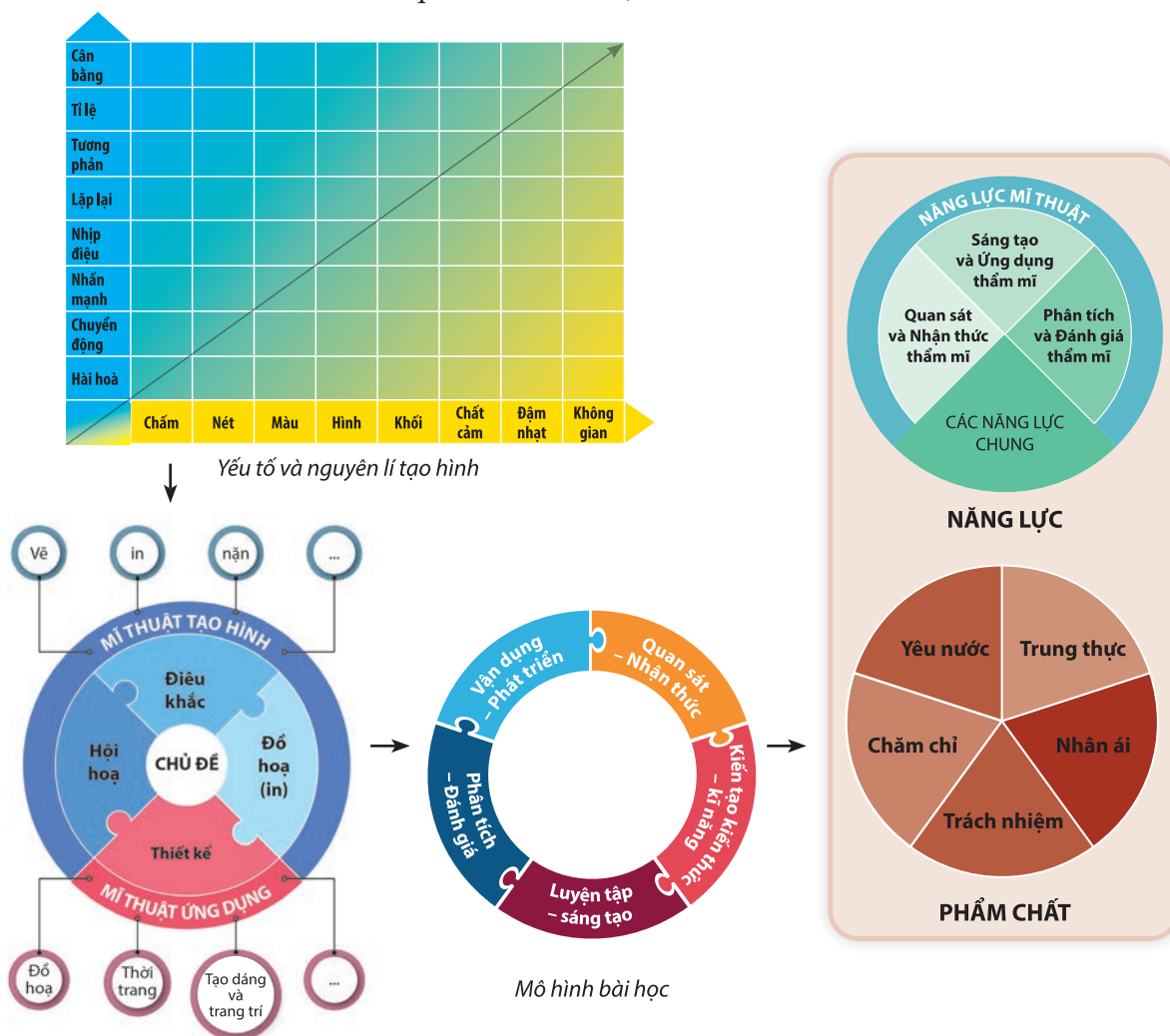
1.2.3. Đổi mới về phương pháp dạy học

Cấu trúc các bài học trong SGK *Mĩ thuật 9* được xây dựng dựa theo mô hình nhận thức của nhà nghiên cứu giáo dục David Kolb đã được triển khai từ SGK *Mĩ thuật* cấp Tiểu học và SGK *Mĩ thuật* các lớp 6, 7, 8. Theo đó, các bài học trong SGK *Mĩ thuật 9* được thiết kế với nhiều hình thức hoạt động mỹ thuật khác nhau để HS có cơ hội **Quan sát – nhận thức, Kiến tạo kiến thức – kĩ năng, Luyện tập – sáng tạo, Phân tích – đánh giá và Vận dụng – phát triển** kiến thức một cách chủ động, hiệu quả.



Hình 2. Mô hình nhận thức bài học

Dựa vào các thành tố trên, Hình 3 sẽ thể hiện đầy đủ, trọn vẹn cấu trúc bộ SGK *Mĩ thuật* với những đổi mới căn bản và đột phá, tạo ra con đường dẫn đến sự hình thành, phát triển cho HS các năng lực chung, năng lực mỹ thuật và các phẩm chất cần đạt một cách khoa học để giúp HS trở thành người công dân tự tin, chủ động trong cuộc sống trước tất cả các vấn đề liên quan đến mỹ thuật.



Hình 3

1.2.4. Đổi mới về đánh giá

Việc đánh giá trong SGK *Mĩ thuật 9* được định hướng nhằm:

- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về các năng lực thẩm mỹ đặc thù của môn *Mĩ thuật*, các phẩm chất cần hình thành ở HS thông qua các hoạt động.
- Giúp GV điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm ngay trong quá trình dạy học và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn, hạn chế của HS để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định đúng về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi HS để có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, rèn luyện của HS; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục ở cấp THCS.
- Giúp HS có năng lực tự đánh giá, tham gia đánh giá lẫn nhau; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ.
- Giúp cha mẹ HS tham gia vào đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của con em mình; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục và hỗ trợ điều kiện học tập cho HS.
- Giúp cán bộ quản lý giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách giáo khoa *Mĩ thuật 9*

Căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lí và các mối quan hệ cơ bản của lứa tuổi HS lớp 9 với cuộc sống xã hội xung quanh, với gia đình, thầy cô, bạn bè, với các thời kì lịch sử hình thành và phát triển nghệ thuật nói chung, *mĩ thuật* nói riêng của thế giới và Việt Nam; đồng thời dựa trên các mạch nội dung theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn *Mĩ thuật*, SGK *Mĩ thuật 9* được cấu trúc thành 7 chủ đề (gồm: *Tư liệu thực tế và sáng tác; Kỹ thuật và chất liệu; Thương hiệu và sản phẩm; Tạo hình nhân vật và sân khấu biểu diễn rối dây; Nghệ thuật Đương đại thế giới; Nghệ thuật Đương đại Việt Nam; Hướng nghiệp*) với 16 bài học và 2 hoạt động tổng kết vào cuối học kì I và cuối học kì II. Cụ thể như sau:

- 7 bài *Mĩ thuật* tạo hình, mỗi bài gồm 2 tiết, tổng số tiết là 14 tiết.
- 7 bài *Mĩ thuật* ứng dụng, mỗi bài gồm 2 tiết, tổng số tiết là 14 tiết.
- 2 bài *Hướng nghiệp*, tổng số tiết là 4 tiết.
- 2 hoạt động Tổng kết (cuối học kì I và cuối học kì II), tổng số tiết là 3 tiết.

Với hệ thống chủ đề và bài học trên, ngoài việc cung cấp kiến thức *mĩ thuật*, HS còn được biết thêm kiến thức liên môn và hình thành các phẩm chất qua các chủ đề, đáp ứng mục tiêu giáo dục con người phát triển toàn diện về năng lực và phẩm chất qua môn *Mĩ thuật*.

2.2. Cấu trúc chủ đề/bài học trong SGK *Mĩ thuật 9*

2.2.1. Đặc điểm của cấu trúc chủ đề bài học

Đặc thù của môn *Mĩ thuật* là môn học hướng tới các giá trị về thẩm mỹ, truyền thống văn hoá lịch sử, kĩ năng thực hành sáng tạo, vận dụng vào thực tế cuộc sống và học tập, khơi dậy cảm xúc tích cực cho HS. Xuất phát từ đặc thù đó, dựa trên yêu cầu của *Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT* và các thành tựu về đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực và dạy học theo chủ đề của môn *Mĩ thuật* cấp THCS những năm gần đây, đồng thời tiếp nối việc đổi mới phương pháp dạy học *Mĩ thuật* cấp Tiểu học, cấu trúc bài học trong SGK *Mĩ thuật 9* được xây dựng như sau:

Cấu trúc bài học theo <i>Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT</i>	Cấu trúc bài học SGK <i>Mĩ thuật 9</i>
MỞ ĐẦU	Quan sát – nhận thức: Quan sát, huy động cảm xúc, kinh nghiệm, sự trải nghiệm để hướng tới nội dung bài học.
KIẾN THỨC MỚI	Kiến tạo kiến thức – kĩ năng: Hình thành kiến thức – kĩ năng mới trong bài học.
LUYỆN TẬP	Luyện tập – sáng tạo: Luyện tập, thực hành, sáng tạo dựa trên kiến thức, kĩ năng vừa được học.
VẬN DỤNG	Phân tích – đánh giá: Giới thiệu, chia sẻ cảm nhận, giao tiếp, nhận xét, rút kinh nghiệm sau luyện tập – sáng tạo để hoàn chỉnh kiến thức, kĩ năng mới.
	Vận dụng – phát triển: Vận dụng kiến thức, kĩ năng, sản phẩm vào thực tiễn cuộc sống và các hoạt động học tập tích hợp với <i>mĩ thuật</i> .

Các bài học trong SGK *Mĩ thuật 9* được biên soạn phù hợp với lứa tuổi HS lớp 9 đồng thời theo mạch nội dung của *Mĩ thuật* tạo hình, *Mĩ thuật* ứng dụng và tích hợp nội dung Lí luận và lịch sử *mĩ thuật*.

Với định hướng *phát triển phẩm chất và năng lực* cho HS, SGK *Mĩ thuật 9* theo Chương trình giáo dục phổ thông mới có một số điểm khác biệt căn bản so với SGK chú trọng *truyền thụ kiến thức* như sau:

SGK truyền thụ kiến thức	SGK theo định hướng phát triển năng lực
1. Theo bài học; 1 tiết/bài; 35 tiết.	1. Theo chủ đề; 2 tiết/bài; 35 tiết (kiến thức các bài học trong chủ đề liên quan đến nhau theo một tiến trình).
2. Kiến thức, kĩ năng kĩ thuật từng bài theo phân môn độc lập (<i>kiến thức kĩ thuật</i>).	2. Kiến thức, kĩ năng kĩ thuật nằm trong các chủ đề dựa trên sự liên kết các hình thức kĩ thuật (<i>kiến thức liên môn</i>).
3. Mục tiêu HS cần đạt dựa theo chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ của từng bài học độc lập (<i>kiến thức đóng</i>).	3. Mục tiêu HS cần đạt theo mạch của chủ đề, có sự tích hợp với kiến thức, kĩ năng của các môn học khác. Do đó các năng lực hợp tác, sáng tạo, biểu đạt bằng tạo hình và ngôn ngữ được phát triển (<i>kiến thức mở</i>).
4. Phương pháp dạy học: GV hướng dẫn lí thuyết, HS thực hành theo, học thụ động (<i>GV là trung tâm</i>).	4. Phương pháp dạy học mở, dựa vào thực tế, dựa trên sự trải nghiệm để HS tự khám phá kiến thức qua các hoạt động kĩ thuật dưới sự hướng dẫn của GV (<i>HS là trung tâm</i>).
5. GV đánh giá kết quả học tập qua sản phẩm của HS (<i>đánh giá một chiều</i>).	5. Ngoài việc GV đánh giá kết quả hoạt động của HS thì HS còn được tự đánh giá và tham gia đánh giá lẫn nhau trong các hoạt động học tập để thúc đẩy các năng lực: Tự chủ và tự học, Hợp tác và giao tiếp, Giải quyết vấn đề và sáng tạo (<i>GV đánh giá, tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng</i>).

Nội dung SGK *Mĩ thuật 9* gồm 16 bài, được sắp xếp theo 7 chủ đề: *Tư liệu thực tế và sáng tác, Kĩ thuật và chất liệu, Thương hiệu và sản phẩm, Tạo hình nhân vật và sân khấu biểu diễn rối dây, Nghệ thuật Đương đại thế giới, Nghệ thuật Đương đại Việt Nam, Hướng nghiệp* và 2 hoạt động tổng kết cuối học kì I và cuối học kì II. Mỗi bài học được tiến hành thông qua 5 hoạt động; ở từng hoạt động, HS sẽ được trải nghiệm một số nhiệm vụ học tập nhất định. Cụ thể như sau:

- Hoạt động *Quan sát – nhận thức*: HS có thể bắt đầu bài học bằng cách quan sát thực tế, tranh, ảnh, sản phẩm kĩ thuật hay trải nghiệm thực hành,...
- Hoạt động *Kiến tạo kiến thức – kĩ năng*: HS quan sát, trải nghiệm và tìm hiểu cách thực hiện để rút ra kiến thức, kĩ năng mới.
- Hoạt động *Luyện tập – sáng tạo*: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hành, sáng tạo sản phẩm, tác phẩm kĩ thuật cá nhân hoặc nhóm.
- Hoạt động *Phân tích – đánh giá*: HS tham gia trưng bày, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.
- Hoạt động *Vận dụng – phát triển*: HS củng cố, vận dụng hoặc kết nối kiến thức kĩ thuật với cuộc sống và với các môn học có liên quan.



Ma trận nội dung của SGK *Mĩ thuật 9* được thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

Tuần (1)	Tên bài (2)	Nội dung (3)	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn (Chỉ số hành vi của từng thành tổ năng lực mĩ thuật) (4)	Yêu cầu cần đạt của bài học về năng lực, phẩm chất (5)	Tư liệu/ Ngữ liệu/ Hình ảnh (6)
CHỦ ĐỀ: TƯ LIỆU THỰC TẾ VÀ SÁNG TÁC					
MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ: – Nêu được cách vẽ kí hoạ và sử dụng tư liệu kí hoạ để sáng tác. – Tạo được kho tư liệu kí hoạ hình dáng người và tranh theo đề tài. – Chỉ ra được nét đẹp biểu cảm của nhân vật trong tác phẩm mĩ thuật. – Có trách nhiệm trong học tập nhóm và sử dụng tư liệu chung ở trường, lớp.					
1 – 2	Bài 1: Vẽ kí hoạ dáng người	– <i>Thực hành:</i> Vẽ kí hoạ nhóm người đang hoạt động. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và tác phẩm mĩ thuật. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật tạo hình – Hội hoạ. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình.</i>	– Nêu được vai trò của hình dáng và tỉ lệ người trong vẽ kí hoạ. – Vẽ được nhóm dáng người đang hoạt động có tỉ lệ phù hợp với hình mẫu. – Vận dụng được các kí hoạ dáng người đang hoạt động làm tư liệu cho bài học khác. – Có ý thức rèn luyện vẽ dáng người để nâng cao kĩ năng trong học tập.	Tranh kí hoạ của hoạ sĩ.
3 – 4	Bài 2: Sử dụng tư liệu kí hoạ trong bố cục tranh	– <i>Thực hành:</i> Vẽ tranh theo đề tài. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và tác phẩm mĩ thuật. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật tạo hình – Hội hoạ. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>cách vận dụng hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo.</i>	– Nêu được cách sử dụng tư liệu kí hoạ dáng người để tạo bố cục tranh. – Tạo được bố cục tranh từ các hình kí hoạ đã chuẩn bị. – Chỉ ra được nét đẹp về nhịp điệu của các dáng người trong tranh và bài vẽ. – Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng tư liệu kí hoạ chung.	Tranh vẽ dáng hoạt động của con người.
CHỦ ĐỀ: KĨ THUẬT VÀ CHẤT LIỆU					
MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ: – Nêu được một số hình thức tạo hình nghệ thuật 2D, 3D có tính khác biệt và bền vững. – Tạo được tranh có tính siêu thực, tác phẩm điêu khắc 3D có tính cân bằng động và thời trang từ trang phục đã qua sử dụng. – Chỉ ra được nét đẹp thẩm mĩ và văn hoá của sản phẩm mĩ thuật và thời trang trong cuộc sống. – Chia sẻ được ý nghĩa và giá trị của đồ vật đã qua sử dụng trong cuộc sống.					

Tuần (1)	Tên bài (2)	Nội dung (3)	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn (Chỉ số hành vi của từng thành tổ năng lực mĩ thuật) (4)	Yêu cầu cần đạt của bài học về năng lực, phẩm chất (5)	Tư liệu/ Ngữ liệu/ Hình ảnh (6)
5 – 6	Bài 3: Vẽ tranh siêu thực	– <i>Thực hành:</i> Vẽ tranh theo đề tài. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và tác phẩm mĩ thuật. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật tạo hình – Hội hoạ. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>phong cách, bút pháp, trường phái.</i>	– Nêu được nét đặc trưng về hình, không gian của nghệ thuật siêu thực. – Vẽ được một bức tranh theo phong cách siêu thực lấy cảm hứng từ một tác phẩm siêu thực. – Chỉ ra được cảm xúc thẩm mĩ của hình, không gian trong tranh siêu thực. – Tôn trọng sự khác biệt về ý tưởng và thẩm mĩ trong sáng tạo nghệ thuật.	Tranh siêu thực của hoạ sĩ.
7 – 8	Bài 4: Tạo tác phẩm theo thể loại điều khắc cân bằng động	– <i>Thực hành:</i> Tạo tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và tác phẩm mĩ thuật. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật tạo hình – Điêu khắc. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>phong cách, bút pháp, trường phái.</i>	– Nêu được cách tạo tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động. – Tạo được tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động từ vật liệu đã qua sử dụng. – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong bài học để tạo các sản phẩm mĩ thuật. – Chia sẻ được ý nghĩa của việc sử dụng vật liệu đã qua sử dụng trong học tập và trong cuộc sống.	Tác phẩm theo thể loại điêu khắc cân bằng động.
9 – 10	Bài 5: Thiết kế thời trang từ trang phục đã qua sử dụng	– <i>Thực hành:</i> Thiết kế trang phục và phụ kiện. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và sản phẩm thực tế. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Thiết kế thời trang. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>xu hướng thẩm mĩ của thời đại và ý tưởng thiết kế.</i>	– Nêu được cách tận dụng trang phục đã qua sử dụng tạo sản phẩm thời trang mới. – Tạo được sản phẩm thời trang đơn giản từ trang phục đã qua sử dụng. – Vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để thiết kế được trang phục. – Chia sẻ được ý nghĩa của việc tận dụng trang phục đã qua sử dụng vì sự phát triển bền vững.	Hình ảnh sản phẩm thời trang từ trang phục đã qua sử dụng.



Tuần (1)	Tên bài (2)	Nội dung (3)	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn (Chỉ số hành vi của từng thành tổ năng lực mĩ thuật) (4)	Yêu cầu cần đạt của bài học về năng lực, phẩm chất (5)	Tư liệu/ Ngữ liệu/ Hình ảnh (6)
CHỦ ĐỀ: THƯƠNG HIỆU VÀ SẢN PHẨM					
MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ: - Nêu được cách thiết kế sản phẩm mĩ thuật ứng dụng 2D, 3D của một thương hiệu. - Tạo được sản phẩm mĩ thuật 2D và 3D có hình, màu liên quan đến nhau. - Chỉ ra được hình, màu, logo thể hiện thương hiệu trong cuộc sống. - Chia sẻ được trách nhiệm của bản thân trong việc tôn trọng giá trị của mỗi sản phẩm và thương hiệu.					
11 – 12	Bài 6: Thiết kế đồ lưu niệm	<i>Thực hành:</i> Thiết kế mẫu đồ lưu niệm. <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và sản phẩm thực tế. <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Thiết kế công nghiệp. <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mĩ thuật.</i>	- Nêu được cách thiết kế và tạo mẫu đồ lưu niệm dạng hình khối 3D. - Tạo được mô hình đồ lưu niệm mang nét đặc trưng riêng của địa phương. - Vận dụng được kĩ thuật tạo hình 3D làm đồ chơi, đồ lưu niệm tặng người thân. - Biết trân trọng vẻ đẹp đặc trưng của lịch sử địa phương và chia sẻ thông điệp văn hoá.	Đồ lưu niệm.
13 – 14	Bài 7: Thiết kế và trang trí bao bì	<i>Thực hành:</i> Thiết kế bao bì đồ lưu niệm. <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và sản phẩm thực tế. <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Thiết kế công nghiệp. <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông.</i>	- Nêu được cách thiết kế và trang trí bao bì cho một thương hiệu. - Tạo được bao bì có hình, màu, logo liên quan đến sản phẩm đồ lưu niệm được tạo ra từ bài trước. - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng của bài học để thiết kế bao bì trong cuộc sống. - Có ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm trong cuộc sống.	Hình ảnh bao bì sản phẩm.

Tuần (1)	Tên bài (2)	Nội dung (3)	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn (Chỉ số hành vi của từng thành tố năng lực mĩ thuật) (4)	Yêu cầu cần đạt của bài học về năng lực, phẩm chất (5)	Tư liệu/ Ngữ liệu/ Hình ảnh (6)
15 – 16	Bài 8: Thiết kế tờ gấp	– <i>Thực hành:</i> Thiết kế tờ gấp giới thiệu, quảng cáo sản phẩm. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm mĩ thuật và sản phẩm của HS. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Thiết kế đồ hoạ. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>xu hướng thẩm mĩ của thời đại và ý tưởng thiết kế.</i>	– Nêu được vai trò của hình ảnh, màu sắc và chữ trong thiết kế tờ gấp giới thiệu – quảng cáo. – Tạo được tờ gấp giới thiệu – quảng cáo cho sản phẩm của bài học trước. – Vận dụng được kiến thức của bài học để nhận diện các thương hiệu trong cuộc sống. – Chia sẻ được trách nhiệm cá nhân trong việc tuyên truyền, quảng bá sản phẩm và nét đẹp văn hoá của quê hương.	Hình ảnh tờ gấp.

TỔNG KẾT HỌC KÌ I

17	Trưng bày sản phẩm mĩ thuật	– <i>Thực hành:</i> Trưng bày sản phẩm. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>nét đẹp văn hoá, xã hội trong các tác phẩm mĩ thuật.</i>	– Nêu được tên và hình thức mĩ thuật đặc trưng của các bài học ở học kì I. – Lựa chọn và trưng bày được sản phẩm mĩ thuật có chất lượng từ các bài đã học. – Vận dụng được cách đánh giá bài học để phân tích nét đẹp văn hoá, xã hội trong các tác phẩm mĩ thuật. – Chia sẻ được sự tôn trọng khi thảo luận và đánh giá kết quả học tập.	Sản phẩm mĩ thuật.
----	--	---	--	---	--------------------

CHỦ ĐỀ: TẠO HÌNH NHÂN VẬT VÀ SÂN KHẤU BIỂU DIỄN RỐI DÂY

MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

- Nêu được cách tạo hình nhân vật rối dây và thiết kế không gian biểu diễn rối.
- Tạo được con rối và mô hình sân khấu biểu diễn rối bằng vật liệu đã qua sử dụng.
- Chỉ ra được giá trị thẩm mĩ và văn hoá của nghệ thuật rối Việt Nam.
- Chia sẻ được vai trò, trách nhiệm của cá nhân với việc tận dụng vật liệu đã qua sử dụng trong học tập và vui chơi.



Tuần (1)	Tên bài (2)	Nội dung (3)	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn (Chỉ số hành vi của từng thành tố năng lực mĩ thuật) (4)	Yêu cầu cần đạt của bài học về năng lực, phẩm chất (5)	Tư liệu/ Ngữ liệu/ Hình ảnh (6)
18 – 19	Bài 9: Tạo hình nhân vật rối dây	– <i>Thực hành:</i> Tạo hình rối dây. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và sản phẩm của nghệ nhân. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Tạo hình 3D. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>cách xác định bố cục khuôn hình (cắt cảnh) trong thực hành sáng tạo.</i>	– Nhận biết được hình thức nghệ thuật và cách tạo hình rối dây đơn giản. – Tạo được hình rối dây bằng vật liệu đã qua sử dụng. – Vận dụng được kĩ thuật tạo hình rối làm đồ chơi, đồ dùng học tập. – Có ý thức bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu rối.	Rối dây.
20 – 21	Bài 10: Thiết kế sân khấu biểu diễn rối dây	– <i>Thực hành:</i> Sử dụng vật liệu đã qua sử dụng tạo mô hình sân khấu rối. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và mô hình sân khấu thực tế. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Tạo hình 3D. – <i>Chủ đề:</i> Văn hoá – xã hội.	Nhận biết được: <i>tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mĩ thuật.</i>	– Nêu được nét đặc trưng và cách tạo mô hình sân khấu biểu diễn rối dây. – Tạo được mô hình sân khấu biểu diễn rối dây từ vật liệu đã qua sử dụng. – Vận dụng được kiến thức của bài học để trang trí sân khấu trong các hoạt động ở trường, lớp. – Có ý thức tìm hiểu nghệ thuật múa rối của Việt Nam và tự hào về nghệ thuật múa rối nước truyền thống.	Hình ảnh sân khấu biểu diễn rối dây.

CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI THẾ GIỚI

MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

- Nêu được một số nét đặc trưng và hình thức thể hiện của nghệ thuật Đương đại thế giới.
- Tạo được bức tranh theo phong cách Pop art và một đoạn phim thể nghiệm nghệ thuật.
- Chỉ ra được cảm nhận về ý tưởng sáng tạo và hình thức thể hiện của một số tác phẩm đương đại thế giới.
- Có ý thức tìm hiểu và tôn trọng sự khác biệt của các hình thức mĩ thuật Đương đại thế giới.

Tuần (1)	Tên bài (2)	Nội dung (3)	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn (Chỉ số hành vi của từng thành tố năng lực mĩ thuật) (4)	Yêu cầu cần đạt của bài học về năng lực, phẩm chất (5)	Tư liệu/ Ngữ liệu/ Hình ảnh (6)
22 – 23	Bài 11: Vẽ tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art	– <i>Thực hành:</i> Vẽ tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và tác phẩm của họa sĩ. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Tạo hình 2D. – <i>Chủ đề:</i> Nghệ thuật Đương đại thế giới.	Nhận biết được: <i>phong cách, bút pháp, trường phái.</i>	– Nêu được nét đặc trưng về màu sắc và hình thức thể hiện tranh của nghệ thuật Pop art. – Vẽ được bức tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art. – Vận dụng được cách phối màu của nghệ thuật Pop art trong thiết kế, trang trí sản phẩm. – Có ý thức chọn lọc tinh hoa mĩ thuật thế giới trong học tập và cuộc sống.	Tranh theo phong cách Pop art.
24 – 25	Bài 12: Phim thể nghiệm nghệ thuật (video art)	– <i>Thực hành:</i> Tạo phim thể nghiệm nghệ thuật (Video art). – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Mĩ thuật đa phương tiện. – <i>Chủ đề:</i> Mĩ thuật Đương đại thế giới.	Nhận biết được: <i>phong cách, bút pháp, trường phái.</i>	– Nêu được quy trình làm video art ở mức độ đơn giản. – Quay được tư liệu để tạo nguồn cho bộ phim ngắn theo chủ đề đã xác định. – Biên tập được nội dung và hình ảnh trên phần mềm tương ứng. – Có ý thức sử dụng video art để tuyên truyền về một số chủ đề như: nhà trường, quê hương,...	Video art.

CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM

MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

- Nêu được một số nét đặc trưng và hình thức thể hiện của nghệ thuật Đương đại Việt Nam.
- Tạo được tác phẩm 2D bằng hình thức in và thể nghiệm một sắp đặt với các vật liệu tìm được.
- Chỉ ra được ý nghĩa và sự đa dạng của các loại hình nghệ thuật Đương đại trong cuộc sống.
- Có ý thức tìm hiểu và chia sẻ ý tưởng của một số tác phẩm nghệ thuật Đương đại Việt Nam với mọi người.



Tuần (1)	Tên bài (2)	Nội dung (3)	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn (Chỉ số hành vi của từng thành tố năng lực mĩ thuật) (4)	Yêu cầu cần đạt của bài học về năng lực, phẩm chất (5)	Tư liệu/ Ngữ liệu/ Hình ảnh (6)
26 – 27	Bài 13: Tranh in đương đại	– <i>Thực hành:</i> Tạo tranh in độc bản. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS và tác phẩm của hoạ sĩ. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng – Đồ hoạ tranh in. – <i>Chủ đề:</i> Nghệ thuật Đương đại Việt Nam.	Nhận biết được: <i>xu hướng thẩm mĩ của thời đại và ý tưởng thiết kế.</i>	– Nêu được cách tạo bức tranh với bản in từ các hình cắt giấy. – Tạo được bức tranh từ khuôn in bằng giấy bìa. – Chỉ ra được sự đa dạng về hình thức và chất liệu tạo hình trong tranh đương đại Việt Nam. – Có ý thức tìm hiểu về đẹp thẩm mĩ trong tranh in đương đại Việt Nam.	Tranh in của hoạ sĩ.
28 – 29	Bài 14: Nghệ thuật sắp đặt	– <i>Thực hành:</i> Tạo tác phẩm sắp đặt. – <i>Thảo luận:</i> Tác phẩm mĩ thuật và sản phẩm của HS. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật tạo hình – Mĩ thuật đa phương tiện. – <i>Chủ đề:</i> Nghệ thuật Đương đại Việt Nam.	Nhận biết được: <i>xu hướng thẩm mĩ của thời đại và ý tưởng thiết kế.</i>	– Nêu được khái quát về đặc điểm nghệ thuật và cách tạo một sản phẩm sắp đặt. – Tạo được sản phẩm sắp đặt theo nhóm, thể hiện được tính sáng tạo. – Vận dụng được kiến thức trong bài học để nhận biết được sự phong phú trong cách thức thể hiện các tác phẩm của nghệ thuật sắp đặt. – Chia sẻ được giá trị của nghệ thuật sắp đặt trong cuộc sống.	Hình ảnh tác phẩm sắp đặt.

CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP

MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

- Liệt kê và nêu được nét đặc trưng, nhu cầu của xã hội đối với một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống.
- Tạo và giới thiệu được nét đặc trưng, nhu cầu của ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng bằng những ứng dụng của khoa học công nghệ.
- Chỉ ra được những ngành nghề phù hợp với sở thích của bản thân và có xu hướng phát triển trong tương lai.
- Chia sẻ được ý thức, trách nhiệm cá nhân với ngành nghề truyền thống liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong tương lai.

Tuần (1)	Tên bài (2)	Nội dung (3)	Yêu cầu cần đạt về chuyên môn (Chỉ số hành vi của từng thành tổ năng lực mĩ thuật) (4)	Yêu cầu cần đạt của bài học về năng lực, phẩm chất (5)	Tư liệu/ Ngữ liệu/ Hình ảnh (6)
30 – 31	Bài 15: Khái quát về ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng	– <i>Thực hành:</i> Tạo PowerPoint/ bài luận hoặc sơ đồ tư duy. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng. – <i>Chủ đề:</i> Hướng nghiệp – Mĩ thuật ứng dụng và ngành nghề.	Nhận biết được: <i>các ngành nghề Mĩ thuật ứng dụng.</i>	– Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống. – Tạo được sản phẩm giới thiệu về một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng. – Vận dụng được kiến thức trong bài học để định hướng ngành nghề phù hợp với bản thân. – Chia sẻ được vai trò và giá trị của các ngành nghề thuộc Mĩ thuật ứng dụng trong đời sống.	Hình ảnh về các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
32 – 33	Bài 16: Đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng	– <i>Thực hành:</i> Tạo sản phẩm giới thiệu nét đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng. – <i>Chủ đề:</i> Hướng nghiệp – Mĩ thuật ứng dụng và ngành nghề.	Nhận biết được: <i>các ngành nghề Mĩ thuật ứng dụng.</i>	– Phân tích được nét đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng. – Tạo được sản phẩm giới thiệu nét đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng. – Vận dụng được những kiến thức của bài học để định hướng về nghề nghiệp của bản thân. – Chia sẻ được về một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng có tiềm năng phát triển trong tương lai.	Hình ảnh về các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
TỔNG KẾT HỌC KÌ II					
34 – 35	Trung bày sản phẩm mĩ thuật	– <i>Thực hành:</i> Trung bày sản phẩm mĩ thuật. – <i>Thảo luận:</i> Sản phẩm của HS. – <i>Thể loại:</i> Mĩ thuật ứng dụng. – <i>Chủ đề:</i> Tổng kết.	Nhận biết được: <i>nét đẹp văn hoá, xã hội trong các tác phẩm mĩ thuật.</i>	– Nêu được tên và hình thức mĩ thuật đặc trưng của các bài học trong học kì II. – Lựa chọn và trưng bày được sản phẩm mĩ thuật có chất lượng từ các bài đã học. – Vận dụng được những kiến thức được học để phân tích, đánh giá sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Thể hiện được sự trân trọng đối với các ý kiến khi thảo luận, đánh giá.	Sản phẩm mĩ thuật.

2.2.2. Một số chủ đề/bài học đặc trưng trong môn Mĩ thuật lớp 9

Những chủ đề được định hướng trong Chương trình Mĩ thuật lớp 9 là sự khác biệt rõ nhất của SGK Mĩ thuật mới so với SGK Mĩ thuật hiện hành.

Sau đây là một số bài học đặc trưng trong SGK *Mĩ thuật* 9:

Bài 1: VẼ KÍ HOẠ DÁNG NGƯỜI

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nêu được vai trò của hình dáng và tỉ lệ người trong vẽ kí hoạ.
- Vẽ được nhóm dáng người đang hoạt động có tỉ lệ phù hợp với hình mẫu.
- Vận dụng được các kí hoạ dáng người đang hoạt động làm tư liệu cho bài học khác.
- Có ý thức rèn luyện vẽ dáng người để nâng cao kĩ năng trong học tập.

Với bài học dạng vẽ theo quan sát này, HS sẽ thực hiện mô phỏng hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu” bằng việc ghi chép những tư thế, động tác, hoạt động sống động của con người trong thực tế để làm tư liệu trong sáng tác. Qua đó, HS được rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích và ghi nhớ khái quát một số dáng hoạt động của con người trong thực tế. Thông qua bài học, HS không chỉ nhận biết được sự đa dạng, phong phú của dáng người đang hoạt động cũng như cấu trúc, tỉ lệ chiều cao của người tính theo đơn vị đầu người để ghi chép và sáng tạo mà còn nhận biết thêm về lịch sử, văn hoá, về mỹ thuật Việt Nam qua một số tác phẩm kí hoạ tiêu biểu như: *Những người vào giải phóng Đắk Tô* (Giang Nguyên Thái), *Trao đổi* (Ngô Mạnh Lân), *Người Hà Nội kháng chiến* (Thang Trần Phênh),...

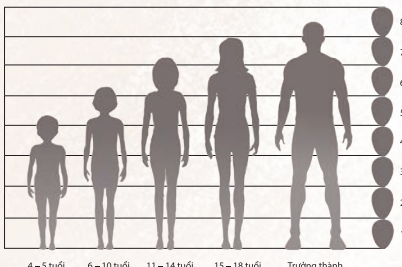
CHỦ ĐỀ

Tư liệu thực tế và sáng tác

Bài 1 VẼ KÍ HOẠ DÁNG NGƯỜI

CHUẨN BỊ
Giấy, bút, màu vẽ.

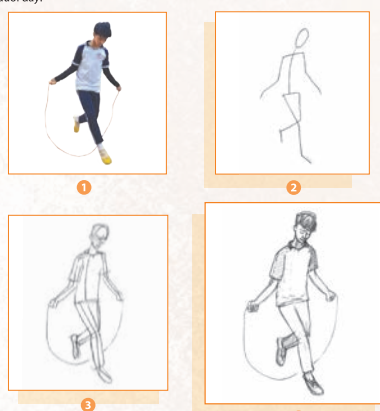
1 Quan sát – nhận thức về tỉ lệ chiều cao của người
– Quan sát hình, dựa vào số đơn vị đầu người để xác định tỉ lệ chiều cao của người.
– Vai trò của tỉ lệ trong vẽ dáng người.



4 – 5 tuổi 6 – 10 tuổi 11 – 14 tuổi 15 – 18 tuổi Trưởng thành

Người trưởng thành thường có chiều cao 17 tương đương đường 7.5 đơn vị đầu.
(Tỉ lệ chiều cao của người Việt Nam thường thấp hơn so với tỉ lệ chuẩn của người châu Âu.
Khi kí hoạ, tỉ lệ dáng người cũng thay đổi tùy theo tư thế hoạt động.)

2 Cách vẽ kí hoạ dáng người
Quan sát hình và chỉ ra cách vẽ kí hoạ dáng người đang hoạt động theo gợi ý dưới đây:



1. Quan sát, ghi nhớ tư thế, động tác, hình dáng của người mẫu.
2. Vẽ mô phỏng đường hướng của người mẫu bằng các nét thẳng.
3. Từ hình phác, vẽ dáng hoạt động theo tỉ lệ của người mẫu.
4. Vẽ chi tiết làm rõ đặc điểm của người mẫu.

Từ hình vẽ khái quát dáng người bằng các nét thẳng, mờ, đối chiếu và quan sát vẽ hình dáng, tỉ lệ nguyên mẫu hoàn thiện bản vẽ kí hoạ dáng người.

3 Vẽ kí hoạ nhóm người

Thay nhau diễn lại các hoạt động thường diễn ra và thực hiện bài vẽ theo hướng dẫn.

Hình tham khảo:



Sản phẩm của học sinh:



1



2

1. Hà Quỳnh (Vinh Phúc), Vui chơi, chì.
2. Giang Châu (Hà Nội), Chơi cầu lông, chì.

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

– Nêu cảm nhận và phân tích về:

- + Hình kí hoạ em ấn tượng.
- + Hình vẽ có tỉ lệ phù hợp, gắn với đặc điểm của mẫu.
- + Hình vẽ thể hiện rõ tư thế, động tác của hoạt động.
- + Cách điều chỉnh để hình kí hoạ có tỉ lệ, thể dáng phù hợp hơn với hình mẫu.

– Nêu ý tưởng sử dụng hình kí hoạ cho bài tiếp theo.

5 Tìm hiểu một số kí hoạ dáng người của hoạ sĩ

Quan sát hình để nhận biết thêm cách vẽ kí hoạ dáng người của hoạ sĩ.



1



3



2

Ảnh: 1, 3. Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
2. Ngô Mạnh Lân, Nét thời gian, NXB Mỹ thuật

Kí hoạ dáng người là một hình thức vẽ trực tiếp để ghi lại tư thế, động tác của nhân vật nhằm rèn luyện tay nghề và làm tư liệu phục vụ cho việc sáng tác của hoạ sĩ.

Bài 2: SỬ DỤNG TƯ LIỆU KÍ HOẠ TRONG BỐ CỤC TRANH

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nêu được cách sử dụng tư liệu kí hoạ dáng người để tạo bố cục tranh.
- Tạo được bố cục tranh từ các hình kí hoạ đã chuẩn bị.
- Chỉ ra được nét đẹp về nhịp điệu của các dáng người trong tranh và bài vẽ.
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng tư liệu kí hoạ chung.

Bài học khuyến khích HS vận dụng các hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo bằng cách yêu cầu các em sử dụng những hình ảnh ghi chép thực tế từ bài học trước, phân tích, lựa chọn những hình kí hoạ phù hợp với ý tưởng sáng tạo của mình, sắp xếp thành bố cục và kết hợp màu sắc để tạo thành bức tranh. Thông qua bài học, HS có thể bày tỏ quan điểm của mình về cuộc sống đồng thời nhận biết được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật.

Bài 2 SỬ DỤNG TƯ LIỆU KÍ HOẠ TRONG BỐ CỤC TRANH

Nội dung bài

- Nếu được cách sử dụng tư liệu kí hoạ đáng người để tạo bố cục tranh.
- Tạo được bố cục tranh từ các hình kí hoạ đã chuẩn bị.
- Chỉ ra được nét đẹp về nhịp điệu của các dáng người trong tranh và bài vẽ.
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng tư liệu kí hoạ chung.

CHUẨN BỊ

Giấy, bút, màu vẽ, hình kí hoạ đáng người đã chuẩn bị.

1 Quan sát – nhận thức về dáng hoạt động của con người

Quan sát hoạt động ở sân trường và cho biết:

- Những hoạt động thường diễn ra trong giờ chơi ở sân trường.
- Tư thế, động tác của hoạt động đó.
- Ý nghĩa của các hoạt động đó.



Ảnh: Lê Quang Vũ

Có rất nhiều hoạt động vui chơi bổ ích diễn ra ở sân trường vào giờ ra chơi như: nhảy dây, chơi cầu lông, đá bóng, đá cầu, chơi ô ăn quan.... Các hoạt động vui chơi đó giúp chúng ta được nghỉ ngơi, thư giãn, có tinh thần thoải mái sau mỗi tiết học, tạo nét đẹp văn hoá cho mỗi nhà trường và gợi cảm hứng để sáng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật về trường lớp, thầy cô, bạn bè.

10

2 Cách xây dựng bố cục tranh từ tư liệu kí hoạ

Quan sát hình và chỉ ra cách thức bố cục tranh từ tư liệu kí hoạ đáng người theo gợi ý dưới đây:



- Lựa chọn hình kí hoạ nhóm phù hợp với ý tưởng sáng tạo.
- Vẽ phác hoặc can lại hình để xây dựng bố cục tranh.
- Điều chỉnh hình, vẽ thêm cảnh vật phù hợp để thể hiện rõ ý tưởng sáng tạo.
- Vẽ màu hoàn thiện tranh.

Sử dụng tư liệu kí hoạ đáng người có thể sắp xếp tạo được bố cục tranh theo đề tài.

11

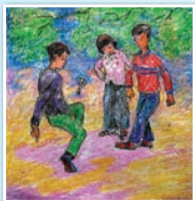
3 Vẽ tranh từ tư liệu kí hoạ đáng người đã chuẩn bị

- Cùng bạn trưng bày các hình kí hoạ đã chuẩn bị.
- Quan sát trên phần trưng bày chung để lựa chọn hình kí hoạ phù hợp với ý tưởng và thực hiện bài vẽ theo hướng dẫn.

Sản phẩm của học sinh:



1



2



3

- Thanh An (Thanh Hoà), Học nhóm, màu gouache.
- Anh Thu (Kon Tum), Đá cầu, màu sáp.
- Khôi Nguyên (Hoà Bình), Cắm trại, màu gouache.

12

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

- Nếu cảm nhận và phân tích về:
 - Bài vẽ em ấn tượng.
 - Nội dung thể hiện trong bài vẽ.
 - Nhân vật được điều chỉnh so với hình kí hoạ ban đầu.
 - Màu sắc, nhịp điệu, tỉ lệ giữa các nhân vật trong bài vẽ.
 - Cách điều chỉnh để bài vẽ hoàn thiện và sinh động hơn.
- Chia sẻ về quá trình lựa chọn hình kí hoạ và cách tạo bố cục từ các hình kí hoạ.

5 Tìm hiểu thêm cách bố cục nhóm người trong tranh của họa sĩ

Quan sát để nhận biết thêm về cách bố cục nhóm người trong tranh của họa sĩ.



1. Đào Quốc Huy, Đồ thị dao, 2010, sơn dầu, 158cm x 215cm.



2. Vũ Đình Tuấn, Thống Giêng, 2002, khắc gỗ, 78cm x 138,4cm.

Ảnh: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam

Hình dáng, hoạt động của con người là một đối tượng để các họa sĩ khai thác và sử dụng làm hình tượng trong tác phẩm nghệ thuật.

13

Bài 11: VẼ TRANH THEO PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT POP ART

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nêu được nét đặc trưng về màu sắc và hình thức thể hiện tranh của nghệ thuật Pop art.
- Vẽ được bức tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art.
- Vận dụng được cách phối màu của nghệ thuật Pop art trong thiết kế, trang trí, sản phẩm.
- Có ý thức chọn lọc tinh hoa mỹ thuật thế giới trong học tập và cuộc sống.

Bài học này hướng dẫn HS vẽ tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art – một hình thức nghệ thuật Đại chúng với cách diễn tả dạng hình phẳng, đường nét mạnh mẽ, rõ ràng, màu sắc rực rỡ, tương phản mạnh,... Thông qua đó, HS nhận biết được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật Đương đại và sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật. Bài học cũng giúp HS nhận biết một số tác phẩm, tác giả nổi tiếng của trào lưu nghệ thuật này như: Andy Warhol với các tác phẩm *Marilyn Diptych*, *Eight Elvis*, *Campbells Soup Cans*,...; Roy Lichtenstein với các tác phẩm *Whaam!*, *Drowning Girl*,...

CHỦ ĐỀ

Nghệ thuật Đương đại thế giới

Bài 11 VẼ TRANH THEO PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT POP ART

CHUẨN BỊ
Giấy, bút, màu, hồ dán,...

1 Quan sát – nhận thức về phong cách nghệ thuật Pop art
Quan sát hình và cho biết:
– Hình ảnh, màu sắc sử dụng trong mỗi bức tranh.
– Điểm giống và khác nhau giữa hai bức tranh.
– Phong cách nghệ thuật được thể hiện trong mỗi bức tranh.



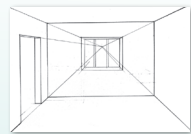
1. Vincent van Gogh (Vin-van Gốc),
Vincent's Bedroom in Arles, 1888, sơn dầu,
72cm x 90cm.



2. Roy Lichtenstein (Roi Lich-ten-sai),
Bedroom at Arles, 1992, sơn dầu,
320cm x 420cm.

Tranh vẽ theo phong cách nghệ thuật Pop art thường thể hiện các hình mảng phẳng, màu sắc rực rỡ, tương phản mạnh với nét phân định các mảng hình đậm, khoẻ.

2 Vẽ căn phòng theo phong cách nghệ thuật Pop art
Quan sát hình và chỉ ra cách vẽ căn phòng theo phong cách nghệ thuật Pop art theo gợi ý dưới đây:







- Vẽ khung hình của bức tranh và xác định một điểm tụ để tạo không gian của căn phòng.
- Đưa vào điểm tụ, vẽ hình các đồ vật trong căn phòng.
- Vẽ màu tươi sáng, rực rỡ cho các hình đồ vật và không gian trong tranh.
- Vẽ nét viền cho các mảng, hình, điều chỉnh màu, hoàn thiện bức tranh.

Sử dụng điểm tụ để xác định hình của các đồ vật và không gian căn phòng, kết hợp với màu sắc tươi sáng và nét viền các mảng hình có thể tạo được bức tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art.

3 Vẽ tranh về căn phòng theo phong cách nghệ thuật Pop art

Hình dung về một căn phòng mà em muốn thể hiện và thực hiện theo hướng dẫn.

Sản phẩm của học sinh:



1



2



3



4

1. Xuân Nghi (Đồng Tháp), Căn phòng rực rỡ, màu da.
2. Minh Long (Hà Nội), Phòng khách, vẽ trên máy tính.
3. Khánh Linh (Hải Phòng), Phòng vui chơi của bé, màu gouache.
4. Anh Quân (Nghệ An), Phòng khách mới, màu gouache.

50

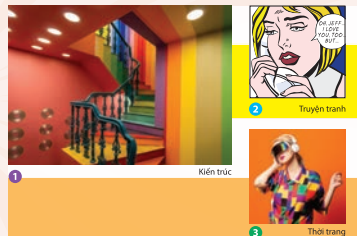
4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

– Nếu cảm nhận và phân tích về:

- + Bài vẽ em yêu thích.
- + Nét đặc trưng về đường nét, màu sắc trong các bài vẽ theo phong cách nghệ thuật Pop art.
- + Kỹ thuật thể hiện bài vẽ.
- + Giải pháp điều chỉnh để bài vẽ hoàn thiện hơn.
- Chia sẻ ứng dụng của nghệ thuật Pop art trong cuộc sống mà em biết.

5 Tìm hiểu một số ứng dụng của nghệ thuật Pop art trong cuộc sống

Quan sát hình để nhận biết thêm một số ảnh hưởng của nghệ thuật Pop art trong cuộc sống.



1

2

3

4

Ảnh: Shutterstock.com

Pop art (hay nghệ thuật Đại chúng) là một phong cách nghệ thuật thị giác xuất hiện trong những năm 1950 – 1960 ở Anh và Hoa Kỳ. Nghệ thuật Pop art rất dễ nhận biết với cách diễn tả dạng hình phẳng; đường nét mạnh mẽ, rõ ràng; màu sắc rực rỡ, tương phản mạnh... đã tác động, chi phối và ảnh hưởng nhiều đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là các loại hình truyền thông quảng cáo, phim ảnh... Một số họa sĩ tiêu biểu của trào lưu nghệ thuật này là: Andy Warhol (Ấn-đi Guo-hồ) với các tác phẩm Marilyn Diptych, Eight Elvis, Campbell's Soup Cans...; Roy Lichtenstein với các tác phẩm Whaam!, Drowning Girl...

51

Bài 15: KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT ỨNG DỤNG

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống.
- Tạo được sản phẩm giới thiệu về một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
- Vận dụng được kiến thức trong bài học để định hướng ngành nghề phù hợp với bản thân.
- Chia sẻ được vai trò và giá trị của các ngành nghề thuộc Mĩ thuật ứng dụng trong đời sống.

Chủ đề hướng nghiệp là nội dung tiếp nối từ SGK *Mĩ thuật 8*. Các bài học của chủ đề này giới thiệu một cách khái quát về các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng, giúp HS bước đầu có những hiểu biết cơ bản về các ngành nghề đó, đặc biệt là các ngành nghề có xu hướng, tiềm năng phát triển trong tương lai và có ý thức xác định được thể mạnh của cá nhân để định hướng việc học tập phù hợp với dự định nghề nghiệp tương lai của bản thân. Bài học khuyến khích HS chủ động, tự chủ tìm kiếm kiến thức, cách trình bày sáng tạo sản phẩm của nhóm, qua đó phát triển năng lực của các em một cách hiệu quả. Thông qua bài học, HS cũng nhận biết được mối quan hệ giữa Mĩ thuật tạo hình và Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống, từ đó biết cách điều tiết và lựa chọn các môn học phù hợp với nghề nghiệp tương lai.

CHỦ ĐỀ

Hướng nghiệp

Bài 15 KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT ỨNG DỤNG

TRỌNG ĐIỂM

- Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống.
- Tạo được sản phẩm giới thiệu về một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
- Vận dụng được kiến thức trong bài học để định hướng ngành nghề phù hợp với bản thân.
- Chia sẻ được vai trò và giá trị của các ngành nghề thuộc Mĩ thuật ứng dụng trong đời sống.

CHUẨN BỊ

Giấy vẽ, bút chì, màu vẽ, máy tính, điện thoại, thông minh, Internet, hình ảnh liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.

5. Thiết kế tạo dáng công nghiệp

6. Nhiếp ảnh

Ảnh: shutterstock.com

Các nhóm ngành liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Nhóm ngành thiết kế trang trí trong không gian 2 chiều.

Nhóm ngành thiết kế trang trí trong không gian 3 chiều.

Nhóm ngành thiết kế truyền thông phim ảnh và hoạt hình.

Nhóm ngành thiết kế môi trường thực tế ảo và thực tế tăng cường.

Nhóm ngành thiết kế tương tác và trải nghiệm người dùng.

Mĩ thuật ứng dụng có một số nghề như thiết kế đồ họa, thiết kế minh họa, dân trang, thiết kế trang trí,... thiết kế nội thất, thiết kế tạo dáng công nghiệp, thiết kế thời trang, gốm, sứ, thủy tinh,... làm phim ngắn, thiết kế phim quảng cáo,... thiết kế sách tương tác, thiết kế trải nghiệm người dùng,... thiết kế thực tế ảo (Virtual Reality – VR), thiết kế thực tế tăng cường (Augmented Reality – AR)...

2 Cách tạo sản phẩm giới thiệu các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Quan sát để nhận biết một số cách giới thiệu các ngành nghề có liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng và thực hiện theo gợi ý dưới đây:

- Xác định nội dung của sản phẩm giới thiệu (sản phẩm thể hiện được tên các nhóm ngành liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng, mỗi nhóm ngành có từ 1 – 3 nghề).
- Xác định hình thức sản phẩm giới thiệu (áp dụng từ đó tự do vẽ, viết bài giới thiệu PowerPoint, poster, video clip,...).
- Thực hiện và hoàn thiện sản phẩm đảm bảo hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình theo hình thức đã chọn.

► Thiết kế bản thuyết trình bằng phần mềm Microsoft PowerPoint:

► Làm phim video bằng phần mềm OpenShot Video Editor trên máy tính:

► Viết bài, vẽ sơ đồ ý niệm (concept map) và sử dụng những hình ảnh liên quan để phân tích...

Có rất nhiều công việc và ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống. Sản phẩm của những ngành nghề này sử dụng ngôn ngữ thị giác để thể hiện ý tưởng và đem lại cho sản phẩm tính thẩm mỹ, tính khả dụng cũng như công năng phục vụ nhu cầu của cuộc sống con người.

Có thể giới thiệu ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng thông qua các hình thức như PowerPoint trình chiếu bài viết giới thiệu nội dung và hình ảnh, Bim poster, tờ gấp; Bim video clip;...

3 Tạo sản phẩm giới thiệu các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

- Tập hợp tư liệu, hình ảnh hoặc bài viết liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng theo nhóm hoặc cá nhân.
- Lựa chọn nội dung các nhóm ngành, hình thức giới thiệu, xây dựng kịch bản để thuyết trình và thực hiện theo hướng dẫn.

Ảnh: Hải Đăng

4 Thuyết trình và thảo luận

- Nêu ý kiến và phân tích về:
 - Sản phẩm mà em/nhóm em đã thực hiện.
 - Tính chính xác, hợp lý của nội dung giới thiệu của nhóm ngành và nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
 - Tính thẩm mỹ của sản phẩm giới thiệu, sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ.
 - Ngành nghề có xu hướng phát triển trong tương lai.
- Chia sẻ về ngành nghề có liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng phù hợp với bản thân và mong muốn nghề nghiệp tương lai của em.

5 Tìm hiểu vai trò của các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Tìm hiểu về vai trò, giá trị và xu hướng phát triển của một số nhóm ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong đời sống thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu, sách báo...

Vai trò của các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Văn hóa

- Tuyên truyền, quảng bá về các sự kiện văn hóa – xã hội
- Phục vụ nhu cầu về giáo dục
- ...

Kinh tế

- Phục vụ sản xuất hàng hóa
- Giới thiệu và quảng bá sản phẩm, làng nghề, du lịch
- ...

Xã hội

- Phục vụ nhu cầu về không gian sống
- Phục vụ nhu cầu về ẩm thực
- Phục vụ nhu cầu về sản phẩm thời trang
- Phục vụ nhu cầu về giao thông
- ...

Mĩ thuật ứng dụng là sự kết hợp giữa nghệ thuật tạo hình và công nghệ để tạo ra những sản phẩm sáng tạo và có tính ứng dụng cao trong cuộc sống hằng ngày. Các sản phẩm của Mĩ thuật ứng dụng thường được thiết kế để giải quyết các vấn đề trong đời sống như: sản xuất thiết kế đồ gia dụng, trang trí nội thất, thời trang, thiết kế đồ họa, website, ứng dụng di động, sản phẩm công nghiệp...

Nhìn chung, trong SGK *Mĩ thuật 9*, nội dung, hình thức thể hiện trong mỗi chủ đề hay mỗi bài học được thiết kế phong phú, đa dạng; chất liệu thể hiện trong các bài học tương đối thông dụng, có thể tìm được ở mọi vùng miền trên cả nước, chú trọng tận dụng vật liệu đã qua sử dụng nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường và hướng tới sự phát triển bền vững cho tương lai. Vì vậy, GV sẽ rất thuận tiện trong việc thiết kế bài giảng theo điều kiện thực tế và năng lực của HS; đồng thời HS sẽ có cơ hội được trải nghiệm, khám phá các bài học với nhiều hình thức như vẽ, nặn, in, tạo hình 3D,... được tiếp nhận thêm nhiều kiến thức về mỹ thuật và lịch sử mỹ thuật, về văn hoá của Việt Nam, thế giới. Để GV sáng tạo và tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp theo SGK được thuận lợi, một mặt GV có thể tổ chức dạy học theo đúng trình tự của các hoạt động trong SGK; mặt khác, GV có thể bắt đầu bài học với bất kì hoạt động nào trong SGK thì vẫn có thể tạo nên những khởi đầu thú vị cho mỗi bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn *Mĩ thuật* theo Chương trình giáo dục phổ thông mới

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn *Mĩ thuật* quy định “Môn *Mĩ thuật* phát triển hai mạch nội dung *Mĩ thuật* tạo hình và *Mĩ thuật* ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên yếu tố và nguyên lí tạo hình. Ở cấp THCS, nội dung giáo dục gồm Lí luận và Lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận mỹ thuật”.

Để thực hiện nội dung giáo dục cốt lõi đó, phương pháp dạy học mỹ thuật mới không chỉ cần vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đặc trưng của môn *Mĩ thuật*, mà còn cần kết hợp với kiến thức lịch sử *Mĩ thuật* và kiến thức liên môn trong mỗi chủ đề, bài học.

Các phương pháp dạy học môn *Mĩ thuật* bao gồm: phương pháp quan sát; phương pháp trực quan; phương pháp gợi mở, vấn đáp; phương pháp luyện tập, thực hành; phương pháp dạy học theo dự án; phương pháp tiếp cận theo chủ đề; phương pháp xây dựng cốt truyện với một số quy trình, hình thức mỹ thuật đã được tiếp cận từ cấp Tiểu học. Trong quá trình dạy học *Mĩ thuật* nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho HS, GV có thể sử dụng và kết hợp linh hoạt, hài hoà các phương pháp dạy học trên tuỳ vào nội dung, cách thức tổ chức trong mỗi hoạt động hay mỗi bài học mỹ thuật.

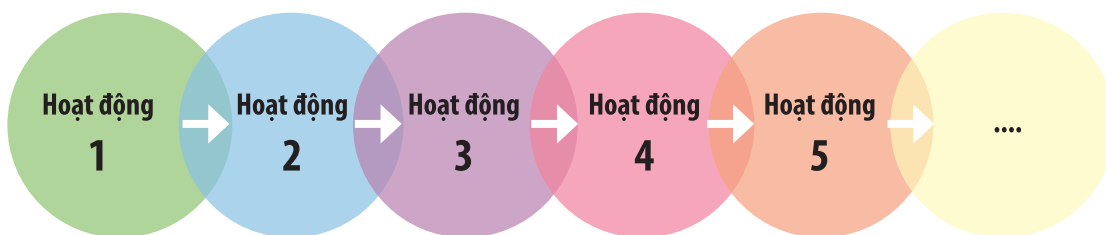
Để việc dạy học đạt được kết quả như mong muốn, GV cần:

- Tạo điều kiện để HS học qua nhiều kênh.
- Chú ý đến phong cách học của từng HS.
- Kết hợp kiến thức của bản thân HS và chiến lược học tập.
- Xây dựng một môi trường học tập thân thiện, truyền cảm hứng cho HS.

Dưới đây là những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học Mĩ thuật mới mà các GV cần lưu ý.

a) Hoạt động giáo dục Mĩ thuật cần có tính liên kết và hệ thống

Mục tiêu và nội dung các bài học mĩ thuật một mặt vừa đảm bảo theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn Mĩ thuật ở cấp THCS; mặt khác, được thiết kế thành các hoạt động mĩ thuật và các hoạt động này được liên kết với nhau theo một tiến trình, sao cho kết thúc hoạt động này là điểm khởi đầu sáng tạo cho hoạt động tiếp theo. Các hoạt động được xây dựng theo chủ đề để HS được trải nghiệm, sáng tạo trên mọi hình thức, chất liệu đồng thời qua đó chủ đề bài học được sáng tỏ qua nhiều góc nhìn.



Hình 4

b) Hoạt động giáo dục Mĩ thuật cần tác động được đến các loại hình trí thông minh của học sinh

Trong một lớp học, mỗi HS thường có thiên hướng mạnh hơn về một hay một số loại hình trí thông minh khác nhau. Vì vậy khi xây dựng kế hoạch dạy học, GV cần hết sức chú ý để giúp HS có thể phát huy những trí thông minh nổi trội của các em. Đối với giáo dục mĩ thuật, GV cần chú trọng hơn đến việc phát triển trí thông minh không gian – thị giác để phát huy khả năng hình dung các vật thể, các chiều không gian của HS, từ đó góp phần giúp HS hình thành năng lực sáng tạo hình ảnh không gian – thị giác.

c) Hoạt động giáo dục Mỹ thuật cần hướng tới hình thành năng lực sáng tạo và các kĩ năng cho học sinh

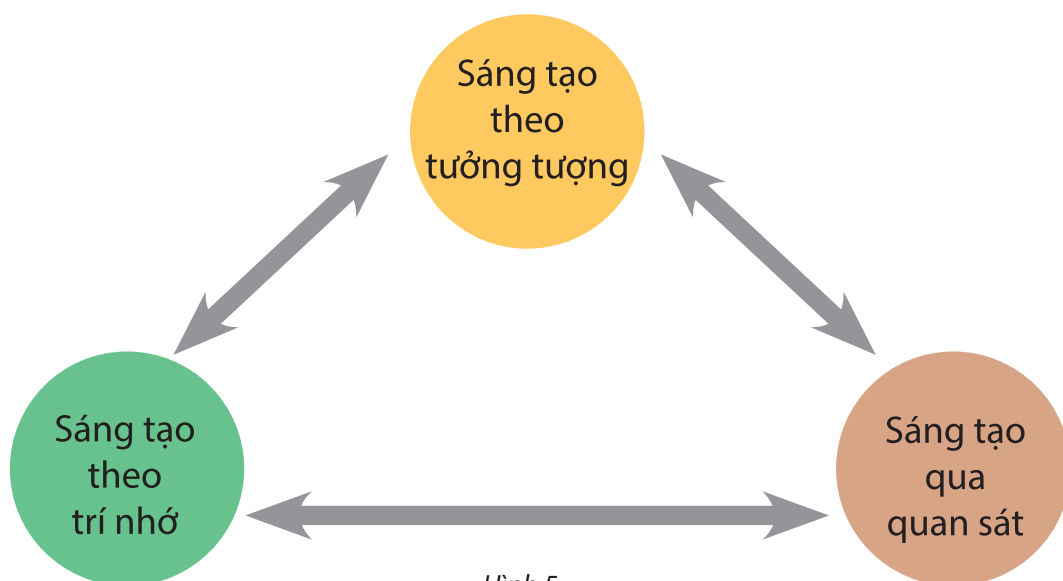
Giáo dục Mỹ thuật nên được tổ chức thành các hoạt động nghệ thuật 2D, 3D, 4D nhằm mang lại sự thích thú học tập cho HS, qua đó hình thành năng lực thẩm mĩ, năng lực sáng tạo và phẩm chất, nhân cách cho HS. Trong hoạt động giáo dục Mỹ thuật, GV đóng vai trò định hướng, tổ chức, hướng dẫn, gợi mở cho HS tham gia các hoạt động cụ thể để giúp các em có thể tự khám phá và chiếm lĩnh những kiến thức, kĩ năng, từng bước hình thành các phẩm chất, năng lực, tính sáng tạo, độc lập, tự chủ và kĩ năng sống cần thiết.

d) Yêu cầu về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Hoạt động giáo dục Mỹ thuật cần tăng cường khả năng tự học, tự khám phá kiến thức, tự đánh giá cho HS ở mức độ phù hợp với lứa tuổi, trình độ, năng lực của các em; tăng cường sự tương tác, giao tiếp giữa HS với HS và HS với GV trong quá trình hoạt động. Phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động mỹ thuật phải phù hợp và tạo cơ hội cho HS phát huy được tính tích cực, chủ động, tự giác trong quá trình hoạt động.

e) Yêu cầu về đảm bảo phát huy tính sáng tạo cho học sinh trong các hoạt động học tập

Sáng tạo mỹ thuật là sự kết hợp của ba hình thức: *sáng tạo theo trí nhớ*, *sáng tạo theo tưởng tượng* và *sáng tạo qua quan sát*. Các hình thức này luôn đan xen và hoà hợp với nhau trong quá trình sáng tạo. Mỗi hoạt động giáo dục Mỹ thuật thông thường sẽ được bắt đầu bằng một trong ba hình thức trên.



Hình 5

Các phương pháp dạy học Mĩ thuật trong SGK Mĩ thuật mới có sự liên kết các hoạt động theo một tiến trình. Vì vậy, khi lập kế hoạch dạy học, GV phải khuyến khích được khả năng sáng tạo trong học tập của HS, tạo cơ hội cho HS được đưa ra ý tưởng và tìm cách hoàn thiện ý tưởng bằng các chất liệu, các hình thức, phương tiện biểu đạt khác nhau, từ đó hình thành năng lực sáng tạo và sáng tạo không ngừng cho các em.

– Sáng tạo từ quan sát (Vẽ theo mẫu):

Khi tổ chức dạy học được bắt đầu từ quan sát, GV cần tạo cơ hội cho HS được quan sát hình mẫu cụ thể như hình ảnh đồ vật, con vật, phong cảnh, con người hay tranh, ảnh,... để HS ghi chép, mô phỏng, phân tích, làm cơ sở cho HS trải nghiệm và khám phá trong các hoạt động mĩ thuật tiếp theo.

Ví dụ: Với các bài *Vẽ kí hoạ dáng người, Sử dụng tư liệu kí hoạ trong bố cục tranh* hay *Phim thể nghiệm nghệ thuật (video art)*, GV sẽ tổ chức cho HS quan sát, ghi chép các thể dáng, động tác, hoạt động thực tế của con người, hoặc quay, chụp lại những hoạt động của con người trong cuộc sống để làm tư liệu cho sáng tác tranh hay tạo một đoạn phim thể nghiệm nghệ thuật thể hiện quan điểm, suy nghĩ của các em về những vấn đề của xã hội.

Còn với các bài học như *Vẽ tranh siêu thực, Tạo tác phẩm theo thể loại điêu khắc cân bằng động*... GV cần khuyến khích HS quan sát, lựa chọn hình ảnh đặc trưng của mỗi tác phẩm và dựa trên những hình dáng, hình tượng hay cách thể hiện tác phẩm mẫu để thực hiện sáng tạo sản phẩm mĩ thuật mới theo phong cách của hoạ sĩ.

– Sáng tạo từ tưởng tượng (Vẽ tranh – Tạo hình 3D – Vẽ trang trí):

Với hình thức này, HS liên tưởng đến những hình ảnh mới mà các em cảm nhận được khi quan sát các hình ảnh, sản phẩm mĩ thuật hay các vật liệu tái sử dụng,... làm cơ sở sáng tạo sản phẩm mĩ thuật về nội dung chủ đề của bài học.

Ví dụ:

- + Bài *Thiết kế thời trang từ trang phục đã qua sử dụng, Tạo hình nhân vật rối dây, Nghệ thuật sắp đặt*: HS sẽ được quan sát những trang phục hay những đồ vật đã qua sử dụng để hình thành ý tưởng sáng tạo sản phẩm rồi thực hiện cắt ghép, kết hợp các chất liệu lại với nhau để tạo sản phẩm mĩ thuật phục vụ cuộc sống. Các bài học giúp HS khám phá giá trị mới của những đồ vật đã qua sử dụng và sự phong phú của Mĩ thuật ứng dụng.
- + Bài *Thiết kế và trang trí bao bì, Thiết kế tờ gấp*: HS sẽ được ôn lại một phần kiến thức bài *Túi giấy đựng quà tặng* ở lớp 6 để thiết kế một bao bì đựng đồ lưu niệm đã tạo ở bài học trước và thiết kế tờ gấp giới thiệu đồ lưu niệm đó. Thông qua các bài học, HS sẽ nhận biết được các yếu tố nhận diện của một thương hiệu trong cuộc sống và mối liên quan giữa các ngành thuộc Mĩ thuật ứng dụng.

– Sáng tạo từ trí nhớ (Vẽ tranh – Vẽ trang trí – Tạo hình 3D):

Với hình thức sáng tạo từ trí nhớ, GV tổ chức hoạt động hoặc đưa ra những câu hỏi về một chủ đề để giúp HS tưởng tượng hay nhớ đến một đối tượng cụ thể trong tâm trí rồi tái tạo lại hình tượng bằng sản phẩm 2D hay 3D trong các hoạt động mỹ thuật khác nhau.

Ví dụ: Ở bài *Thiết kế đồ lưu niệm*, HS sẽ nhớ lại những hình ảnh, cảnh vật đặc trưng về văn hoá, lịch sử của quê hương, đất nước rồi mô phỏng lại bằng hình thức 3D để hiểu thêm về ngôn ngữ của hình khối và giá trị của nó trong các tác phẩm điêu khắc đồng thời giáo dục các em biết trân trọng, giữ gìn và quảng bá vẻ đẹp đặc trưng của lịch sử, văn hoá địa phương, dân tộc.

Trên đây là gợi ý về ba cách thức khởi đầu cho một hoạt động giáo dục Mỹ thuật. Khi lập kế hoạch dạy học, GV nên quan tâm đến cách thức khởi đầu mỗi hoạt động hay mỗi tiết học để thu hút sự tập trung tâm trí của HS, đồng thời tạo cảm hứng và sự thích thú cho HS tham gia trải nghiệm, khám phá. Tuy nhiên, GV cũng cần chú ý đến việc xây dựng kế hoạch phát triển tiếp theo để những hình ảnh sáng tạo ban đầu là nguồn cảm hứng cho các hoạt động kế tiếp bằng các hình thức mỹ thuật 2D, 3D hay các chất liệu khác nhau.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học Mỹ thuật

3.2.1. Lập kế hoạch quy trình dạy học Mỹ thuật

GV có thể lập kế hoạch quy trình dạy học Mỹ thuật dựa vào các gợi ý sau:

- GV cần thiết kế các hoạt động xâu chuỗi với nhau sao cho thấy rõ được kết quả của các quy trình dạy – học trong mỗi chủ đề.
 - GV và HS có thể chia sẻ về những nội dung trong bài học như: mục tiêu bài học; cách thức để đạt được mục tiêu đó; kết quả học tập;...
 - Kế hoạch dạy học phải phản ánh việc GV sẽ khuyến khích và hướng dẫn HS như thế nào để các em có thể phát triển các năng lực: trải nghiệm, biểu đạt, sáng tạo, phân tích, đánh giá, kết nối kiến thức với cuộc sống.
 - GV tạo hứng thú cho HS bằng cách tổ chức các hoạt động Mỹ thuật tích hợp, linh hoạt, theo nội dung bài học từ nhóm chủ đề liên quan đến kinh nghiệm cá nhân, tâm lí lứa tuổi và kiến thức của HS.
 - Tạo mối quan hệ giữa HS và GV, khuyến khích sự tham gia của cha mẹ HS, Ban Giám hiệu và các GV khác trong trường vào quá trình giáo dục HS.
 - Khi lập kế hoạch và tổ chức một quy trình mỹ thuật, GV cần lưu ý mục đích lớn nhất là phải khuyến khích và tạo cơ hội để HS học được cách tự học:
- + Bắt đầu từ những cái đã biết.
 - + Thiết kế và tìm câu trả lời cho những câu hỏi mở.

- + Tạo ra những cảm xúc mới trong điều kiện học tập thực tế.
- + Lấy nguồn cảm hứng và kiến thức từ nhiều nguồn.
- + Điều chỉnh linh hoạt các hình thức thể hiện phù hợp với kiến thức và trải nghiệm mới.
- + Tổng kết và đánh giá những gì HS đã làm.

3.2.2. Tích hợp các quy trình mỹ thuật

Việc thực hiện tích hợp các quy trình mỹ thuật của GV nhằm:

- Thiết kế các hoạt động dựa trên những gì HS đã biết và những gì liên quan đến sở thích, mối quan tâm của các em.
- Để HS chủ động trong quá trình học tập.
- Hướng HS trở thành người chủ động giải quyết vấn đề.
- Tạo điều kiện cho HS sáng tạo, kiến tạo, hình ảnh hoá và giao tiếp.
- Hình thành cho HS những kỹ năng cần thiết như: tính toán, viết, đọc, nói, trình bày và làm việc theo nhóm.
- Làm cho HS thích học và học thực sự thông qua việc tạo cơ hội cho HS tự làm và thích làm, bởi vì quy trình mỹ thuật có liên hệ và gắn với cuộc sống hằng ngày cũng như quá trình học tập của các em, giúp phát triển thêm những kỹ năng sống mới cho các em.
- Giúp HS nhớ lại kiến thức, những kỷ niệm và phát huy trí tưởng tượng, đồng thời cho các em cơ hội chia sẻ những gì các em đã biết khi trình bày về sở thích, mối quan tâm, mơ ước hay ý tưởng. GV cần chọn những chủ đề phù hợp với HS để khơi gợi trí tò mò, từ đó lôi cuốn HS tham gia thực sự vào quá trình học.

3.2.3. Vai trò của giáo viên trong quá trình dạy học mỹ thuật

GV có trách nhiệm tạo ra môi trường an toàn và tự tin, ở đó HS được tự mình tham gia vào quá trình học tập, nhờ vậy các em có được những hiểu biết và kỹ năng mới mà trước đó chưa có.

GV là nhà thiết kế sáng tạo và linh hoạt các hoạt động dạy học, vì họ chính là người điều khiển cách thức học tập. GV lựa chọn và bao quát được toàn bộ hoạt động trên lớp dựa trên những kiến thức nền tảng cũng như những gì phát sinh trong quá trình dạy học.

GV là người dẫn dắt đưa ra thách thức cho HS hay là người tổ chức các hoạt động học tập với nhiều nội dung cần xác định:

- Mục tiêu tổng thể nào cần đạt?
- Bắt đầu quy trình hoạt động như thế nào?
- Tài liệu, đồ dùng, phương tiện nào phù hợp?

- Làm thế nào có thể kết nối các hoạt động lại với nhau một cách logic?
- Đánh giá như thế nào?

GV lập kế hoạch cho từng hoạt động, là người điều khiển quá trình và tạo điều kiện cho HS phát triển nội dung bằng các câu hỏi mở và khuyến khích các em chia sẻ những kinh nghiệm sẵn có của mình; tạo nền tảng cần thiết để giúp các em kiến tạo được quy trình học tập của mình bằng cách liên hệ những điều đã biết với những điều sẽ học.

GV khuyến khích HS chuẩn bị những câu trả lời, các câu hỏi liên quan đến những nội dung và ngôn ngữ mỹ thuật của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật để tham gia tích cực vào nội dung chủ đề, bài học.

GV có trách nhiệm giáo dục nghệ thuật và thông qua nghệ thuật có thể giáo dục các kiến thức liên môn cho HS bằng cách độc lập hoặc hợp tác với các GV khác để xây dựng các hoạt động, các nội dung tích hợp liên môn.

GV cần sử dụng kiến thức về các loại hình trí thông minh trong quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức các tình huống học tập cho HS. GV nên phát huy thế mạnh của mỗi cá nhân để tạo hứng thú cho HS và phát triển loại hình trí thông minh khác của HS, làm cho kinh nghiệm học tập của các em phong phú hơn, mang tính thực tế hơn.

3.2.4. Dạy học dựa vào sự tham gia và kết quả học tập của học sinh, thông qua đánh giá liên tục

Dạy học dựa trên kết quả học tập của HS được hiểu là những kiến thức HS có được trong việc tham gia vào quá trình học tập; kết thúc mỗi hoạt động, HS sẽ có khả năng phát triển ý tưởng cho các hoạt động tiếp theo.

Khi thiết kế các hoạt động dạy học Mỹ thuật theo hướng phát triển năng lực, GV cần có kế hoạch một cách rõ ràng để có thể đưa HS vào quy trình đánh giá liên tục. Khi tiến hành đánh giá liên tục, nên khuyến khích HS tự đánh giá và tham gia đánh giá lẫn nhau. GV có thể giúp HS nâng cao ý thức và sự nỗ lực để đạt được sự tiến bộ trong quá trình học tập bằng cách khuyến khích HS suy nghĩ về những điều các em học và đã học như thế nào. Qua đó cũng hình thành và phát triển phẩm chất cho HS phù hợp với nội dung từng bài học.

Trong quá trình dạy học, GV cần mô tả quy trình mỹ thuật dựa trên kết quả học tập tổng thể của tất cả HS cũng như kết quả riêng lẻ của từng em để quá trình đánh giá liên tục hỗ trợ tốt nhất cho việc học tập ở mỗi cá nhân.

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN MĨ THUẬT

Mục tiêu và kết quả của từng chủ đề, bài học được gắn với mỗi hoạt động trong các quy trình mỹ thuật nhằm hỗ trợ việc thực hiện đánh giá liên tục của GV và sự tham gia của HS trong quá trình đánh giá và tự đánh giá.

GV có thể điều chỉnh mục tiêu và kết quả tùy vào từng đối tượng HS ở mỗi địa phương. GV cần thấy rằng trong thực tế đôi khi việc dạy đã diễn ra nhưng lại không đạt được mục tiêu đề ra, bởi không phải tất cả HS đều có cùng năng lực hay có phong cách học tập giống nhau.

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

– *Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Mĩ thuật:*

- + Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng HS;
- + Giúp HS tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và tự điều chỉnh hoạt động học tập;
- + Giúp GV biết được những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có giải pháp hướng dẫn kịp thời cho HS và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động dạy học một cách phù hợp;
- + Giúp nhà quản lí hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục;
- + Giúp cha mẹ HS hiểu rõ những tiến bộ của con em mình và có những biện pháp phối hợp giáo dục với nhà trường.

Về đánh giá kết quả của HS THCS nói chung, lớp 9 nói riêng, mỗi học kì sẽ có đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì vào giữa kì, cuối kì và cuối năm học theo quy định đối với HS cấp THCS. Trên cơ sở đó, GV tổng hợp đánh giá HS về:

- + Quá trình tham gia học tập, hoạt động giáo dục.
- + Mức độ hình thành và phát triển năng lực.
- + Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất.

– *Các yêu cầu của việc đánh giá:*

- + Đánh giá phải phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề, bài học trong SGK *Mĩ thuật*. Coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong học tập và vận dụng vào giải quyết những tình huống khác nhau.
- + Đánh giá phẩm chất của HS trong giáo dục Mĩ thuật qua các chủ đề bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời về thái độ, tình cảm, hành vi ứng xử của HS khi tham gia các hoạt động mĩ thuật.
- + Đánh giá năng lực đặc thù thông qua quá trình tham gia hoạt động và sản phẩm của bài học; chú ý đánh giá vì sự tiến bộ của HS.
- + Đánh giá bao gồm cả việc HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng; quan tâm đến những HS có sự khác biệt về tâm lí, sở thích, về khả năng và điều kiện học tập tối thiểu để HS chủ động tham gia vào quá trình đánh giá.
- + Kết hợp hài hoà giữa đánh giá thường xuyên (quá trình) và đánh giá tổng kết (định kì).

– *Hình thức đánh giá:*

- + *Đánh giá chẩn đoán:* Sử dụng vào thời điểm đầu của một giai đoạn dạy học, nhằm giúp GV thu thập những thông tin về kiến thức, kĩ năng kĩ thuật, những điểm mạnh, điểm yếu và nhu cầu của từng HS, từ đó xây dựng kế hoạch và phương pháp giáo dục phù hợp.
- + *Đánh giá kết quả:* Bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết. Đánh giá thường xuyên căn cứ vào việc HS chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,... trả lời câu hỏi, phát biểu ý kiến, thảo luận, chia sẻ, thuyết trình, bài viết, kết quả thực hành, thực hiện trưng bày, tham gia nhận xét, đánh giá,... trong quá trình học tập. Đánh giá thường xuyên có sự tham gia của các chủ thể khác nhau: HS tự đánh giá, GV đánh giá HS, HS đánh giá lẫn nhau (đánh giá đồng đẳng). Đánh giá tổng kết căn cứ vào các sản phẩm thực hành, kết quả dự án học tập,...

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Mỹ thuật

Về nguyên tắc, nội dung đánh giá HS trong hoạt động giáo dục Mỹ thuật luôn dựa trên nguyên tắc, nội dung đánh giá HS THCS quy định tại *Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT* ngày 12 tháng 12 năm 2011 và *Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT* ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong đánh giá hoạt động giáo dục Mỹ thuật, cụ thể là đối với đánh giá thường xuyên, cần lưu ý một số điểm sau đây:

- Đánh giá thường xuyên đối với hoạt động giáo dục Mỹ thuật là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện của HS, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các hoạt động giáo dục Mỹ thuật.
- Trong đánh giá thường xuyên đối với hoạt động giáo dục Mỹ thuật, GV cần ghi nhận những nhận xét đáng chú ý nhất vào sổ theo dõi chất lượng giáo dục, những kết quả HS đã đạt được hoặc chưa đạt được; biện pháp cụ thể giúp HS vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS; những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân HS, nhóm HS trong học tập, rèn luyện.
- Yêu cầu của đánh giá thường xuyên đối với hoạt động giáo dục Mỹ thuật:

+ *GV đánh giá:*

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động mà HS phải thực hiện trong bài học, GV cần tiến hành một số việc như sau:

- Quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, nhóm HS theo tiến trình dạy học.
- Nhận xét bằng lời nói trực tiếp với HS hoặc viết nhận xét vào phiếu, vở của HS về những kết quả HS đã làm được hoặc chưa làm được; về mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng

kiến thức của HS; về mức độ thành thạo các thao tác, kĩ năng cần thiết, phù hợp với yêu cầu của bài học, hoạt động của HS.

- Quan tâm đến tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS; áp dụng biện pháp cụ thể để kịp thời giúp đỡ HS vượt qua khó khăn. Do năng lực của HS không đồng đều nên có thể chấp nhận sự khác nhau về thời gian, mức độ hoàn thành nhiệm vụ giữa các HS.
- GV cần lưu ý đến những HS có nhiệm vụ chưa hoàn thành và hướng dẫn, giúp đỡ kịp thời để HS biết cách hoàn thành nhiệm vụ.
- GV ghi nhận xét vào sổ theo dõi chất lượng giáo dục về mức độ hoàn thành nội dung của hoạt động giáo dục Mĩ thuật; dự kiến và việc áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt để giúp đỡ kịp thời đối với những HS chưa hoàn thành nội dung học tập của hoạt động giáo dục Mĩ thuật trong tháng. Khi nhận xét, GV cần đặc biệt quan tâm động viên, khích lệ, biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với mỗi thành tích, tiến bộ để giúp HS tự tin vươn lên.

+ *HS tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý với bạn, nhóm bạn:*

- Tự đánh giá ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập.
- Tham gia nhận xét, góp ý với bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập trong các hoạt động giáo dục Mĩ thuật; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

+ *Cha mẹ HS tham gia đánh giá:*

Cha mẹ HS được khuyến khích phối hợp với GV và nhà trường để động viên, giúp đỡ HS học tập, rèn luyện. GV cần hướng dẫn cha mẹ HS cách thức quan sát, động viên các hoạt động của HS hoặc cùng HS tham gia các hoạt động. Cha mẹ HS có thể trao đổi với GV về các nhận xét, đánh giá con em mình bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện nhất như viết nhận xét, trao đổi trực tiếp, viết thư.

– Đánh giá thường xuyên sự hình thành và phát triển năng lực của HS thông qua hoạt động giáo dục Mĩ thuật có thể tiến hành dựa trên các biểu hiện hoặc hành vi như sau:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc phục vụ cho học tập.

+ Giao tiếp, hợp tác.

+ Tự học và tự giải quyết vấn đề.

– Đánh giá thường xuyên sự hình thành các phẩm chất của HS thông qua hoạt động giáo dục Mĩ thuật có thể tiến hành dựa trên các biểu hiện hoặc hành vi như sau:

+ Chăm học, thường xuyên trao đổi nội dung học tập với bạn bè, GV, tích cực tham gia các hoạt động nghệ thuật, tích cực tham gia và vận động các bạn cùng tham gia làm đẹp trường lớp, nơi ở và nơi công cộng.

+ Tự tin, tự trọng, mạnh dạn khi thực hiện nhiệm vụ học tập, trình bày ý kiến cá nhân.

+ Thích tìm hiểu về các địa danh, nhân vật nổi tiếng ở địa phương, quê hương, đất nước.

Đối với SGK, sau mỗi hoạt động trong bài học, HS có thể tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau về nhận thức, kiến thức, kỹ năng thực hành, năng lực sáng tạo, hợp tác, phân tích, giải thích các nội dung học tập.

Đối với sách bài tập, sau mỗi bài tập, HS sẽ tự đánh giá kết quả thực hiện của mình theo các mức độ được thể hiện ở cuối mỗi trang bài tập. Ví dụ:

HS tự đánh giá (Đánh dấu vào mức đánh giá)

Đạt ☐ Chưa đạt ☐

GV đánh giá (Đánh dấu vào mức đánh giá)

Đạt ☐ Chưa đạt ☐

5. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN, SÁCH BỔ TRỢ, SÁCH THAM KHẢO, NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ MÔN MĨ THUẬT LỚP 9

5.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên môn Mĩ thuật lớp 9

5.1.1. Kết cấu sách giáo viên môn Mĩ thuật lớp 9

Mỗi bài học trong *Sách giáo viên Mĩ thuật 9* được thiết kế thành một kế hoạch dạy học cụ thể, tương ứng với SGK *Mĩ thuật 9*. Mỗi kế hoạch dạy học trình bày các nội dung sau:

- Chủ đề/Tên bài.
- Mục tiêu HS cần đạt.
- Chuẩn bị.
- Các hoạt động.

Trong mỗi kế hoạch dạy học thường theo tiến trình gồm có 5 hoạt động thống nhất với các hoạt động học được trình bày trong SGK là: *Quan sát – nhận thức* → *Kiến tạo kiến thức – kỹ năng* → *Luyện tập – Sáng tạo* → *Phân tích – Đánh giá* → *Vận dụng – Phát triển*.

Mỗi hoạt động thường bao gồm các nội dung sau:

- + **Tên hoạt động.**
- + **Nhiệm vụ của GV:** Đưa ra nhiệm vụ trọng tâm mà GV cần thực hiện trong hoạt động.
- + **Gợi ý cách tổ chức:** Gợi ý cách thức, các bước tiến hành hoạt động.
- + **Câu hỏi gợi mở:** Đưa ra hệ thống câu hỏi GV có thể sử dụng để gợi mở cho HS trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học Mĩ thuật.
- + **Tóm tắt để HS ghi nhớ:** Tóm tắt, chốt lại hoặc lưu ý HS các kiến thức, kỹ năng của mỗi hoạt động/bài học mà HS cần nắm được.

Trong các hoạt động thì hoạt động *Vận dụng – Phát triển* là hoạt động mang tính gợi mở cho HS vận dụng và tiếp tục sáng tạo trên cơ sở các kiến thức, kĩ năng của bài học mỹ thuật vào các hoạt động, bài học tiếp theo hoặc kết nối mỹ thuật với cuộc sống.

5.1.2. Hướng dẫn sử dụng Sách giáo viên Mỹ thuật 9 hiệu quả

Để sử dụng *Sách giáo viên Mỹ thuật 9* có hiệu quả, GV cần nghiên cứu kĩ để nắm vững các nội dung của sách.

Cấu trúc của *Sách giáo viên Mỹ thuật 9* gồm 2 phần như sau:

– Phần thứ nhất: Một số vấn đề chung về dạy học môn Mỹ thuật lớp 9.

Phần này giúp cho các GV mỹ thuật hiểu được những nội dung cơ bản sau:

- + Tổng quan về Chương trình môn Mỹ thuật lớp 9.
- + Giáo dục mỹ thuật nhằm phát triển năng lực HS.
- + Đánh giá trong dạy học Mỹ thuật.
- + Giới thiệu SGK môn Mỹ thuật lớp 9 (Cấu trúc SGK; Mô hình nhận thức; Cấu trúc kế hoạch bài học cụ thể trong *Sách giáo viên Mỹ thuật 9*).

– Phần thứ hai: Hướng dẫn thực hiện các bài học cụ thể.

Phần này hướng dẫn GV thực hiện các bài học cụ thể trong SGK *Mỹ thuật 9*.

Nội dung SGK *Mỹ thuật 9* được biên soạn theo các chủ đề đã định hướng trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Mỹ thuật.

Các bài học trong SGK *Mỹ thuật 9* được biên soạn theo hướng mở, không đóng khung vào thứ tự chủ đề để GV và nhà trường linh hoạt xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế địa phương. Tuy vậy, để đảm bảo tính liên kết hoạt động và hệ thống nội dung, hình thức thể hiện các dạng bài mỹ thuật trong chủ đề thì có thứ tự các bài trong mỗi chủ đề. GV xây dựng kế hoạch dạy học cho phù hợp với điều kiện thực tế về thời gian, hoàn cảnh kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, phù hợp với điều kiện chuẩn bị dụng cụ, vật liệu cho bài học của GV và HS.

SGK *Mỹ thuật 9* được thể hiện lồng trong *Sách giáo viên Mỹ thuật 9* giúp các GV thuận tiện sử dụng khi xây dựng kế hoạch dạy học và tương tác với HS trong các hoạt động. Các ví dụ, hình ảnh minh hoạ, hệ thống câu hỏi trong từng hoạt động của các bài học chỉ là những gợi ý giúp cho các GV tổ chức tiến trình bài học. GV có thể linh hoạt vận dụng, điều chỉnh các hoạt động trước, sau không theo trình tự trong SGK, bổ sung hình ảnh minh hoạ, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, vật liệu thay thế sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng lớp học và với năng lực thực tế của HS để đáp ứng mục tiêu của chủ đề và mục tiêu của từng bài học trong chủ đề.

Ví dụ: SGK *Bài Thiết kế đồ lưu niệm* (gồm 2 trang đôi):

CHỦ ĐỀ

Thương hiệu và sản phẩm**Bài 6 THIẾT KẾ ĐỒ LƯU NIỆM****Nhớ câu nói**

- Nếu được cách thiết kế và tạo mẫu đồ lưu niệm dạng hình khối 3D.
- Tạo được mô hình đồ lưu niệm mang nét đặc trưng riêng của địa phương.
- Vận dụng được kĩ thuật tạo hình 3D làm đồ chơi, đồ lưu niệm tặng người thân.
- Biết trân trọng vẻ đẹp đặc trưng của lịch sử địa phương và chia sẻ thông điệp văn hoá.

CHUẨN BỊ

Đất nặn,
hình ảnh
mẫu để tạo
sản phẩm
lưu niệm.

1 Quan sát – nhận thức về đồ lưu niệm

Quan sát hình và cho biết:

- Nét đặc trưng về văn hoá, địa lí được thể hiện qua sản phẩm.
- Cách kết hợp hình, khối, màu sắc trong sản phẩm.
- Giá trị của sản phẩm lưu niệm trong cuộc sống.



1. Búp bê với trang phục truyền thống (Việt Nam), gốm



2. Búp bê Matryoshka (Nga), gỗ



3. Lạc đà (Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất), đá và kim loại



4. Tháp Eiffel (Pháp), kim loại



5. Cối xay gió (Hà Lan), gốm

Ảnh: Shutterstock.com

Đồ lưu niệm có hình dạng, màu sắc, chất liệu phong phú, đa dạng, mang nét văn hoá đặc trưng của mỗi quốc gia hay sự kiện.

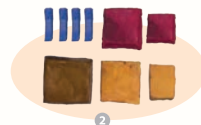
26

2 Cách thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm

Quan sát hình và chỉ ra cách thiết kế tạo dáng một đồ lưu niệm bằng đất nặn theo gợi ý dưới đây:



1



2



3



4

1. Vẽ phác để xác định hình dạng, kích thước đồ lưu niệm.
2. Tạo hình khối chính của đồ lưu niệm.
3. Tạo hình chi tiết và đặc điểm riêng của đồ lưu niệm.
4. Lắp ráp các hình khối, hoàn thiện sản phẩm.

Sử dụng hình khối thể hiện hình ảnh đặc trưng của cảnh vật về văn hoá, xã hội của địa phương có thể tạo được đồ lưu niệm.

27

3 Thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm của quê hương em

Xác định vật liệu và hình ảnh đặc trưng về văn hoá, lịch sử của quê hương em để tạo đồ lưu niệm theo hướng dẫn.

Sản phẩm của học sinh:



1



2



3



4

1. Minh Vương (Thanh Hoá), Chũ Tễu, đất nặn.
2. Đám Hiên (Hà Nội), Tháp Rùa, đất nặn.
3. Hoàng Linh (Hà Bình), Búp bê và trang phục truyền thống, bìa các-tông.
4. Nhàn Hiên (Thành phố Hồ Chí Minh), Khuê Văn Các, đất nặn.

28

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

Nếu cảm nhận và phân tích về:

- Sản phẩm em yêu thích.
- Hình khối, màu sắc tạo nên sản phẩm.
- Kĩ thuật tạo hình sản phẩm.
- Nét văn hoá vùng miền thể hiện ở sản phẩm.
- Ý tưởng điều chỉnh để sản phẩm hoàn thiện hơn.

5 Tìm hiểu một số đồ lưu niệm của một thương hiệu

Quan sát hình để nhận biết thêm một số loại hình đồ lưu niệm của một thương hiệu.



Ảnh: Khoa Thiết kế đồ họa,
Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

Đồ lưu niệm là món quà có ý nghĩa về tinh thần dành cho bạn bè, du khách để lưu lại kỉ niệm của một chuyến đi, một sự kiện hay những điều đáng nhớ và ấn tượng trong cuộc sống.

Đồ lưu niệm thường mang thông điệp và ý nghĩa văn hoá của vùng miền, quốc gia, vùng lãnh thổ... Đồ lưu niệm đa dạng về loại hình, kiểu dáng, phong phú về chất liệu, màu sắc tạo sự hấp dẫn, thu hút thị giác, góp phần quảng bá cho một địa danh hoặc một thương hiệu.

29

Sách giáo viên Mỹ thuật 9 (gồm 2 trang đôi):

CHỦ ĐỀ

Thương hiệu và sản phẩm

BÀI 6 THIẾT KẾ ĐỒ LƯU NIỆM

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS:

- Nêu được cách thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng 2D, 3D của một thương hiệu.
- Tạo được sản phẩm mỹ thuật 2D và 3D có hình, màu liên quan đến nhau.
- Chỉ ra được hình, màu, logo thể hiện thương hiệu trong cuộc sống.
- Chia sẻ được trách nhiệm của bản thân trong việc tôn trọng giá trị của mỗi sản phẩm và thương hiệu.

HD 1 QUAN SÁT – NHẬN THỨC

Quan sát – nhận thức về đồ lưu niệm.

Nhiệm vụ của GV:

Tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trong SGK Mỹ thuật 9, thảo luận và chỉ ra nét đặc trưng về văn hoá, địa lí, cách kết hợp hình, khối, màu sắc và giá trị của sản phẩm lưu niệm trong cuộc sống.

Gợi ý cách tổ chức:

- Yêu cầu HS quan sát hình ảnh ở trang 26 trong SGK Mỹ thuật 9 và đồ lưu niệm do GV chuẩn bị.
- Nêu câu hỏi gợi ý để HS thảo luận và phân tích về:
 - + Nét đặc trưng về văn hoá, địa lí được thể hiện qua sản phẩm.
 - + Cách kết hợp hình, khối, màu sắc trong sản phẩm.
 - + Giá trị của sản phẩm lưu niệm trong cuộc sống.

CÂU HỎI GỢI MỞ

- Các đồ lưu niệm trong hình gợi đến quốc gia, nền văn hoá nào?
- Em biết thêm gì về môi trường ảnh hưởng đến lịch sử, văn hoá của một quốc gia?
- Cách kết hợp hình, khối, màu sắc của các đồ lưu niệm có như thế nào?
- Các sản phẩm lưu niệm có giá trị như thế nào trong cuộc sống?
- ...?

CHUẨN BỊ

- HS: Đất nặn, dụng cụ nặn.
- GV: Hình ảnh đồ lưu niệm.

HD 2 KIẾN TẠO KIẾN THỨC – KĨ NĂNG

Cách thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm.

Nhiệm vụ của GV:

Hướng dẫn HS quan sát hình minh hoạ trong SGK Mỹ thuật 9, tìm hiểu để nhận biết cách thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm.

Gợi ý cách tổ chức:

- Yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ ở trang 27 trong SGK Mỹ thuật 9.
- Nêu câu hỏi gợi ý để HS thảo luận, phân tích và chỉ ra cách thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm.
- Gợi mở để HS nhắc lại và ghi nhớ các bước thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm.

CÂU HỎI GỢI MỞ

- Để thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm cần thực hiện bao nhiêu bước?
- Hình dạng, kích thước của mô hình đồ lưu niệm được xác định bằng cách nào?
- Các hình khối chính của đồ lưu niệm được tạo ở bước nào?
- Tạo hình chi tiết và đặc điểm riêng cho đồ lưu niệm được thực hiện sau bước nào?
- ...?

Tóm tắt để HS ghi nhớ

Sử dụng hình khối thể hiện hình ảnh đặc trưng của cảnh vật về văn hoá, xã hội của địa phương có thể tạo được đồ lưu niệm.

HD 3 LUYỆN TẬP – SÁNG TẠO

Thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm của quê hương em.

Nhiệm vụ của GV:

Tổ chức cho HS xác định vật liệu, hình ảnh đặc trưng về văn hoá, lịch sử của quê hương các em và thực hành thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm của quê hương em. Hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thực hành.

Gợi ý cách tổ chức:

- Tổ chức cho HS tham khảo hình ảnh ở trang 28 trong SGK Mỹ thuật 9 để các em học hỏi và rút kinh nghiệm khi thực hành thiết kế tạo dáng sản phẩm lưu niệm.
- Nêu câu hỏi gợi ý để HS chia sẻ về: ý tưởng thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm; hình dạng, kích thước, vật liệu sử dụng để tạo sản phẩm; và nét đặc trưng về văn hoá, lịch sử của quê hương mà các em sẽ thể hiện trong sản phẩm.

CÂU HỎI GỢI MỞ

- Em sẽ thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm gì?
- Em sẽ dùng vật liệu gì để tạo đồ lưu niệm như thế nào?
- Hình khối chính của đồ lưu niệm có dạng gì?
- Em sẽ tạo thêm các chi tiết gì để đồ lưu niệm thể hiện rõ hơn nét đặc trưng của quê hương em?
- Đồ lưu niệm đó thể hiện nét đặc trưng về văn hoá, lịch sử gì của quê hương em?
- ...?

HD 4 PHÂN TÍCH – ĐÁNH GIÁ

Trưng bày sản phẩm và chia sẻ.

Nhiệm vụ của GV:

Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm, thảo luận, chia sẻ cảm nhận và phân tích về hình khối, màu sắc, kĩ thuật tạo hình và nét văn hoá vùng miền thể hiện ở sản phẩm lưu niệm.

Gợi ý cách tổ chức:

- Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm.
- Nêu câu hỏi gợi ý để HS chia sẻ cảm nhận và phân tích về:
 - + Sản phẩm yêu thích.
 - + Hình khối, màu sắc tạo nên sản phẩm.
 - + Kĩ thuật tạo hình sản phẩm.

CÂU HỎI GỢI MỞ

- Em thích sản phẩm đồ lưu niệm nào? Vì sao?
- Hình khối, màu sắc của sản phẩm như thế nào?
- Kĩ thuật tạo hình sản phẩm như thế nào?
- Nét văn hoá vùng miền thể hiện ở chi tiết nào trên sản phẩm?
- Em có ý tưởng điều chỉnh như thế nào để sản phẩm hoàn thiện hơn?
- ...?

HD 5 VẬN DỤNG – PHÁT TRIỂN

Tìm hiểu một số đồ lưu niệm của một thương hiệu.

Nhiệm vụ của GV:

Tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trong SGK Mỹ thuật 9, thảo luận để nhận biết thêm một số loại hình đồ lưu niệm của một thương hiệu.

Gợi ý cách tổ chức:

- Yêu cầu HS quan sát hình ảnh một số loại hình đồ lưu niệm của một thương hiệu ở trang 29 trong SGK Mỹ thuật 9.
- Nêu câu hỏi gợi ý để HS thảo luận và chia sẻ về loại hình, kiểu dáng, màu sắc, chất liệu, ý nghĩa... của một số loại hình đồ lưu niệm của một thương hiệu.

CÂU HỎI GỢI MỞ

- Hình minh hoạ thể hiện những loại hình đồ lưu niệm nào của thương hiệu?
- Các đồ lưu niệm đó có kiểu dáng, màu sắc như thế nào?
- Chất liệu được sử dụng để tạo các đồ lưu niệm đó là gì?
- Các đồ lưu niệm của thương hiệu được tạo ra nhằm mục đích gì?
- Em còn biết những loại hình đồ lưu niệm nào khác mà các thương hiệu thường sử dụng?
- ...?

Tóm tắt để HS ghi nhớ

Đồ lưu niệm là món quà có ý nghĩa về tinh thần dành cho bạn bè, du khách để lưu lại kỉ niệm của một chuyến đi, một sự kiện hay những điều đáng nhớ và ấn tượng trong cuộc sống.

Đồ lưu niệm thường mang thông điệp và ý nghĩa văn hoá của vùng miền, quốc gia, vùng lãnh thổ... Đồ lưu niệm đa dạng về loại hình, kiểu dáng, phong phú về chất liệu, màu sắc tạo sự hấp dẫn, thu hút thị giác, góp phần quảng bá cho một địa danh hoặc một thương hiệu.

Để sử dụng *Sách giáo viên Mỹ thuật 9* hiệu quả, GV cần lưu ý một số điểm sau:

- Nắm vững các kĩ thuật thể hiện của Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật ứng dụng và phương pháp tổ chức để vận dụng linh hoạt trong các chủ đề/bài học sao cho các hoạt động trong từng bài, các bài trong từng chủ đề có sự liên kết với nhau về nội dung hoặc về các hình thức mỹ thuật. Có thể cho HS bắt đầu bài học bằng hình thức quan sát thực tế hoặc tưởng tượng hay nhớ lại kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm cá nhân để trải nghiệm, khám phá kiến thức, hình thành kĩ năng mới.
- Động viên, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời để giúp HS phát triển năng lực, phẩm chất, phát huy thế mạnh cá nhân trong học tập Mỹ thuật và hợp tác tốt với bạn, với GV trong quá trình học tập.
- Cuối mỗi bài học, tùy điều kiện lớp học, GV cần tổ chức, hướng dẫn, gợi mở cho HS trưng bày, giới thiệu, chia sẻ về sản phẩm theo hình thức phù hợp với khả năng, ý tưởng của các em.
- Đánh giá kết quả học tập của HS trong cả quá trình hoạt động và qua sản phẩm theo năng lực sau mỗi hoạt động dựa vào gợi ý trong sách giáo viên.
- Tùy điều kiện thực tế, GV mỹ thuật có thể phối hợp với các lực lượng khác để tổ chức các hoạt động dạy học Mỹ thuật hiệu quả (*Ban Giám hiệu, GV chủ nhiệm, các GV bộ môn khác, cha mẹ HS,...*). Có thể xây dựng phòng học Mỹ thuật (hoặc học tại lớp) với đầy đủ đồ dùng, phương tiện học tập chung cho HS để các em có ý thức tập thể, ý thức trách nhiệm trong việc cùng nhau bảo quản, giữ gìn, sử dụng và sử dụng tiết kiệm đồ dùng, sản phẩm, có ý thức chia sẻ và giúp đỡ nhau,...
- Thường xuyên cập nhật thông tin, bổ sung những kiến thức tự nhiên, xã hội,... có liên quan tới các bài học Mỹ thuật. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, chia sẻ với các đồng nghiệp những kinh nghiệm dạy học thực tế để phát triển năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của bản thân.

Ngoài các hoạt động chính, trong sách giáo viên còn có thêm một số nội dung mở rộng với mục đích gợi ý thêm cho GV khi tổ chức dạy học ở những lớp có nhiều HS khá, giỏi, hoặc làm phong phú thêm các hình thức tổ chức bài học.

Với các lớp học 2 buổi/ngày, GV có thể lập kế hoạch bổ sung, tổ chức cho HS tham gia các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm theo yêu cầu tiếp nối trong sách bài tập và phát triển ý tưởng mở rộng theo bài học ở buổi 1 mà không cần phải soạn một bài mới. Ví dụ: thể hiện hình thức mỹ thuật khác với cách đã thực hiện, hợp tác nhóm để tạo sản phẩm chung, sử dụng sản phẩm mỹ thuật của buổi học trước để kể chuyện, sắm vai, trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận để phát triển kỹ năng thuyết trình,...

5.2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo

5.2.1. Cấu trúc sách bổ trợ, sách tham khảo

Song hành với SGK *Mỹ thuật 9* là *Bài tập Mỹ thuật 9*. Đây là loại sách bổ trợ nhằm giúp cho HS lớp 9 thực hiện các hoạt động thực hành sáng tạo cá nhân theo tiến trình bài học với các hình thức mỹ thuật như: vẽ, cắt dán, in,...

Bài tập Mỹ thuật 9 gồm các nội dung:

- củng cố kiến thức, gợi ý các cách thực hiện đã học trong SGK.
- Các bài tập để HS thực hành theo các hoạt động trong bài học.
- Phần đánh giá cuối mỗi bài tập để HS tự đánh giá và GV đánh giá kết quả của HS.

5.2.2. Phân tích, hướng dẫn sử dụng sách bài tập, sách tham khảo hỗ trợ trong dạy học

Bài tập Mỹ thuật 9 là không gian để HS thể hiện những kiến thức, kỹ năng của bài học trong SGK. Ở đó, HS được trải nghiệm các hoạt động thực hành với các yếu tố, nguyên lý mỹ thuật như: chấm, nét, hình, màu, đậm nhạt, không gian,... để thể hiện ý tưởng, cảm xúc cá nhân về thế giới xung quanh.

Với *Bài tập Mỹ thuật 9*, HS có thể:

- Trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm có sẵn để khám phá nội dung bài học.
- Luyện tập, sáng tạo những kiến thức, kỹ năng vừa học trong SGK.
- Vận dụng và phát triển sáng tạo những kiến thức, kỹ năng được học bằng các hình thức thể hiện khác.

Ví dụ: *Bài tập Mỹ thuật 9* bài *Thiết kế đồ lưu niệm* (1 trang đôi).

Bài tập Mỹ thuật 9 (1 trang đôi):

CHỦ ĐỀ
Thương hiệu và sản phẩm

Bài 6 THIẾT KẾ ĐỒ LƯU NIỆM

1 Vẽ phác hình đồ lưu niệm của quê hương mà em sẽ tạo.

2 Thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm theo hình vừa vẽ phác.

Hình tham khảo

HS tự đánh giá (Đánh dấu ✓ vào mức đánh giá)

Đạt ☐ Chưa đạt ☐

GV đánh giá (Đánh dấu ✓ vào mức đánh giá)

Đạt ☐ Chưa đạt ☐

5.3. Hướng dẫn khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Website *hanhtrangso.nxbgd.vn*, *taphuan.nxbgd.vn*, *chantroisangtao.vn* và đặc biệt là *sachthietbigiaoduc.vn* được thiết kế để hỗ trợ cho GV, HS, cha mẹ HS trong các hoạt động giáo dục nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho HS thông qua việc cung cấp các phiên bản sách điện tử, học liệu, tài liệu và chia sẻ tối đa các tài nguyên giáo dục đã được số hoá.

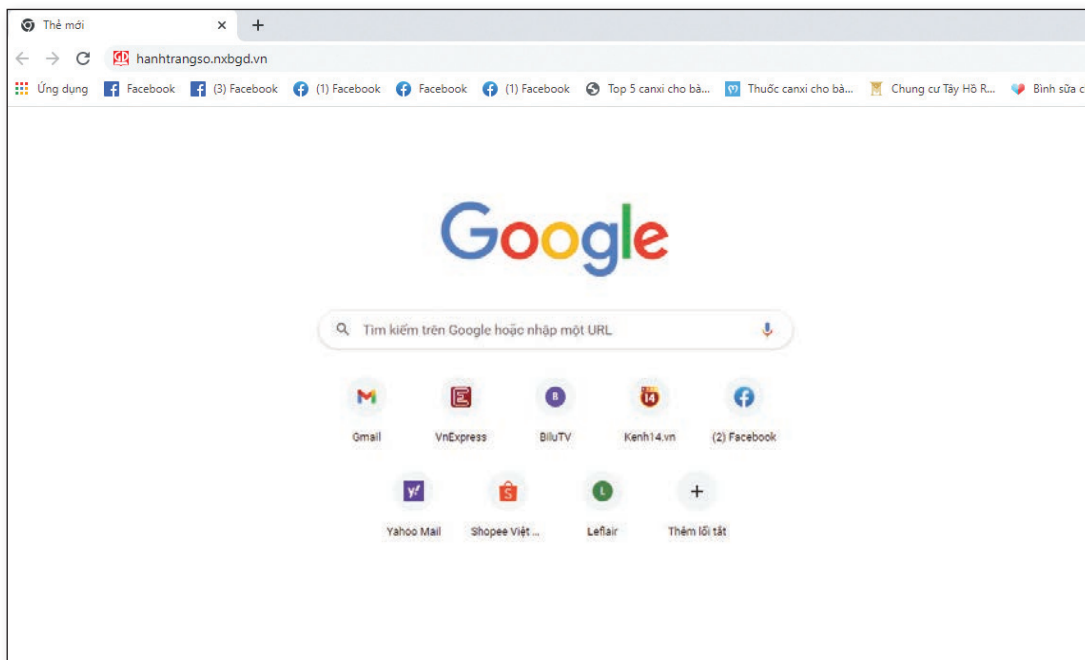
- **Đối với GV:** Các thầy cô có thể tham khảo những thông tin mới nhất được cập nhật liên quan đến dạy học ở THCS; truy cập nguồn tài nguyên phục vụ các bài giảng và có cơ hội kết nối trực tuyến để chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn với các tác giả SGK và các chuyên gia giáo dục.
- **Đối với HS:** Các em có thể tham khảo các tài liệu mình quan tâm; có thể kết nối trực tuyến với các tác giả SGK, sách tham khảo và cộng đồng để nhận được sự giải đáp về những thắc mắc của các em trong học tập.
- **Đối với cha mẹ HS:** Cha mẹ HS có thể nắm được những tài liệu cần thiết cho việc học của con em mình; có thể kết nối trực tuyến với các tác giả và cộng đồng để tự tin trong việc hỗ trợ, giúp đỡ và quản lý việc học tập của con em mình.

Để khai thác và sử dụng hiệu quả các học liệu, tài liệu và các tài nguyên giáo dục đã được số hoá của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, mỗi GV, HS chỉ cần có một thiết bị có thể truy cập Internet như: máy tính để bàn, máy tính xách tay, điện thoại thông minh,... và làm theo hướng dẫn bên dưới.

– Đối với website *hanhtrangso.nxbgd.vn*, thực hiện các bước sau:

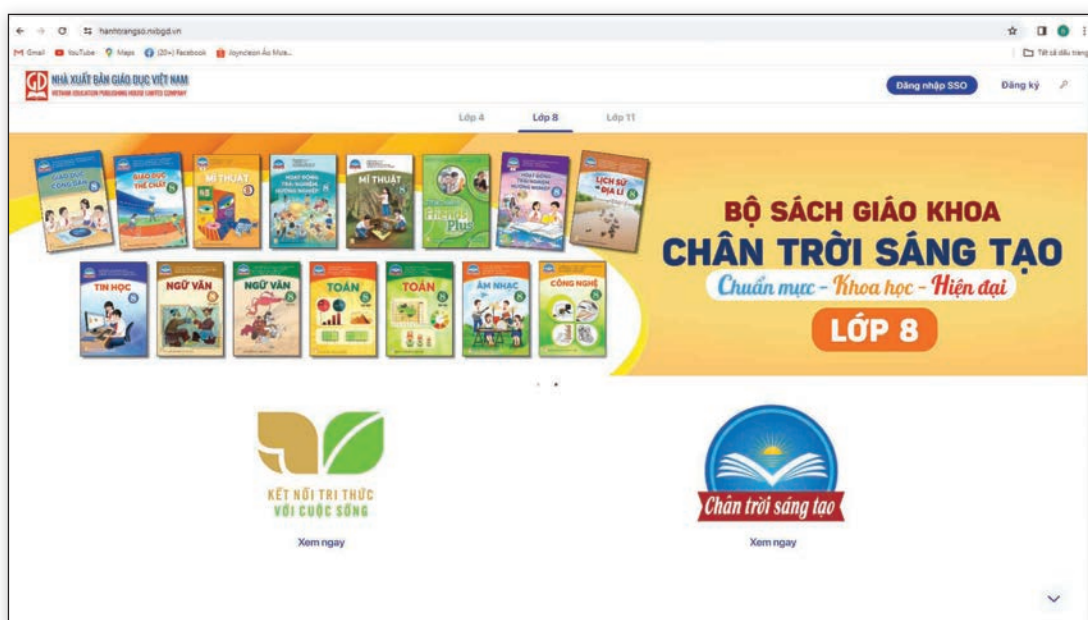
Bước 1: Truy cập vào một trong các trình duyệt Google Chrome, Mozilla Firefox, Internet Explorer,...

Bước 2: Gõ *hanhtrangso.nxbgd.vn*, sau đó nhấn Enter.



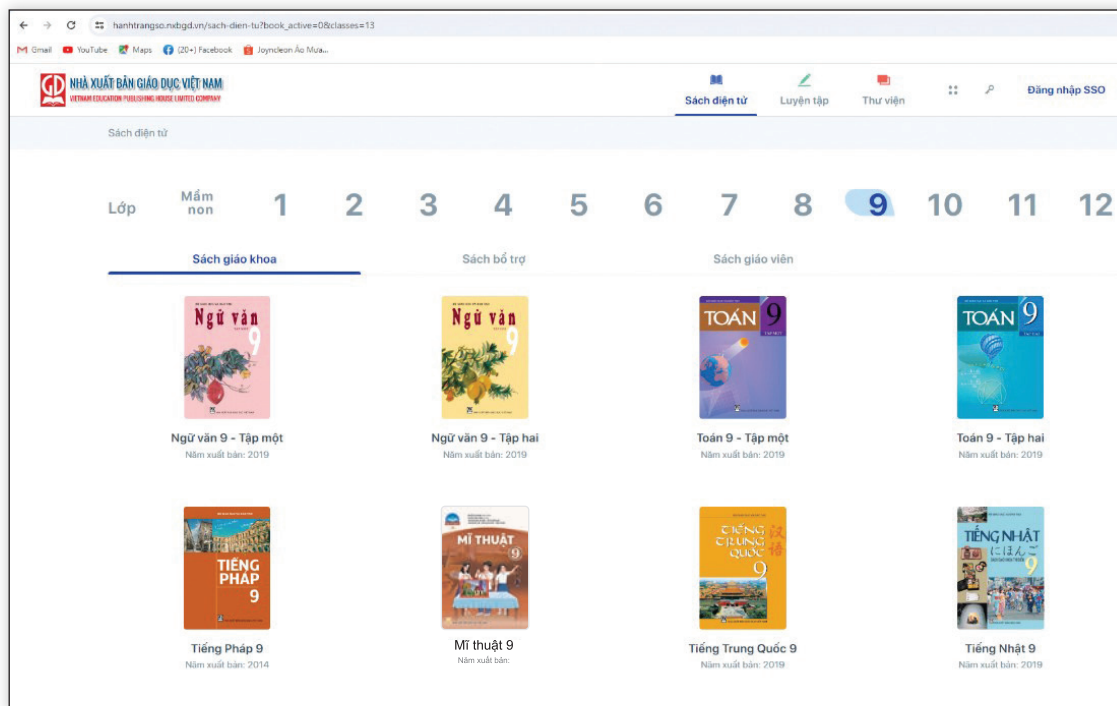
Bước 3:

Trên màn hình hiển thị, vào **Chân trời sáng tạo**.



Bước 4:

Trên màn hình sẽ hiển thị bộ sách giáo khoa Chân trời sáng tạo, vào **Lớp 9 → Mỹ thuật 9 – Bản 1**.



– Đối với website *taphuan.nxbgd.vn*, thực hiện các bước sau:

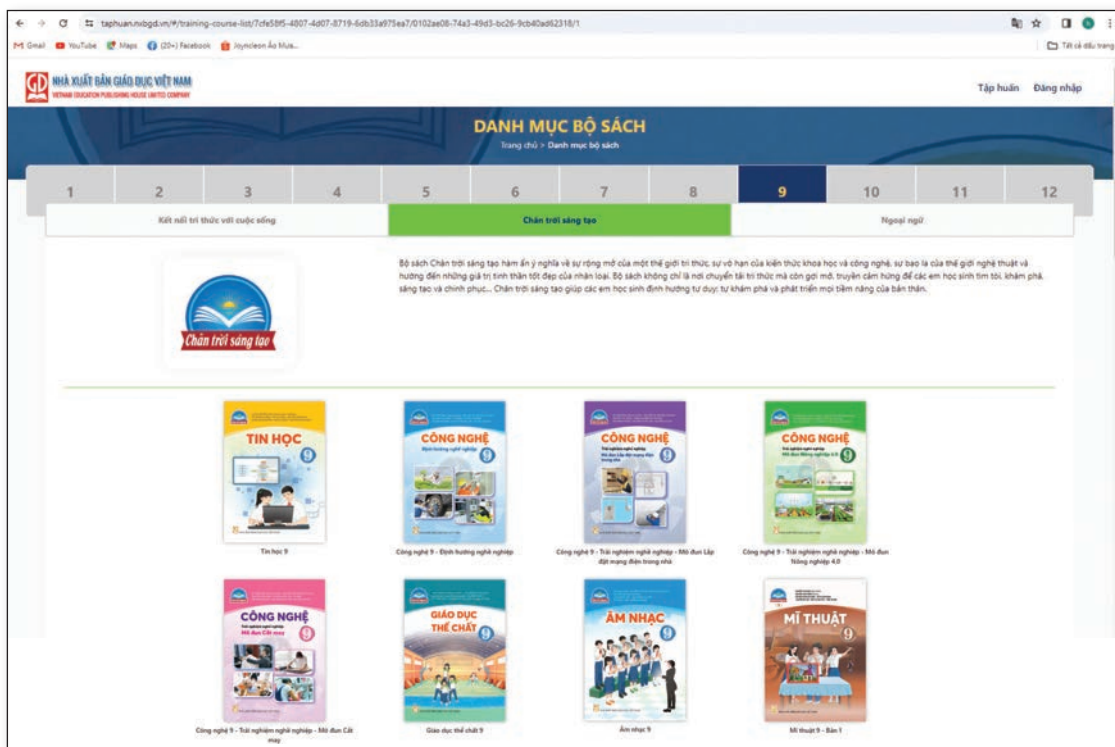
Bước 1: Truy cập vào một trong các trình duyệt Google Chrome, Mozilla Firefox, Internet Explorer.

Bước 2: Gõ *taphuan.nxbgd.vn*, sau đó nhấn Enter.



Bước 3:

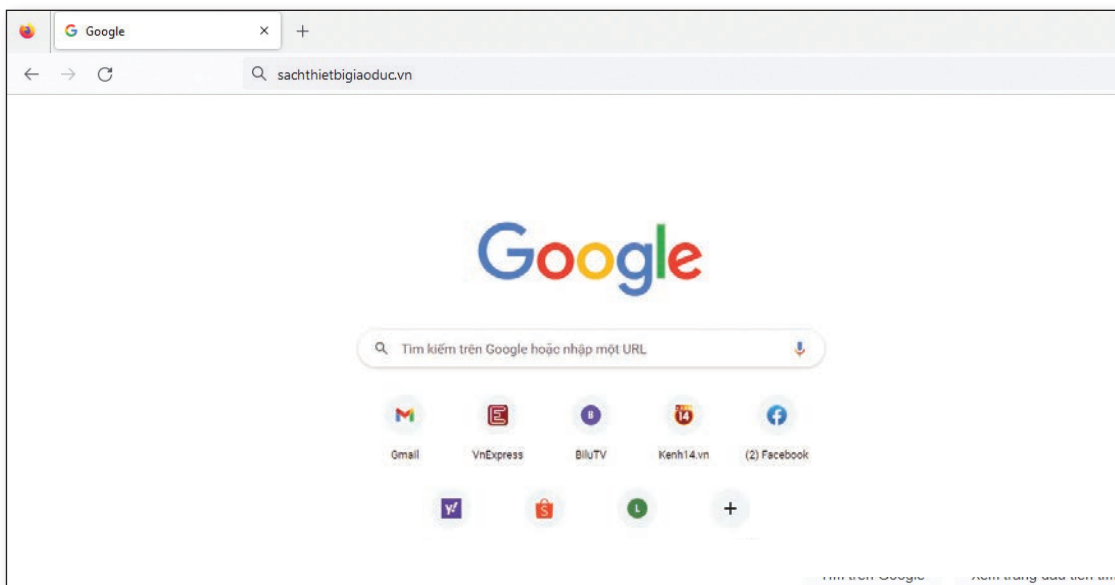
Trên màn hình hiển thị, lần lượt thực hiện các thao tác: Vào **Chân trời sáng tạo** → **Lớp 9** → **Môn Mỹ thuật 9 – Bản 1**.



– Đối với website *sachthietbigiaoduc.vn*, thực hiện các bước sau:

Bước 1: Truy cập vào một trong các trình duyệt Google Chrome, Mozilla Firefox, Internet Explorer,...

Bước 2: Gõ *sachthietbigiaoduc.vn*, sau đó nhấn Enter.

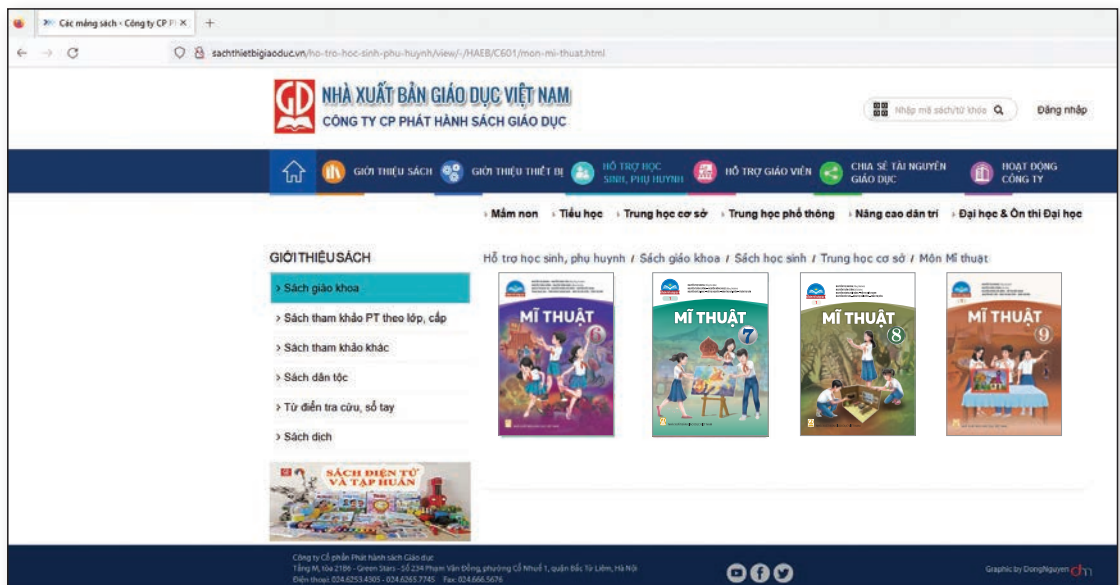


Bước 3:

- Đối với HS, phụ huynh: Ấn vào mục **HỖ TRỢ HỌC SINH, PHỤ HUYNH**

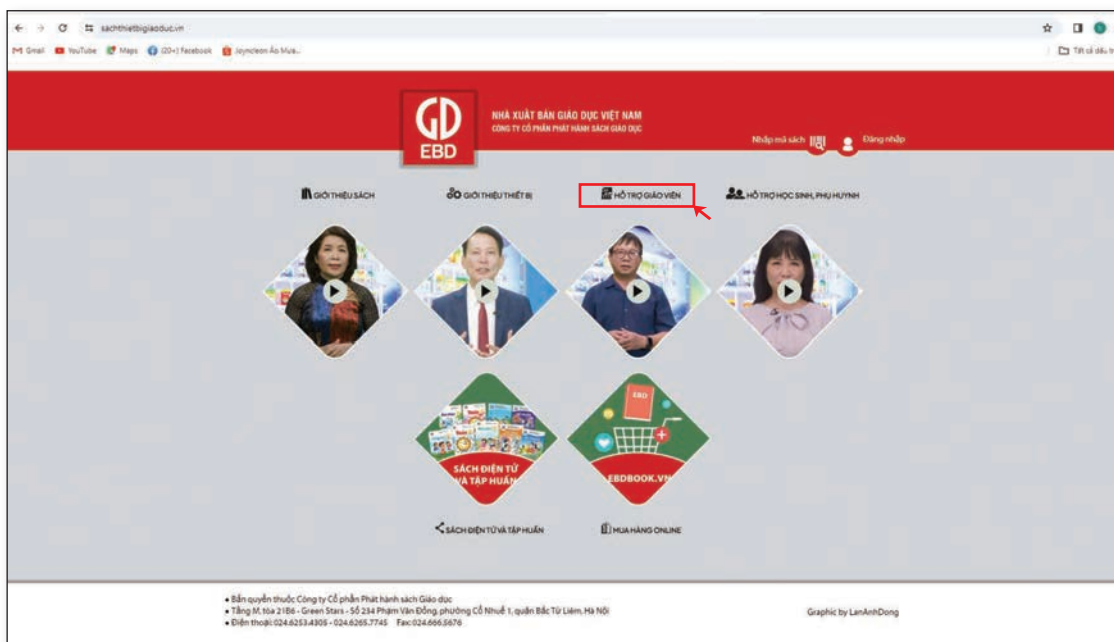


Trên màn hình hiển thị, lần lượt thực hiện các thao tác: Vào **Sách giáo khoa** → **Sách học sinh** → **Trung học cơ sở** → **Môn Mỹ thuật**.

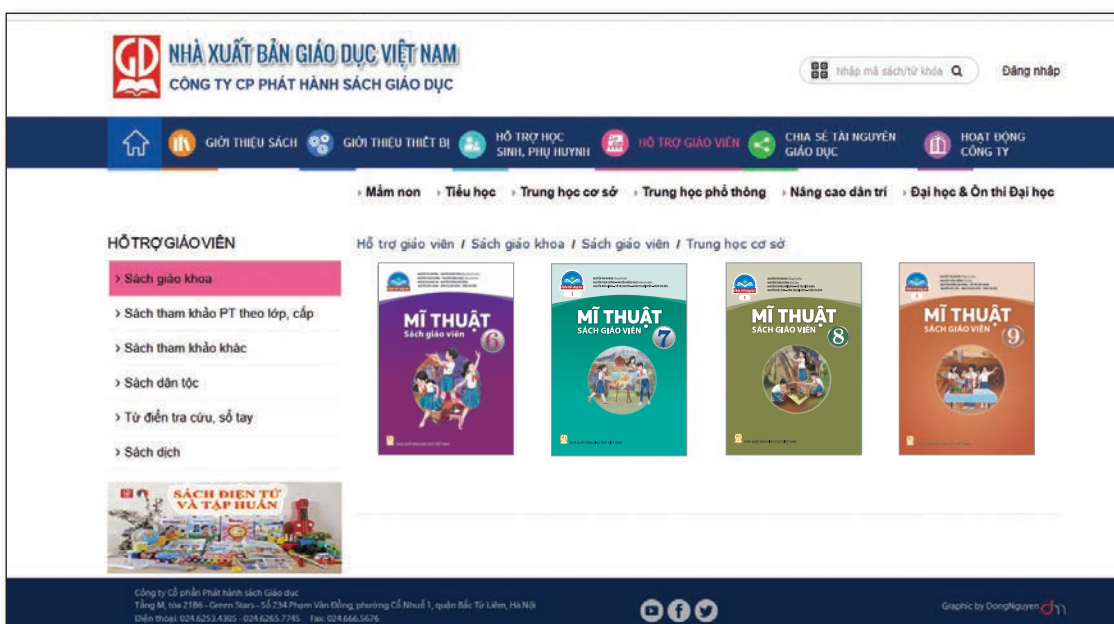


Trên màn hình sẽ hiển thị, chọn SGK **Mĩ thuật 9 – Bản 1**. Tại đây sẽ có phiên bản điện tử của sách và các tài liệu hỗ trợ học cho HS. HS và phụ huynh có thể xem hoặc tải về để thuận tiện cho việc học tập và hỗ trợ con em mình trong quá trình học tập.

- Đối với GV: Ấn vào mục HỖ TRỢ GIÁO VIÊN.



Trên màn hình hiển thị, lần lượt thực hiện các thao tác: Vào **Sách giáo khoa** → **Sách giáo viên** → **Trung học cơ sở** → **Môn Mỹ thuật**.



Trên màn hình sẽ hiển thị, chọn **Sách giáo viên Mĩ thuật 9 – Bản 1**. Tại đây sẽ có phiên bản điện tử của sách và các tài liệu hỗ trợ dạy học. GV có thể xem hoặc tải về để phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch bài dạy.

Bên cạnh việc cung cấp các hình ảnh cho từng bài học, chủ đề, website sachthietbigiaoduc.vn còn có tính tương tác cao. Khi gặp những vấn đề còn vướng mắc liên quan đến nội dung bài học, chủ đề, các GV, HS có thể trao đổi với tác giả thông qua các hình thức: thư điện tử, gửi tin nhắn qua Zalo,...

Đặc biệt, trong mục CHIA SẺ TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC, GV cũng như HS có thể tìm kiếm các tài liệu tham khảo được nén dưới dạng văn bản hoặc audio (có hình ảnh hoặc âm thanh) để làm học liệu hỗ trợ dạy và học; các bài giảng mẫu để GV có thể nắm bắt được tinh thần của SGK *Mĩ thuật* mới; tài liệu hỗ trợ GV thiết kế kế hoạch bài dạy theo SGK *Mĩ thuật 9*. Việc chia sẻ này có thể giúp GV trao đổi được các phương pháp dạy học mới, cập nhật các xu hướng giáo dục trên thế giới để vận dụng phù hợp với hoàn cảnh và môi trường giáo dục của địa phương mình.

Tóm lại, website hanhtrangso.nxbgd.vn, taphuan.nxbgd.vn, chantroisangtao.vn và sachthietbigiaoduc.vn ra đời nhằm hỗ trợ tối đa cho GV, cha mẹ HS cũng như các em HS trong việc kết hợp các phương pháp học tập truyền thống và phương pháp học tập hiện đại (sử dụng công nghệ 4.0 trong học tập) để nâng cao hiệu quả dạy và học. Điều này vừa giúp các em HS hào hứng trong học tập vừa tạo sự liên kết chặt chẽ giữa GV và HS.

6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 9

6.1. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các học liệu phục vụ cho việc dạy – học môn *Mĩ thuật* lớp 9

Để việc học tập môn *Mĩ thuật* hiệu quả, HS cần chuẩn bị các dụng cụ và vật liệu như:

- Màu bột nghiền pha keo;
- Bảng pha màu;
- Bút chì, tẩy;
- Bút lông;
- Bút dạ màu;
- Bút sáp màu;
- Dây thép buộc (loại mềm, nhỏ);
- Đất nặn;
- Giấy vẽ;
- Giấy màu và giấy bìa màu;
- Giấy báo, tạp chí, bìa cũ;
- Kéo (loại an toàn, đầu không nhọn);
- Hồ dán/ keo sữa;

Các dụng cụ, vật liệu này HS vốn đã được sử dụng ở Tiểu học, và ở cấp THCS các em sẽ vẫn tiếp tục sử dụng chúng. GV cần căn cứ vào yêu cầu của từng hoạt động để hướng dẫn HS cách lựa chọn và sử dụng dụng cụ, vật liệu phù hợp, qua đó tạo cơ hội cho HS được khám phá và sử dụng các ngôn ngữ của nghệ thuật để thể hiện ý tưởng của mình.

Lưu ý:

- Trong một số bài học, GV có thể hướng dẫn HS sử dụng những dụng cụ và vật liệu sẵn có tại địa phương hay vật liệu phù hợp, vật liệu đã qua sử dụng để HS được tự do sáng tạo đồng thời giáo dục cho HS ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường.

- Đối với những địa phương, vùng khó khăn, GV nên dựa vào mục tiêu của môn học và mục tiêu “định hướng phát triển năng lực” để điều chỉnh hoạt động dạy học cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

GV cần chú trọng xây dựng hệ thống tranh, ảnh, sản phẩm mỹ thuật minh họa cho các bài học; bổ sung kịp thời SGK, SGV, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí chuyên ngành, video clip hay đường dẫn các trang web liên quan đến bài học Mỹ thuật.

Các sản phẩm có chất lượng của HS cần được coi là nguồn tài nguyên vô tận của môn học. GV cần lưu giữ, tổ chức trưng bày các sản phẩm đó bằng các hình thức khác nhau hay sử dụng vào việc in ấn, quảng bá hình ảnh cho lớp học, nhà trường, địa phương để động viên, khuyến khích tinh thần học tập ở HS, đồng thời khẳng định giá trị của môn học cũng như tạo không gian nghệ thuật ngay trong nhà trường, thúc đẩy năng lực cảm thụ thẩm mỹ trong môi trường học đường.

6.2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học môn Mỹ thuật lớp 9

Thiết bị dạy học có vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu đối với môn Mỹ thuật, nhất là trong công cuộc đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học; bởi vì môn Mỹ thuật có đặc thù là môn học giáo dục nghệ thuật thị giác cho nên không thể không có hình ảnh minh họa và dụng cụ, vật liệu cho HS thực hành, sáng tạo trong các hoạt động học tập.

Để việc dạy học Mỹ thuật đạt hiệu quả cao, cần bố trí phòng học chuyên biệt cho môn Mỹ thuật đủ rộng, thoáng mát, sạch sẽ, đầy đủ ánh sáng, có bàn ghế phù hợp cho các hoạt động linh hoạt của môn học, có bảng vẽ, khu treo bài thực hành, tủ đựng đồ dùng, thiết bị học tập, nơi lưu giữ sản phẩm mỹ thuật 2D, 3D của HS,... Bên cạnh đó, phòng học Mỹ thuật cũng cần được trang bị đầy đủ các phương tiện nghe nhìn như: máy tính, máy chiếu, màn hình, thiết bị âm thanh,... để hỗ trợ việc minh họa trực quan cho các bài giảng của GV; và bổ sung kịp thời SGK, SGV, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí chuyên ngành,... để phục vụ cho việc giảng dạy của GV.

Dưới đây là Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở, trong đó có lớp 9, được ban hành kèm theo *Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT* ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (trang bị cho một phòng học bộ môn)								
1	Mĩ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Dùng cho GV, HS tìm kiếm, thông tin	– Loại thông dụng, tối thiểu phải cài đặt được các phần mềm phục vụ dạy học; – Có kết nối LAN, wifi và Bluetooth.	×	×	Bộ	01	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9

STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
2		Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Dùng cho GV, HS trình chiếu, thuyết trình	Máy chiếu: – Loại thông dụng; – Có đủ cổng kết nối phù hợp; – Cường độ sáng tối thiểu 3.500 Ansilumens; – Độ phân giải tối thiểu XGA; – Kích cỡ khi chiếu lên màn hình tối thiểu 100 inch; – Điều khiển từ xa; – Kèm theo màn chiếu và thiết bị điều khiển (nếu có). Màn hình hiển thị: – Loại thông dụng, màn hình tối thiểu 50 inch, Full HD; – Có đủ cổng kết nối phù hợp; – Có ngôn ngữ hiển thị Tiếng Việt; – Sử dụng điện AC 90-220V/50Hz; – Điều khiển từ xa.	×		Bộ	01	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
3		Đèn chiếu sáng	Chiếu sáng mẫu vẽ cho HS.	Loại đèn thông dụng có chao; chân cao có điều chỉnh được các góc độ chiếu sáng khác nhau; dây điện dài; ánh sáng vàng; công suất khoảng 200W.		×	Bộ	02	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
4		Giá để mẫu vẽ và dụng cụ học tập	Bảo quản mẫu vẽ, dụng cụ và sản phẩm học tập.	– Giá có nhiều ngăn, bằng vật liệu cứng dễ tháo lắp và an toàn trong sử dụng; – Kích thước: Phù hợp với diện tích phòng học bộ môn và chiều cao trung bình của HS.	×	×	Cái	02	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9

STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
5		Bàn, ghế học mỹ thuật	Dùng cho HS vẽ, in, nặn, thiết kế	– Mặt bàn phẳng và chân chịu lực, chịu nước, có thể gấp gọn; Kích thước (600x1200)mm cao 850mm; – Ghế đơn không có tựa, điều chỉnh được cao/thấp.		×	Bộ	01/2HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
6		Bục, bệ	Làm bục, bệ đặt mẫu cho HS vẽ.	– Bộ bục, bệ gồm 2 loại có kích thước như sau: Loại (1) dài 800mm, rộng 800mm, cao 1000mm; Loại (2) dài 200mm, rộng 300mm, cao 200mm; – Chất liệu: Bằng gỗ có khung (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, an toàn trong sử dụng. Màu trắng hoặc màu sáng.		×	Bộ	01	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
7		Tủ/giá	Bảo quản sản phẩm đồ dùng, công cụ học tập.	Chất liệu bằng sắt hoặc bằng gỗ; kích thước (1760x1060x400)mm; ngăn đựng có thể thay đổi được chiều cao, cửa có khoá; chắc chắn, bền vững, đảm bảo an toàn khi sử dụng.	×	×	Cái	03	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9



STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
8		Mẫu vẽ	Làm mẫu vẽ cho HS	– Bộ mẫu vẽ gồm có 6 khối: + Khối cơ bản 3 khối: – 01 khối lập phương kích thước: (250x250x250) mm; 01 khối cầu đường kính 200mm; 01 khối hình chóp tam giác cân, đáy hình vuông, kích thước: các cạnh đáy (200x200)mm, cao 300mm. + Khối biến thể 3 khối: 01 khối hộp chữ nhật kích thước: dài 300mm, rộng 150mm, cao 100mm; 01 khối trụ kích thước: cao 300mm, đường kính 150mm; 01 khối chóp nón kích thước: chiều cao 350mm, đường kính đáy 250mm. – Vật liệu: Bằng gỗ, (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, an toàn trong sử dụng. Màu trắng hoặc ghi sáng.		×	Bộ	01	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
9		Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	Đặt bảng vẽ cá nhân	– Chiều cao phù hợp với học sinh THCS; – Có thể tăng giảm chiều cao phù hợp tầm mắt HS khi đứng hoặc ngồi vẽ; – Có thể di chuyển, xếp gọn trong lớp học; – Chất liệu: Bằng gỗ cứng (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, an toàn trong sử dụng.		×	Cái	01/ HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9

STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
10		Bảng vẽ	Dùng cho HS vẽ, thiết kế	Chất liệu gỗ (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, an toàn trong sử dụng; kích thước (850x650)mm; độ dày tối thiểu 50mm.		×	Cái	01/HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
11		Bút lông	Dùng cho HS vẽ	Bộ bút lông loại tròn hoặc dẹt thông dụng, số lượng: 6 cái (từ 1 đến số 6 hoặc 2, 4, 6, 8, 10, 12).		×	Bộ	01/HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
12		Bảng pha màu	Dùng cho HS pha màu	– Chất liệu: Bảng nhựa màu trắng (hoặc vật liệu khác tương đương), không cong, vênh, an toàn trong sử dụng; – Kích thước tối thiểu: (200x300x2,5)mm.		×	Cái	01/HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
13		Ống rửa bút	Dùng cho HS rửa bút	– Chất liệu: bằng nhựa, không cong vênh, có quai xách, an toàn trong sử dụng; – Kích thước: dung tích khoảng 2 lít nước.		×	Cái	01/HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
14		Lô đồ hoạ (tranh in)	Dùng để lăn mực, in tranh	– Lô có tay cầm (cán gỗ), lõi thép (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương) bọc cao su; kích thước bề mặt lô: 150mm, đường kính 30mm.		×	Cái	01/HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
15		Màn goát (Gouache colour)	Dùng cho HS vẽ, in, thiết kế	– Bộ màu loại thông dụng, an toàn trong sử dụng, không có chất độc hại. Gồm 12 màu, đóng gói riêng cho từng màu: – Gồm các màu: đỏ, vàng, tím, xanh cô ban, xanh lá cây, xanh lục, cam, hồng, đen, trắng, nâu, xanh da trời;		×	Hộp	01/HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9



STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
				– Mỗi loại màu có dung tích tối thiểu 200ml, các màu được đóng gói đảm bảo an toàn và thuận lợi trong sử dụng.					
16		Đất nặn	Dùng cho HS nặn, tạo hình 3D	– Loại thông dụng, số lượng 12 màu: – Gồm các màu: đỏ, vàng, tím, xanh cô ban, xanh lá cây, xanh lục, cam, hồng, đen, trắng, nâu, xanh da trời; – Mỗi màu có trọng lượng 02 kilogam; – Mỗi màu được đóng gói đảm bảo an toàn và thuận lợi trong sử dụng, không có chất độc hại.		×	Cái	01/HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
II TRANH ẢNH PHỤC VỤ KIẾN THỨC CƠ BẢN									
1	Mĩ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng	Bảng yếu tố và nguyên lí tạo hình	HS hiểu được các yếu tố và nguyên lí tạo hình	– Tranh/ảnh mô tả các yếu tố và nguyên lí tạo hình; nên được thiết kế thành hai cột hoặc hai vòng tròn giao nhau. – Cột yếu tố tạo hình gồm có: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian; Cột nguyên lí tạo hình gồm có: Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	×	×	Tờ	01/HS	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9

STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
2	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	Bộ tranh/ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật Việt Nam thời kì Tiền sử và Cổ đại	HS hiểu được di sản văn hoá nghệ thuật Việt Nam thời kì Tiền sử và Cổ đại	– Bộ tranh/ảnh gồm có 04 tờ: – Tờ 1 phiên bản hình ảnh mô tả về hình vẽ trên hang Đồng Nội, Hoà Bình; – Tờ 2 phiên bản hình ảnh trống đồng Đông Sơn cụ thể như sau: Hình ảnh Trống đồng Đông Sơn hoàn chỉnh; chi tiết mặt trống, hình vẽ hoạ tiết; chi tiết thân trống, hình vẽ hoạ tiết; – Tờ 3 phiên bản hình ảnh về nghệ thuật Sa Huỳnh gồm có: Hình ảnh tháp Chăm; Tượng chim thần Garuda nuốt rắn Naga; Phù điêu nữ thần Sarasvati; đồ gốm; – Tờ 4 phiên bản hình ảnh về nghệ thuật Óc Eo gồm có: Hình ảnh khu di tích Ba Thê - Thoại Sơn - An Giang; tượng thần Vishnu; đồ trang sức; đồ gốm.	×	×	Bộ	01/ GV	Dùng cho lớp 6; 7; 8; 9
3	Lịch sử mỹ thuật thế giới	Bộ tranh/ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật thế giới thời kì Tiền sử và Cổ đại	HS hiểu được di sản văn hoá nghệ thuật thế giới thời kì Tiền sử và Cổ đại	Bộ tranh/ảnh gồm có 05 tờ: – Tờ 1 phiên bản hình ảnh mô tả về hình vẽ trên hang động Altamira, Lascaux Tây Ban Nha; – Tờ 2 phiên bản hình ảnh về nghệ thuật Ai Cập gồm có: Kim tự tháp, phù điêu, bích hoạ trong kim tự tháp, tượng Pharaon, đồ gốm;	×	×	Bộ	01/ GV	Dùng cho lớp 6



STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
				– Tờ 3 phiên bản hình ảnh về nghệ thuật Hy Lạp gồm có: Đền Parthenon; tượng thần vệ nữ thành Milos; đồ gốm; – Tờ 4 phiên bản hình ảnh về nghệ thuật Trung Quốc gồm có: Điêu khắc hang Mogao; tranh Quốc hoạ; đồ gốm; – Tờ 5 phiên bản hình ảnh về nghệ thuật Ấn Độ gồm có: Điêu khắc, bích hoạ chùa hang Ajanta ở bang Maharasta, Ấn Độ.					
4	Mĩ thuật Việt Nam thời kì Trung đại	Bộ tranh/ảnh về mỹ thuật Việt Nam thời kì Trung đại	HS hiểu được mỹ thuật Việt Nam thời kì Trung đại	Bộ tranh/ảnh gồm có 04 tờ: – Tờ 1 phiên bản hình ảnh mô tả về mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam thời Lý; – Tờ 2 phiên bản hình ảnh mô tả về mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam thời Trần; – Tờ 3 phiên bản hình ảnh mô tả về mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam thời Lê; – Tờ 4 phiên bản hình ảnh mô tả về mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam thời Nguyễn.	×	×	Bộ	01/ GV	Dùng cho lớp 7
5	Mĩ thuật Việt Nam thời kì Hiện đại	Bộ tranh/ảnh về mỹ thuật Việt Nam thời kì Hiện đại	HS hiểu được mỹ thuật Việt Nam thời kì Hiện đại	Bộ tranh/ảnh gồm có 04 tờ: – Tờ 1 phiên bản hình ảnh về mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám (1925 - 1945);	×	×	Bộ	01/ GV	Dùng cho lớp 8; 9

STT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
				– Tờ 2 phiên bản hình ảnh về mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 - 1954); – Tờ 3 phiên bản hình ảnh về mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975; – Tờ 4 phiên bản hình ảnh về mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam giai đoạn 1975 - đến nay.					
6	Mỹ thuật thế giới thời kì Trung đại	Bộ tranh/ảnh về mỹ thuật thế giới thời kì Trung đại	HS hiểu được mỹ thuật thế giới thời kì Trung đại	Bộ tranh/ảnh gồm có 04 tờ: – Tờ 1 phiên bản hình ảnh mỹ thuật về kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ tiêu biểu của nghệ thuật Romanesque; – Tờ 2 phiên bản hình ảnh mỹ thuật về kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ tiêu biểu của nghệ thuật Gothic; – Tờ 3 và tờ 4 phiên bản hình ảnh mỹ thuật về kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ tiêu biểu của nghệ thuật thời kì Phục Hưng	×	×	Bộ	01/ GV	Dùng cho lớp 7
7	Mỹ thuật thế giới thời kì Hiện đại	Bộ tranh/ảnh về mỹ thuật thế giới thời kì Hiện đại	HS hiểu được mỹ thuật thế giới thời kì Hiện đại	Bộ tranh/ảnh gồm 03 tờ: – Tờ 1 phiên bản hình ảnh về Trường phái nghệ thuật Ấn tượng; – Tờ 2 phiên bản hình ảnh Trường phái nghệ thuật Dã thú; – Tờ 3 phiên bản hình ảnh Trường phái nghệ thuật Lập thể.	×	×	Bộ	01/ GV	Dùng cho lớp 8; 9

**Ghi chú:**

- GV có thể khai thác các thiết bị, tranh ảnh, tư liệu khác phục vụ cho môn học.
- Các tranh/ảnh dùng cho GV có thể thay thế bằng tranh/ảnh điện tử hoặc phần mềm mô phỏng.
- Các tranh ảnh tại mục II có kích thước (790x540)mm, dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couche có định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ.
- Đối với tranh có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng A4 (210x290)mm, có thể in trên chất liệu nhựa PP (Polypropylen).
- Với thiết bị tính trên đơn vị "trường", "GV", "HS", "PHBM", căn cứ điều kiện thực tiễn về quy mô lớp/trường, điểm trường để điều chỉnh tăng/giảm số lượng cho phù hợp, đảm bảo đủ thiết bị cho dạy và học.
- Đối với các thiết bị dành cho HS (bàn, ghế học mỹ thuật, giá vẽ, bảng vẽ,...) được trang bị theo phòng học bộ môn, căn cứ thực tế số lượng HS của trường, có thể điều chỉnh tăng/giảm số lượng thiết bị cho phù hợp, đảm bảo đủ cho HS thực hành.
- Ngoài danh mục thiết bị như trên, GV có thể sử dụng thiết bị dạy học của môn học khác và thiết bị dạy học tự làm.

PHẦN BA

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT

- Hiệu trưởng chủ động xây dựng chương trình nhà trường phù hợp với cơ chế “Một chương trình, nhiều sách giáo khoa”:
- + Sau khi đã lựa chọn bộ sách giáo khoa dùng trong trường mình, hiệu trưởng cần chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học theo Chương trình môn học sao cho đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của cấp, lớp học được cụ thể hoá trong các chủ đề, bài học trong SGK *Mĩ thuật 9*.
- + Lựa chọn nội dung “Giáo dục địa phương” phù hợp với trường mình để đưa vào nội dung và kế hoạch hoạt động của nhà trường.
- Kế hoạch giáo dục 2 buổi/ngày được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, không quy định nội dung và thời lượng dành cho các hoạt động trong buổi 2. Vì vậy, GV *mĩ thuật* cần chủ động xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với thực tế của địa phương mình bằng cách tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động vận dụng, phát triển những kiến thức, kĩ năng trong mỗi bài học để HS kết nối kiến thức *mĩ thuật* với cuộc sống và có ý tưởng sáng tạo không ngừng từ bài học.
- GV cần bàn bạc thống nhất triển khai kế hoạch dạy học trong tổ chuyên môn của trường, cụm trường để đảm bảo việc dạy học thiết thực và hiệu quả.

2. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC DẠNG BÀI MĨ THUẬT

Các bài học trong SGK môn *Mĩ thuật* lớp 9 có thể quy về các dạng chủ yếu sau:

- Dạng bài thuộc *Mĩ thuật* tạo hình (*Vẽ kí hoạ dáng người, Sử dụng tư liệu kí hoạ trong bố cục tranh, Vẽ tranh siêu thực, Tạo tác phẩm theo thể loại điêu khắc cân bằng động, Vẽ tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art, Nghệ thuật sắp đặt, Tranh in đương đại*).
- Dạng bài thuộc *Mĩ thuật* ứng dụng (*Thiết kế thời trang từ trang phục đã qua sử dụng, Thiết kế đồ lưu niệm, Thiết kế và trang trí bao bì, Thiết kế tờ gấp, Tạo hình nhân vật rối dây, Thiết kế sân khấu biểu diễn rối dây, Phim thử nghiệm nghệ thuật (video art)*).
- Dạng bài tích hợp với nội dung Lí luận và lịch sử *mĩ thuật* (*Vẽ tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art, Phim thử nghiệm nghệ thuật (video art), Tranh in đương đại, Nghệ thuật sắp đặt,...*).
- Dạng bài mang tính hướng nghiệp (*Khái quát về ngành nghề liên quan đến *Mĩ thuật* ứng dụng, Đặc trưng của một số nghề liên quan đến *Mĩ thuật* ứng dụng*).

2.1. Hướng dẫn dạy học dạng bài về **Mĩ thuật tạo hình**

Đối với HS lớp 9, các bài học thuộc **Mĩ thuật tạo hình** giúp HS tìm hiểu các nét đặc trưng của nghệ thuật **Đương đại Việt Nam** và thế giới; củng cố và khuyến khích HS trải nghiệm một số hình thức và ngôn ngữ tạo hình trong các bài học cụ thể cùng với một số hoạt động **mĩ thuật** theo hướng thể nghiệm để HS tìm hiểu và nhận biết được một số hình thức của nghệ thuật **Đương đại** thế giới và **Việt Nam**, đảm bảo các yêu cầu cần đạt và mạch nội dung theo quy định của **Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**. Tùy nội dung bài, tùy điều kiện thực tế về vật liệu và năng lực của HS, GV hướng dẫn HS bằng cách quan sát hình ảnh thực tế, quan sát hình ảnh sản phẩm, tác phẩm **mĩ thuật**; qua trí nhớ hay trí tưởng tượng hoặc qua trải nghiệm thực hành để khám phá nội dung bài học cụ thể để các em ghi nhớ và nắm được các biểu hiện của các yếu tố, nguyên lí **mĩ thuật** trên sản phẩm và tác phẩm **mĩ thuật**.

Các bài học thuộc **Mĩ thuật tạo hình** trong SGK *Mĩ thuật 9* về cơ bản được tiếp cận theo hai cách: Một là, các bài học trong chủ đề được liên kết với nhau theo một tiến trình, theo đó sản phẩm của bài học trước là điểm khởi đầu sáng tạo của bài học sau để HS được sáng tạo và sáng tạo không ngừng (*phương pháp dạy học theo dòng câu chuyện*); Hai là, các bài học trong chủ đề được tổ chức đơn lẻ và sản phẩm của mỗi bài học đó giúp HS nhận biết những nội dung kiến thức cụ thể như tranh siêu thực, thể loại điêu khắc cân bằng động....

– Dạng bài sử dụng kết quả bài học trước làm điểm khởi đầu sáng tạo cho bài học sau được thực hiện ở chủ đề **Tư liệu thực tế và sáng tác**. Cụ thể: Ở **Bài 1: Vẽ kí hoạ dáng người**, GV sẽ hướng dẫn HS tìm hiểu tỉ lệ chiều cao của người, cách vẽ kí hoạ dáng người để HS thực hành kí hoạ các dáng người khác nhau; đến **Bài 2: Sử dụng tư liệu kí hoạ trong bố cục tranh**, GV sẽ hướng dẫn HS trưng bày các bài kí hoạ của Bài 1 để HS quan sát, hình thành ý tưởng sáng tạo tranh và lựa chọn hình kí hoạ phù hợp để hoàn thiện bức tranh bố cục.

CHỦ ĐỀ

Tư liệu thực tế và sáng tác

Bài 1 VẼ KÍ HOẠ DÁNG NGƯỜI

Mục tiêu cần đạt

- Nếu được vai trò của hình dáng và tỉ lệ người trong vẽ kí hoạ.
- Vẽ được nhóm dáng người đang hoạt động có tỉ lệ phù hợp với hình mẫu.
- Vận dụng được các kĩ hoạ dáng người đang hoạt động làm tư liệu cho bài học khác.
- Có ý thức rèn luyện vẽ dáng người để nâng cao kĩ năng trong học tập.

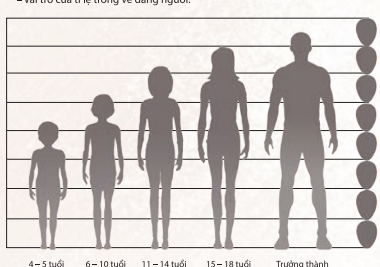
CHUẨN BỊ

Giấy, bút, màu vẽ.

1 Quan sát – nhận thức về tỉ lệ chiều cao của người

– Quan sát hình, dựa vào số đơn vị đầu người để xác định tỉ lệ chiều cao của người.

– Vai trò của tỉ lệ trong vẽ dáng người.

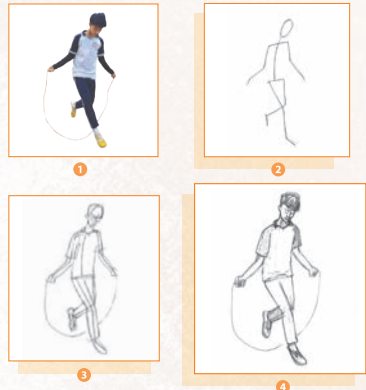


Người trưởng thành thường có chiều cao 17 tương đương 7,5 đơn vị đầu.

(Tỉ lệ chiều cao của người Việt Nam thường thấp hơn so với tỉ lệ chuẩn của người châu Âu. Khi kí hoạ, tỉ lệ dáng người cũng thay đổi tùy theo tư thế hoạt động.)

2 Cách vẽ kí hoạ dáng người

Quan sát hình và chỉ ra cách vẽ kí hoạ dáng người đang hoạt động theo gợi ý dưới đây:



- Quan sát, ghi nhớ tư thế, động tác, hình dáng của người mẫu.
- Vẽ mô phỏng đường hướng của người mẫu bằng các nét thẳng.
- Từ hình phác, vẽ dáng hoạt động theo tỉ lệ của người mẫu.
- Vẽ chi tiết làm rõ đặc điểm của người mẫu.

Từ hình vẽ khái quát dáng người bằng các nét thẳng, mờ, đối chiếu và quan sát về hình dáng, tỉ lệ nguyên mẫu hoàn thiện bản vẽ kí hoạ dáng người.

3 Vẽ kí họa nhóm người

Thay nhau diễn lại các hoạt động thường diễn ra và thực hiện bài vẽ theo hướng dẫn.

Hình tham khảo:



Sản phẩm của học sinh:



1



2

1. Hà Quỳnh (Vinh Phúc), Vui chơi, chì.
2. Giang Châu (Hà Nội), Chơi cầu lông, chì.

8

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

– Nêu cảm nhận và phân tích về:

- + Hình kí họa em ấn tượng.
- + Hình vẽ có tỉ lệ phù hợp, gần với đặc điểm của mẫu.
- + Hình vẽ thể hiện rõ tư thế, động tác của hoạt động.
- + Cách điều chỉnh để hình kí họa có tỉ lệ, thể dáng phù hợp hơn với hình mẫu.
- Nếu ý tưởng sử dụng hình kí họa cho bài tiếp theo.

5 Tìm hiểu một số kí họa dáng người của họa sĩ

Quan sát hình để nhận biết thêm cách vẽ kí họa dáng người của họa sĩ.



1



3



2

Ảnh: 1, 3. Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
2. Ngô Mạnh Lân, Nét thời gian, NXB Mỹ thuật

Kí họa dáng người là một hình thức vẽ trực tiếp để ghi lại tư thế, động tác của nhân vật nhằm rèn luyện tay nghề và làm tư liệu phục vụ cho việc sáng tác của họa sĩ.

9

Bài 2 SỬ DỤNG TƯ LIỆU KÍ HOẠ TRONG BỐ CỤC TRANH

TRÁI CỦA CHÚNG

- Nêu được cách sử dụng tư liệu kí họa dáng người để tạo bố cục tranh.
- Tạo được bố cục tranh từ các hình kí họa đã chuẩn bị.
- Chỉ ra được nét đẹp về nhịp điệu của các dáng người trong tranh và bài vẽ.
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng tư liệu kí họa chung.

CHUẨN BỊ

Giấy, bút, màu vẽ, hình kí họa dáng người đã chuẩn bị.

1 Quan sát – nhận thức về dáng hoạt động của con người

Quan sát hoạt động ở sân trường và cho biết:

- Những hoạt động thường diễn ra trong giờ ra chơi ở sân trường.
- Tư thế, động tác của hoạt động đó.
- Ý nghĩa của các hoạt động đó.



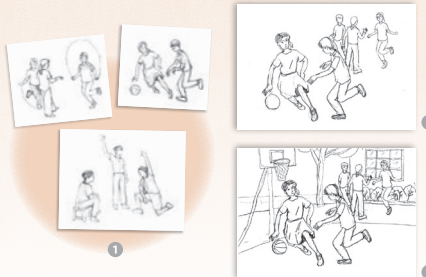
Ảnh: Lê Quang Vũ

Có rất nhiều hoạt động vui chơi bổ ích diễn ra ở sân trường vào giờ ra chơi như: nhảy dây, chơi cầu lông, đá bóng, đá cầu, chơi ô ăn quan.... Các hoạt động vui chơi đó giúp chúng ta được nghỉ ngơi, thư giãn, có tinh thần thoải mái sau mỗi tiết học, tạo nét đẹp văn hóa cho mỗi nhà trường và gợi cảm hứng để sáng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật vẽ trường lớp, thầy cô, bạn bè.

10

2 Cách xây dựng bố cục tranh từ tư liệu kí họa

Quan sát hình và chỉ ra cách thức bố cục tranh từ tư liệu kí họa dáng người theo gợi ý dưới đây:



1

2

3



4

1. Lựa chọn hình kí họa nhóm phù hợp với ý tưởng sáng tạo.
2. Vẽ phác hoặc can lại hình để xây dựng bố cục tranh.
3. Điều chỉnh hình, vẽ thêm cảnh vật phù hợp để thể hiện rõ ý tưởng sáng tạo.
4. Vẽ màu hoàn thiện tranh.

Sử dụng tư liệu kí họa dáng người có thể sắp xếp tạo được bố cục tranh theo đề tài.

11

3 Vẽ tranh từ tư liệu kí hoạ đáng người đã chuẩn bị

- Cùng bạn trưng bày các hình kí hoạ đã chuẩn bị.
- Quan sát trên phần trưng bày chung để lựa chọn hình kí hoạ phù hợp với ý tưởng và thực hiện bài vẽ theo hướng dẫn.

Sản phẩm của học sinh:



1



2



3

1. Thanh An (Thanh Hoà), Học nhóm, màu gouache.
2. Anh Thu (Kôn Tum), Đôi cẩu, màu sáp.
3. Khôi Nguyễn (Hoà Bình), Cắm trại, màu gouache.

12

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

- Nếu cảm nhận và phân tích về:
 - + Bài vẽ em ấn tượng.
 - + Nội dung thể hiện trong bài vẽ.
 - + Nhân vật được điều chỉnh so với hình kí hoạ ban đầu.
 - + Màu sắc, nhịp điệu, tỉ lệ giữa các nhân vật trong bài vẽ.
 - + Cách điều chỉnh để bài vẽ hoàn thiện và sinh động hơn.
- Chia sẻ về quá trình lựa chọn hình kí hoạ và cách tạo bố cục từ các hình kí hoạ.

5 Tìm hiểu thêm cách bố cục nhóm người trong tranh của họa sĩ

Quan sát để nhận biết thêm về cách bố cục nhóm người trong tranh của họa sĩ.



1. Đào Quốc Huy, Đồ thị ảo, 2010, sơn dầu, 158cm x 215cm.



2. Vũ Đình Tuấn, Thằng Giếng, 2002, khắc gỗ, 78cm x 138,4cm.

Ảnh: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam

Hình dáng, hoạt động của con người là một đối tượng để các họa sĩ khai thác và sử dụng làm hình tượng trong tác phẩm nghệ thuật.

13

- Dạng bài được tổ chức đơn lẻ trong chủ đề thường được bắt đầu bằng quan sát sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật hay thể giới khách quan để gợi dẫn, định hướng nội dung của bài tập; hoặc GV cũng có thể cho HS tiếp cận bài học từ trải nghiệm, theo trí nhớ. Theo quy trình dạy học dạng bài này, GV sẽ hướng dẫn HS quan sát (tranh ảnh, video,...) hoặc gợi mở cho các em nhớ lại để khám phá kiến thức bài học và áp dụng những kiến thức đó vào hoạt động thực hành nhằm hiểu rõ, ghi nhớ kiến thức và hình thành, phát triển kiến thức mới ở các hoạt động mỹ thuật tiếp theo.

Ví dụ: Bài *Tạo tác phẩm theo thể loại điêu khắc cân bằng động*:

Hoạt động 1: GV cho HS quan sát, tìm hiểu một số tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động của họa sĩ Alexander Calder để các em nhận thức về hình thức và nguyên lý tạo hình tác phẩm.

Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS cách tạo sản phẩm điêu khắc cân bằng động với bìa các-tông và vật liệu đã qua sử dụng.

Hoạt động 3: GV gợi mở, hỗ trợ HS về kĩ thuật tạo hình để HS tạo sản phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động theo ý tưởng sáng tạo của cá nhân.

Hoạt động 4: GV hướng dẫn HS tổ chức trưng bày sản phẩm và thảo luận để các em có kiến thức sâu sắc hơn về ngôn ngữ của điêu khắc trong nghệ thuật tạo hình. Đồng thời thông qua đó, GV có cơ hội để củng cố và đánh giá được năng lực thẩm mỹ của HS.

Hoạt động 5: GV cho HS quan sát hình, tìm hiểu để nhận biết thêm về sự đa dạng trong hình thức thể hiện của các tác phẩm điêu khắc đương đại thế giới.

Bài 4 TẠO TÁC PHẨM THEO THỂ LOẠI ĐIỀU KHẮC CÂN BẰNG ĐỘNG

Yêu cầu đạt được

- Nêu được cách tạo tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động.
- Tạo được tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động từ vật liệu đã qua sử dụng.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong bài học để tạo các sản phẩm mỹ thuật.
- Chia sẻ được ý nghĩa của việc sử dụng vật liệu đã qua sử dụng trong học tập và trong cuộc sống.

CHUẨN BỊ

Giấy, bút, màu vẽ, bìa các-tông, dây thép buộc, vật liệu đã qua sử dụng.

1 Quan sát – nhận thức về hình thức tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động

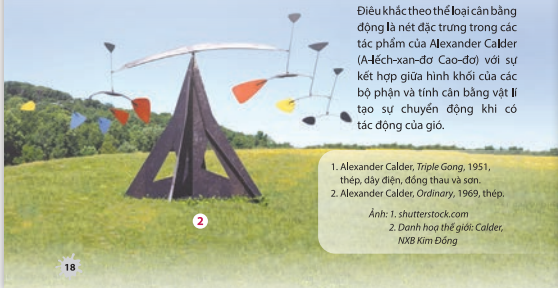
Quan sát hình và cho biết:

- Hình thức biểu đạt của tác phẩm.
- Hình khối, kết cấu và không gian trong tác phẩm.
- Màu sắc, chất liệu thể hiện của tác phẩm.
- Tính cân bằng động thể hiện trong tác phẩm.



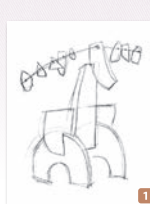
Điêu khắc theo thể loại cân bằng động là nét đặc trưng trong các tác phẩm của Alexander Calder (A-tếch-xan-đơ Cao-đơ) với sự kết hợp giữa hình khối của các bộ phận và tính cân bằng vật lý tạo sự chuyển động khi có tác động của gió.

- Alexander Calder, *Triple Gong*, 1951, thép, dây điện, đồng thau và sơn.
 - Alexander Calder, *Ordinary*, 1969, thép.
- Ảnh: 1. shutterstock.com
2. Danh họa thế giới: Calder, NXB Kim Đồng



2 Cách tạo sản phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động

Quan sát hình và chỉ ra các bước tạo sản phẩm mô phỏng điêu khắc theo thể loại cân bằng động từ vật liệu đã qua sử dụng theo gợi ý dưới đây:



- Vẽ phác hình tìm ý tưởng xây dựng sản phẩm điêu khắc.
- Lựa chọn vật liệu, vẽ, cắt các mảng hình, khe ghép kết nối các bộ phận của sản phẩm.
- Vẽ màu cho các mảng hình.
- Lắp ghép, điều chỉnh các mảng hình tạo sự cân bằng, hoàn thiện sản phẩm.

Kết hợp hình dạng, màu sắc của mảng hình với tính cân bằng vật lý có thể tạo được sản phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động.

3 Tạo sản phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động

Xác định ý tưởng thể hiện hình thức của sản phẩm và lựa chọn vật liệu phù hợp để tạo sản phẩm theo các bước gợi ý.

Sản phẩm của học sinh:



- Kim Bảo (Bạc Liêu), Chim công, dây thép, dây đồng và nhựa.
- Kiểu Trinh (Thành phố Hồ Chí Minh), Chuyển động, bìa, xốp và dây thép.
- Khánh Nam (Hà Nội), Cắt cánh, bìa, dây thép, nắp chai nhựa.

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

- Nêu cảm nhận và phân tích về:
 - Sản phẩm em ấn tượng.
 - Hình dạng, màu sắc, vật liệu tạo sản phẩm.
 - Cách thức tạo sự cân bằng động.
 - Giải pháp điều chỉnh để sản phẩm thể hiện rõ hơn ý tưởng sáng tạo.
- Kể tên tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động mà em biết.

5 Tìm hiểu thêm về tác phẩm điêu khắc theo thể loại cân bằng động

Quan sát hình và tìm hiểu để nhận biết thêm về sự đa dạng trong hình thức thể hiện của tác phẩm điêu khắc đương đại thế giới.



Jerzy Kedziora (Đe-ri Két-di-ô-ri), *Balancing figures of gymnasts*, kim loại.
Ảnh: shutterstock.com

Thể loại điêu khắc cân bằng động xuất hiện và phát triển vào khoảng cuối thế kỉ XX với nhiều hình thức, chất liệu tạo hình đa dạng. Để tạo sự cân bằng và chuyển động, các tác phẩm điêu khắc theo thể loại này thường kết hợp sự cân bằng trọng lực, cân bằng vật lý của hình khối với tác động của sức gió, từ trường.

Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của thể loại điêu khắc cân bằng động có thể kể đến là: Alexander Calder với tác phẩm *Stabile Mobile*, *The Empennage*, *Crinkly with Red Disk*, *The Four Elements*,...; Jerzy Kedziora với tác phẩm *Balancing figures of gymnasts*,...

Như vậy, với các bài học thuộc Mỹ thuật tạo hình, GV sẽ hướng dẫn HS cách quan sát, xác định mục tiêu, hướng phát triển sản phẩm thực hành và kiểm tra, đánh giá sự phát triển năng lực thẩm mỹ của HS thông qua các hoạt động mỹ thuật, đặc biệt là hoạt động 4 của các bài học

2.2. Hướng dẫn dạy học dạng bài thuộc **Mĩ thuật ứng dụng**

Tương tự như các bài học thuộc **Mĩ thuật tạo hình**, các bài học thuộc **Mĩ thuật ứng dụng** cũng được tiếp cận theo 2 cách là: các bài học trong chủ đề được liên kết với nhau theo một tiến trình và các bài học trong chủ đề được tổ chức đơn lẻ.

– Dạng bài sử dụng kết quả bài học trước làm điểm khởi đầu sáng tạo cho bài học sau được thực hiện ở các chủ đề: *Thương hiệu và sản phẩm*, *Tạo hình nhân vật và sân khấu biểu diễn rối dây*. Với dạng bài học này, GV nên tổ chức dạy học theo dự án để HS được tự học, học theo nhóm, chủ động tìm kiếm kiến thức bằng nhiều hình thức khác nhau để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

Với chủ đề *Thương hiệu và sản phẩm*, ở **Bài 6: Thiết kế đồ lưu niệm**, HS sẽ thiết kế tạo dáng đồ lưu niệm của quê hương; thì sang **Bài 7: Thiết kế và trang trí bao bì**, HS sẽ nghiên cứu, thiết kế tạo dáng bao bì để đựng chính đồ lưu niệm mà các em đã tạo; và đến **Bài 8: Thiết kế tờ gấp**, HS sẽ được hướng dẫn làm một tờ gấp để giới thiệu về sản phẩm của các em ở các bài trước. Thông qua 3 bài học của chủ đề, HS sẽ bước đầu nhận biết về “thương hiệu và sản phẩm” trong cuộc sống, được tìm hiểu thêm về các nội dung thiết kế công nghiệp và thiết kế đồ họa theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông.

Với chủ đề *Tạo hình nhân vật và sân khấu biểu diễn rối dây*, ở **Bài 1: Tạo hình nhân vật rối dây**, GV sẽ hướng dẫn HS cách tạo hình nhân vật rối dây để HS thực hành tạo hình rối dây từ vật liệu đã qua sử dụng; đến **Bài 2: Thiết kế sân khấu biểu diễn rối dây**, dựa trên sản phẩm rối dây của Bài 1, HS sẽ cùng nhau tạo mô hình sân khấu biểu diễn cho các nhân vật rối. Thông qua 2 bài học của chủ đề, HS sẽ được tìm hiểu về nghệ thuật múa rối và có ý thức bảo tồn, phát triển loại hình nghệ thuật múa rối của Việt Nam.

CHỦ ĐỀ

Tạo hình nhân vật và sân khấu biểu diễn rối dây

Bài 9 TẠO HÌNH NHÂN VẬT RỐI DÂY

THIẾT DẠNG

- Nhận biết được hình thức nghệ thuật và cách tạo hình rối dây đơn giản.
- Tạo được hình rối dây bằng vật liệu đã qua sử dụng.
- Vận dụng được kĩ thuật tạo hình rối dây làm đồ chơi, đồ dùng học tập.
- Có ý thức bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu rối.

CHUẨN BỊ

- Giấy vẽ, giấy màu, bút chì, bút dạ, tẩy, màu vẽ, băng dính, kéo, hồ dán.
- Các đồ vật tìm được có dạng hình hộp, hình trụ, dây dũa, dây thép, bia cứng...

1 Quan sát – nhận thức về tạo hình rối dây

Quan sát hình và cho biết:

- Các bộ phận tạo nên hình rối dây.
- Cách thức tạo sự chuyển động cho rối.
- Vật liệu tạo hình rối dây.

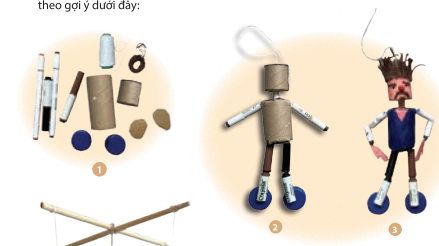


Ảnh: Shutterstock.com

Rối dây là một hình thức nghệ thuật sử dụng dây dẫn từ dụng cụ điều khiển kết nối với các bộ phận của rối, tạo sự chuyển động linh hoạt để thể hiện các hoạt động của nhân vật rối.

2 Cách tạo hình nhân vật rối dây

Quan sát và chỉ ra cách tạo hình nhân vật rối dây từ vật liệu đã qua sử dụng theo gợi ý dưới đây:





- Lựa chọn vật liệu phù hợp, cắt và điều chỉnh tạo các bộ phận của nhân vật rối.
- Dùng dây liên kết các bộ phận tạo hình rối.
- Trang trí, tạo đặc điểm riêng cho nhân vật rối.
- Tạo dụng cụ điều khiển và kết nối với nhân vật rối bằng dây.

Từ những đồ vật đã qua sử dụng có thể cắt ghép, trang trí và liên kết các bộ phận của nhân vật để tạo hình rối dây.

3 Tạo hình rối dây từ vật liệu đã qua sử dụng

Tập hợp các vật liệu tìm được và thực hiện theo hướng dẫn.

Sản phẩm của học sinh:



- Đinh Hiếu (Hải Dương), Rối dây, nhiều chất liệu.
- Hồng Ngọc (Thanh Hoà), Rối dây, nhiều chất liệu.
- Tiến Minh (Quảng Bình), Rối dây, nhiều chất liệu.

Lưu ý

Dây nên được gắn kết với các điểm khớp phù hợp để tạo sự chuyển động cho nhân vật rối.

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

- Nêu cảm nhận và phân tích về:
 - Nhân vật rối yêu thích.
 - Cách tạo hình nhân vật.
 - Vật liệu tạo hình.
 - Nét biểu cảm đặc trưng của mỗi con rối.
 - Ý tưởng điều chỉnh để tạo hình rối thể hiện rõ đặc điểm của nhân vật hơn.
- Chia sẻ về buổi biểu diễn rối mà em đã được xem.

5 Tìm hiểu nghệ thuật múa rối ở Việt Nam

Quan sát hình để nhận biết thêm một số hình thức của nghệ thuật múa rối.



1. Rối nước



2. Rối que



3. Rối tay



4. Rối bóng

Ảnh: 1, 3. shutterstock.com
2. Nhà hát múa rối Việt Nam
4. Phạm Hà

Nghệ thuật múa rối có nhiều thể loại khác nhau như: rối nước, rối dây, rối tay, rối que, rối bóng,... trong đó, nghệ thuật múa rối nước được xem là di sản văn hoá phi vật thể đặc sắc riêng của Việt Nam.

Bài 10 THIẾT KẾ SÂN KHẤU BIỂU DIỄN RỐI DÂY

Nhà của chúng ta

- Nêu được nét đặc trưng và cách tạo mô hình sân khấu biểu diễn rối dây.
- Tạo được mô hình sân khấu biểu diễn rối dây từ vật liệu đã qua sử dụng.
- Vận dụng được kiến thức của bài học để trang trí sân khấu trong các hoạt động ở trường, lớp.
- Có ý thức tìm hiểu nghệ thuật múa rối của Việt Nam và tự hào về nghệ thuật múa rối nước truyền thống.

CHUẨN BỊ

Giấy vẽ, bút chì, tẩy, giấy màu, màu vẽ, băng dính, kéo, keo dán, hộp và bìa các tông đã qua sử dụng.

1 Quan sát – nhận thức về một số sân khấu biểu diễn rối

- Quan sát hình và cho biết:
 - Màu sắc, không gian và cách trang trí sân khấu biểu diễn rối.
 - Chất liệu tạo sân khấu.
- Hình thức của sân khấu rối dây như thế nào?



1. Sân khấu biểu diễn rối nước



2. Sân khấu biểu diễn rối tay



3. Sân khấu biểu diễn rối dây

Ảnh: shutterstock.com

Sân khấu biểu diễn rối được thiết kế với màu sắc và chất liệu phong phú, đa dạng, thường là gỗ, vải, dây,... Điểm khác biệt của sân khấu rối dây là luôn được để trống ở phía trên để người điều khiển biểu diễn rối.

2 Cách thiết kế mô hình sân khấu biểu diễn rối dây

Quan sát hình, chỉ ra cách thiết kế mô hình và trang trí sân khấu biểu diễn rối dây theo gợi ý dưới đây:



1



2



3



4

Ảnh: Hà Lê (Hà Nội), Mô hình sân khấu rối, nhiều chất liệu.

- Lựa chọn vật liệu phù hợp tạo khung mô hình sân khấu.
- Tạo cảnh vật cho mô hình sân khấu.
- Vẽ màu, trang trí cho cảnh vật và mô hình.
- Sắp xếp và hoàn thiện bối cảnh sân khấu biểu diễn rối dây.

Tạo khung mô hình và cảnh vật làm bối cảnh từ các vật liệu đã qua sử dụng có thể thiết kế được mô hình sân khấu biểu diễn rối dây.

3 Tạo mô hình sân khấu biểu diễn rối dây

- Lập nhóm, tập hợp các nhân vật rối dây đã tạo ở bài trước; thảo luận để xây dựng kịch bản cho nhân vật rối dây và xác định hình thức của mô hình sân khấu biểu diễn rối.
- Lựa chọn vật liệu, xác định kích thước mô hình sân khấu phù hợp với tỉ lệ nhân vật rối và thực hiện theo hướng dẫn.

Sản phẩm của học sinh:



1



2



3

1. Hà Lê (Hà Nội),
Mô hình sân khấu rối,
nhiều chất liệu.
2. Khánh Vy (Bắc Ninh),
Mô hình sân khấu rối,
nhiều chất liệu.
3. Tiến Minh (Quảng Bình),
Mô hình sân khấu rối,
nhiều chất liệu.

Lưu ý

Có thể sử dụng truyện, tiểu thuyết... được gợi ý trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn để xây dựng tiểu phẩm và tổ chức biểu diễn.

46

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

- Nêu cảm nhận và phân tích về:
+ Mô hình sân khấu yêu thích.
+ Cách tạo hình và trang trí mô hình sân khấu.
+ Vật liệu tạo mô hình.
+ Kỹ thuật lắp ghép các hình, khối.
+ Ý tưởng điều chỉnh để mô hình sân khấu rối đẹp và phù hợp với nhân vật hơn.
- Chia sẻ về những hình thức sân khấu rối mà em biết.

5 Hợp tác cùng bạn biểu diễn tiểu phẩm rối

- Cùng bạn sử dụng mô hình sân khấu vừa tạo và nhân vật rối ở bài học trước, xây dựng tiểu phẩm và biểu diễn.



Ảnh: Hải Uyên

Nghệ thuật thiết kế sân khấu biểu diễn là một phần không thể tách rời của vở diễn rối để tạo sự phù hợp với nội dung và không gian của loại hình rối. Sân khấu múa rối được thể hiện rất phong phú, đa dạng về kiểu dáng, hình ảnh, màu sắc, chất liệu, kích thước giúp tăng hiệu quả thị giác và làm rõ nội dung biểu diễn...

47

- Dạng bài được tổ chức đơn lẻ trong chủ đề là *Bài 5: Thiết kế thời trang từ trang phục đã qua sử dụng*, thuộc chủ đề *Kĩ thuật và chất liệu*. Bài học này được thiết kế nhằm giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững. Khi tổ chức dạy học bài học này, GV nên yêu cầu HS chuẩn bị các trang phục đã qua sử dụng, kéo, kim chỉ, dụng cụ may (nếu có) để làm vật liệu thực hành. Tiến trình tổ chức dạy học bài học này có thể thực hiện như sau:

Hoạt động 1: GV cho HS quan sát một số hình ảnh, video về các sản phẩm thời trang được tạo ra từ trang phục đã qua sử dụng để các em nhận thức được hình thức và ý nghĩa của việc tận dụng các bộ phận của trang phục đã qua sử dụng để tạo sản phẩm thời trang mới.

Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS cách tạo sản phẩm thời trang từ trang phục đã qua sử dụng.

Hoạt động 3: GV khuyến khích HS tập hợp các trang phục đã qua sử dụng thành kho vật liệu chung và quan sát để tìm ý tưởng tạo trang phục mới. GV chỉ khơi gợi để HS lựa chọn, quyết định vật liệu, hình dáng, kích thước sản phẩm thời trang theo ý tưởng sáng tạo của các em và hỗ trợ HS về kĩ thuật cắt, may trong quá trình thực hành.

Hoạt động 4: GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm và thảo luận về chức năng, kiểu dáng, màu sắc, kĩ thuật tạo hình của sản phẩm, ý tưởng điều chỉnh và sử dụng sản phẩm sau bài học;...

Hoạt động 5: GV tạo cơ hội cho HS quan sát thêm các sản phẩm được tạo từ vật liệu đã qua sử dụng và khuyến khích HS tạo thêm những sản phẩm kĩ thuật khác phục vụ cuộc sống.

BÀI 5 THIẾT KẾ THỜI TRANG TỪ TRANG PHỤC ĐÃ QUA SỬ DỤNG

Trên đây chúng ta

- Nêu được cách tận dụng trang phục đã qua sử dụng tạo sản phẩm thời trang mới.
- Tạo được sản phẩm thời trang đơn giản từ trang phục đã qua sử dụng.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để thiết kế được trang phục.
- Chia sẻ được ý nghĩa của việc tận dụng trang phục đã qua sử dụng vì sự phát triển bền vững.

CHUẨN BỊ

Quần áo đã qua sử dụng, kim chỉ, kéo...

1 Quan sát – nhận thức về một số sản phẩm thời trang từ trang phục đã qua sử dụng

Quan sát hình và cho biết:

- Tên và chất liệu tạo sản phẩm.
- Trang phục đã qua sử dụng được dùng làm vật liệu tạo sản phẩm mới.
- Các bộ phận của trang phục đã qua sử dụng được khai thác vào sản phẩm mới.
- Ý nghĩa của việc tận dụng trang phục đã qua sử dụng.



Ảnh: shutterstock.com

Từ trang phục đã qua sử dụng có thể tái chế được nhiều sản phẩm.

22

2 Cách tạo sản phẩm thời trang từ trang phục đã qua sử dụng

Quan sát hình và chỉ ra cách thiết kế sản phẩm thời trang từ trang phục đã qua sử dụng theo gợi ý dưới đây:



- Xây dựng ý tưởng từ trang phục đã qua sử dụng và vẽ phác hình sản phẩm mới.
- Cắt sản phẩm theo hình đã phác.
- Trang trí hoa tiết cho các bộ phận đã cắt.
- Khâu ráp hoàn thiện sản phẩm mới.

Tận dụng trang phục đã qua sử dụng có thể tạo được sản phẩm thời trang mới vừa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của con người vừa phù hợp với xu hướng thời trang hiện nay.

23

3 Tạo sản phẩm thời trang từ trang phục đã qua sử dụng

- Tập hợp các trang phục đã qua sử dụng.
- Lựa chọn trang phục phù hợp với ý tưởng thể hiện và thực hiện theo hướng dẫn.

Sản phẩm của học sinh:



- Nhân Hiến (Thành phố Hồ Chí Minh), Chiếc túi tái chế, quần jean cũ.
- Bảo Ngọc (Huế), Tóp để quần ka ki cũ.
- Thu Lê (Hà Nội), Túi tái chế, quần áo cũ.

24

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

Nêu cảm nhận và phân tích về:

- Sản phẩm em yêu thích.
- Chức năng của sản phẩm.
- Kiểu dáng, màu sắc, chất liệu của sản phẩm.
- Kĩ thuật tạo sản phẩm.
- Ý tưởng điều chỉnh để sản phẩm đẹp và hoàn thiện hơn.

5 Tìm hiểu một số sản phẩm sử dụng vật liệu đã qua sử dụng

Quan sát hình để nhận biết thêm một số sản phẩm sử dụng vật liệu đã qua sử dụng.



Ảnh: 1, 3. Thu Lê
2, 4. shutterstock.com

Sử dụng vật liệu là trang phục đã qua sử dụng được coi là một xu hướng ngày càng phổ biến, thịnh hành trong lĩnh vực thiết kế thời trang... và đang trở thành xu hướng của tương lai vì sự phát triển bền vững của con người.

25

2.3. Hướng dẫn dạy học dạng bài tích hợp với nội dung Lí luận và lịch sử Mỹ thuật

Cũng như các lớp dưới, các bài học thuộc dạng bài tích hợp với nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật ở lớp 9 được thiết kế theo hình thức trải nghiệm để HS nhận biết, chủ động tìm hiểu thêm về các tác giả, tác phẩm và các trào lưu phát triển của nghệ thuật thế giới cũng như Việt Nam thông qua các hoạt động mỹ thuật của mỗi bài học.

Nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được tích hợp, lồng ghép trong các bài học như *Vẽ tranh siêu thực, Tạo tác phẩm theo thể loại điêu khắc cân bằng động, Tạo hình nhân vật rối dây, Vẽ tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art*,... và đặc biệt là ở hai chủ đề *Nghệ thuật Đương đại thế giới và Nghệ thuật Đương đại Việt Nam*. Cách tiếp cận các bài học tích hợp với nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật cũng theo 2 hướng khác nhau. Với các bài học như *Vẽ tranh theo phong cách nghệ thuật Pop art, Tranh in đương đại*,... GV có thể tổ chức hoạt động dạy học như các bài học thông thường. Với các bài học như *Phim thể nghiệm nghệ thuật (Video art), Nghệ thuật sắp đặt*, do đây là những bài học đề cập đến nghệ thuật ý niệm nên GV có thể tổ chức cho HS học tập theo nhóm với hình thức làm dự án để các em có cơ hội cùng nhau tìm kiếm hình ảnh, vật liệu trong cuộc sống hằng ngày đưa vào bài học cũng như hỗ trợ nhau về phương tiện, kĩ thuật, công nghệ để thực hiện các sản phẩm thể nghiệm theo hình thức của nghệ thuật đương đại; qua đó các em được phát triển năng lực tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác, tự giải quyết các vấn đề sáng tạo và các năng lực thẩm mĩ của bản thân.

Ví dụ: Với bài *Phim thể nghiệm nghệ thuật (Video art)*, GV có thể tổ chức các hoạt động dạy học như sau:

Hoạt động 1: GV cho HS xem một đoạn phim nghệ thuật (video art) và gợi mở để HS tìm hiểu về phim nghệ thuật và đặc điểm của phim nghệ thuật (bối cảnh, hình ảnh, màu sắc, ánh sáng, bố cục trong các khung hình; nội dung và thông điệp của đoạn phim; các hiệu ứng; chi tiết thể hiện đặc trưng của phim nghệ thuật;...).

Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS cách tạo phim thể nghiệm nghệ thuật.

Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS lập nhóm để tạo đoạn phim thể nghiệm nghệ thuật (mỗi nhóm không quá 5 thành viên). GV khơi gợi để HS xác định chủ đề, nội dung, đối tượng biểu đạt, xây dựng kịch bản, lựa chọn thiết bị, công cụ làm phim và thực hiện tạo đoạn phim thể nghiệm nghệ thuật.

Hoạt động 4: GV tổ chức cho HS trình chiếu các đoạn phim thể nghiệm nghệ thuật và thảo luận về nội dung, thông điệp, kĩ thuật cắt ghép, sắp xếp hình ảnh, cách sử dụng âm thanh, hiệu ứng,... của đoạn phim.

Hoạt động 5: GV khuyến khích HS tìm hiểu thêm về các thể loại phim nghệ thuật và các hình thức sử dụng phim nghệ thuật trong cuộc sống.

Bài 12 PHIM THỂ NGHIỆM NGHỆ THUẬT (VIDEO ART)

Trên sân khấu

- Nếu được quy trình làm video art ở mức độ đơn giản.
- Quay được tư liệu để tạo nguồn cho bộ phim ngắn theo chủ đề đã xác định.
- Biên tập được nội dung và hình ảnh trên phần mềm tương ứng.
- Có ý thức sử dụng video art để tuyên truyền về một số chủ đề như: nhà trường, quê hương...

CHUẨN BỊ

Giấy, bút, điện thoại thông minh, máy tính, máy ảnh (nếu có).

1 Quan sát – nhận thức về phim nghệ thuật đương đại

- Quan sát đoạn phim nghệ thuật do giáo viên chuẩn bị và cho biết:
- Bối cảnh, hình ảnh, màu sắc, ánh sáng và bố cục trong các khung hình của đoạn phim.
 - Nội dung và thông điệp chính của đoạn phim.



Giáo viên cho học sinh xem phim nghệ thuật "Chạm tới biển" của Le Brothers (Thanh và Hải)
Ảnh: Nguyễn Nhung

52

2 Cách tạo phim thể nghiệm nghệ thuật (experimental video art)

Đọc và ghi nhớ các bước thực hiện tạo phim thể nghiệm nghệ thuật theo gợi ý dưới đây:



1. Chuẩn bị

- Xác định ý tưởng về nội dung chủ đề và đối tượng biểu đạt.
- Xây dựng kịch bản (ngôn ngữ, hình ảnh).
- Chuẩn bị thiết bị máy quay phim hoặc thiết bị có chức năng ghi hình.



2. Quay phim

Quay những đoạn phim thực tế liên quan đến nội dung trong kịch bản.



3. Biên tập

Biên tập các đoạn phim bằng cách cắt, ghép, sắp xếp theo thứ tự và thời lượng đã được thiết kế trong kịch bản bằng các phần mềm máy tính phù hợp.



4. Hậu kỳ

- Thêm hiệu ứng hình ảnh, đồ họa chuyển động, nghệ thuật chữ, chuyển cảnh....
- Thêm hiệu ứng âm thanh hoặc nhạc nền.
- Hoàn thiện và xuất bản phim.

Bảng cách kết hợp hình ảnh động, âm thanh và hiệu ứng của công nghệ thông tin theo một kịch bản có thể tạo được một đoạn phim thể nghiệm nghệ thuật (experimental video art).

53

3 Tạo phim thể nghiệm nghệ thuật về chủ đề môi trường

- Lập nhóm và xác định thông điệp về môi trường sẽ thể hiện trong phim nghệ thuật: phản công nhiệm vụ.
- Sưu tầm tư liệu hình ảnh về môi trường, quay các đoạn phim về môi trường theo kịch bản và thực hiện theo hướng dẫn.



Lưu ý

Nên tận dụng thời gian ngoài giờ lên lớp để thu thập hình ảnh thực tế làm tư liệu dựng phim.

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

- Nếu cảm nhận và phân tích về:
 - + Đoạn phim thể nghiệm nghệ thuật em yêu thích.
 - + Nội dung và thông điệp chính của phim.
 - + Kỹ thuật cắt, ghép, sắp xếp hình ảnh và âm thanh tạo hiệu ứng trong phim.
 - + Đề xuất những điều chỉnh để phim thể nghiệm nghệ thuật ấn tượng hơn.
- Chia sẻ kinh nghiệm và những ứng dụng của công nghệ trong việc tạo dựng và biên tập phim thể nghiệm nghệ thuật.

54

5 Tìm hiểu một số hình thức sử dụng video art trong cuộc sống

Quan sát hình để nhận biết thêm một số hình thức sử dụng video art trong học tập và trong cuộc sống.



Một số hình ảnh về sử dụng video art trong dạy và học Mỹ thuật

Ảnh: 1. Hải Đăng
2. Tuấn Cường

Video art là một hình thức nghệ thuật phổ biến trong cuộc sống hiện đại. Video art được sử dụng để giải thích các khái niệm phức tạp và truyền đạt kiến thức một cách hấp dẫn. Video art cũng là một phương tiện quảng cáo mạnh mẽ, giúp các doanh nghiệp thể hiện sản phẩm và dịch vụ một cách sáng tạo. Ngoài ra, video art đã trở thành một phần quan trọng của nghệ thuật biểu diễn và được sử dụng để tạo ra các buổi biểu diễn trực tiếp hoặc những sự kiện nghệ thuật tương tác. Ngày nay, qua mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến, video art đã trở thành một công cụ giúp mọi người có thể truyền đạt ý tưởng cá nhân và chia sẻ nghệ thuật của họ với toàn thế giới.

55

2.4. Hướng dẫn dạy học dạng bài mang tính hướng nghiệp

Tiếp nối chủ đề Hướng nghiệp ở lớp 8, HS đã được tìm hiểu về các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật tạo hình; lên lớp 9, HS sẽ được tìm hiểu về nhóm ngành còn lại là Mĩ thuật ứng dụng để giúp các em nhận biết được tổng thể về các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật có trong cuộc sống cũng như có trong hệ thống đào tạo nghề của Việt Nam và thế giới. Chủ đề Hướng nghiệp trong SGK *Mĩ thuật 9* gồm 2 bài là: *Khái quát về ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng* và *Đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng*. Hai bài học này có liên quan tương đối mật thiết với nhau, do đó GV có thể gợi ý, hướng dẫn HS làm sản phẩm có sự kết nối, liên kết với nhau để các em có nhận thức sâu sắc hơn về ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trên cả phương diện lí thuyết, nội dung kiến thức về ngành nghề và phương diện thực tiễn cuộc sống.

Do sự phát triển không ngừng của xã hội nói chung và các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng nói riêng nên với những bài học mang tính hướng nghiệp, GV có thể tổ chức cho HS học tập theo nhóm để các em cùng nhau tìm hiểu, chia sẻ kiến thức, tìm ra cách sử dụng các công cụ, phương tiện kĩ thuật công nghệ để tạo sản phẩm với nội dung và hình thức hấp dẫn, khoa học, hiện đại. GV cũng cần chú ý đến hoạt động thảo luận, phân tích, chia sẻ của các nhóm để tổng hợp cho HS những kiến thức cơ bản, bổ sung hình ảnh, chỉnh sửa nội dung thuyết trình của HS nhằm làm tường minh thêm về những đặc trưng của các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống. Đồng thời GV cũng cần hướng dẫn HS phân tích, nhận biết xu hướng phát triển của các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng để HS lựa chọn được ngành nghề phù hợp với bản thân trong tương lai, từ đó có định hướng học tập cho những năm học tiếp theo.

CHỦ ĐỀ

Hướng nghiệp

Bài 15 KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT ỨNG DỤNG

CHUẨN BỊ

Giấy vẽ, bút chì, màu vẽ, máy tính, điện thoại thông minh, Internet, hình ảnh liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.

1 Quan sát – nhận thức về các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Quan sát hình và thực hiện yêu cầu:

- Nếu tên một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng mà em biết đang có xu thế phát triển hiện nay.
- Chia sẻ về vai trò của Mĩ thuật ứng dụng trong đời sống.






1. Thiết kế thời trang 2. Thiết kế nội thất
3. Làm thủy tinh 4. Thiết kế đồ họa




5. Thiết kế tạo dáng công nghiệp 6. Nhiếp ảnh

Ảnh: shutterstock.com

Các nhóm ngành liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng



Mĩ thuật ứng dụng có một số nghề như: thiết kế đồ họa, thiết kế minh họa, dàn trang, thiết kế trang trí,...; thiết kế nội thất, thiết kế tạo dáng công nghiệp, thiết kế thời trang, gốm, sứ, thủy tinh,...; làm phim ngắn, thiết kế phim quảng cáo,...; thiết kế sách tương tác, thiết kế trải nghiệm người dùng,...; thiết kế thực tế ảo (Virtual Reality – VR), thiết kế thực tế tăng cường (Augmented Reality – AR),...

2 Cách tạo sản phẩm giới thiệu các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Quan sát để nhận biết một số cách giới thiệu các ngành nghề có liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng và thực hiện theo gợi ý dưới đây:

1. Xác định nội dung của sản phẩm giới thiệu (sản phẩm thể hiện được tên các nhóm ngành liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng, mỗi nhóm ngành có từ 1 – 3 nghề).
2. Xác định hình thức sản phẩm giới thiệu (lập sơ đồ tư duy, viết bài giới thiệu, PowerPoint, poster, video clip,...).
3. Thực hiện và hoàn thiện sản phẩm đảm bảo hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình theo hình thức đã chọn.

➤ Thiết kế bản thuyết trình bằng phần mềm Microsoft PowerPoint:



66

➤ Làm phim video bằng phần mềm OpenShot Video Editor trên máy tính:



➤ Viết bài, vẽ sơ đồ ý niệm (concept map) và sử dụng những hình ảnh liên quan để phân tích....

Có rất nhiều công việc và ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong cuộc sống. Sản phẩm của những ngành nghề này sử dụng ngôn ngữ thị giác để thể hiện ý tưởng và đem lại cho sản phẩm tính thẩm mĩ, tính khả dụng cũng như công năng phục vụ nhu cầu của cuộc sống con người.

Có thể giới thiệu ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng thông qua các hình thức như: PowerPoint trình chiếu; bài viết giới thiệu nội dung và hình ảnh; làm poster, tờ gấp; làm video clip;...

3 Tạo sản phẩm giới thiệu các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

- Tập hợp tư liệu, hình ảnh hoặc bài viết liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng theo nhóm hoặc cá nhân.
- Lựa chọn nội dung các nhóm ngành, hình thức giới thiệu, xây dựng kịch bản để thuyết trình và thực hiện theo hướng dẫn.



Ảnh: Hải Đăng

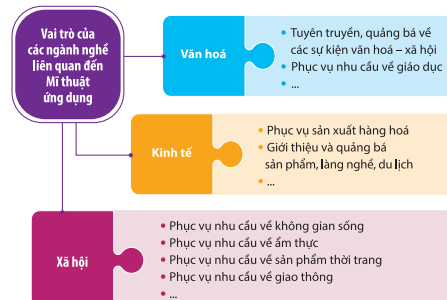
67

4 Thuyết trình và thảo luận

- Nêu ý kiến và phân tích về:
 - + Sản phẩm mà em/nhóm em đã thực hiện.
 - + Tính chính xác, hợp lí của nội dung giới thiệu các nhóm ngành và nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
 - + Tính thẩm mĩ của sản phẩm giới thiệu, sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ.
 - + Ngành nghề có xu hướng phát triển trong tương lai.
- Chia sẻ về ngành nghề có liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng phù hợp với bản thân và mong muốn nghề nghiệp tương lai của em.

5 Tìm hiểu vai trò của các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Tìm hiểu về vai trò, giá trị và xu hướng phát triển của một số nhóm ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong đời sống thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu, sách báo,...



Mĩ thuật ứng dụng là sự kết hợp giữa nghệ thuật tạo hình và công nghệ để tạo ra những sản phẩm sáng tạo và có tính ứng dụng cao trong cuộc sống hằng ngày. Các sản phẩm của Mĩ thuật ứng dụng thường được thiết kế để giải quyết các vấn đề trong đời sống như: sản xuất thiết kế đồ gia dụng, trang trí nội thất, thời trang, thiết kế đồ hoạ, website, ứng dụng di động, sản phẩm công nghiệp,...

68

Bài 16 ĐẶC TRƯNG CỦA MỘT SỐ NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN MĨ THUẬT ỨNG DỤNG

Chuẩn bị

- Phân tích được nét đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
- Tạo được sản phẩm giới thiệu nét đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
- Vận dụng được những kiến thức của bài học để định hướng về nghề nghiệp của bản thân.
- Chia sẻ được về một số ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng có tiềm năng phát triển trong tương lai.

CHUẨN BỊ

Giấy vẽ, bút chì, màu vẽ, máy tính, điện thoại thông minh, Internet/ hình ảnh liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

1 Quan sát – nhận thức về đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Đọc thông tin và xác định các nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng:

Nhóm ngành	Nghề chủ yếu	Sản phẩm	Môi trường làm việc	Cơ sở đào tạo
Nhóm ngành thiết kế sáng tạo trên không gian 2 chiều	– Thiết kế đồ họa – Thiết kế minh họa, dàn trang – Thiết kế trang trí – Thiết kế truyền tranh (manga, cartoon)	– Giao diện trang web – Sách, báo – Không gian nội thất – Truyền tranh	– Làm việc cùng máy tính – Không gian nội thất – Làm việc cùng máy tính	Học sinh xem thông tin trên trang website của các cơ sở đào tạo
Nhóm ngành thiết kế sáng tạo trong không gian 3 chiều	– Thiết kế nội thất – Thiết kế tạo dáng công nghiệp – Thiết kế thời trang – Gốm, sứ, thủy tinh – Đồ chơi trẻ em – Thiết kế mô hình 3 chiều – Thiết kế đồ lưu niệm/ hàng thủ công mĩ nghệ – Thiết kế trưng bày, triển lãm	– Không gian nội thất – Sản phẩm công nghiệp – Sản phẩm thời trang – Đồ gốm, sứ, thủy tinh – Đồ chơi – Mô hình – Đồ lưu niệm/ đồ thủ công mĩ nghệ – Không gian trưng bày, triển lãm	– Xưởng thiết kế – Công ty thiết kế và sản xuất – Đồ chơi – Đồ lưu niệm/ đồ thủ công mĩ nghệ – Không gian trưng bày, triển lãm	Học sinh xem thông tin trên trang website của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để chọn ngành học phù hợp.

69

Nhóm ngành	Nghề chủ yếu	Sản phẩm	Môi trường làm việc	Cơ sở đào tạo
Nhóm ngành thiết kế truyền thông phim ảnh và hoạt hình	– Làm phim ngắn – Thiết kế phim quảng cáo – Thiết kế hình hiệu chương trình truyền hình – Thiết kế đồ họa động, tiêu đề chuyển động – Sản xuất phim hoạt hình – Nghệ sĩ nhiếp ảnh	– Phim ngắn – Phim quảng cáo – Hình hiệu chương trình – Hình ảnh động, tiêu đề chuyển động – Phim hoạt hình – Tác phẩm nhiếp ảnh	– Môi trường thực tế – Làm việc với máy tính – Môi trường thực tế	Học sinh xem thông tin trên trang website của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để chọn ngành học phù hợp.
Nhóm ngành thiết kế tương tác và trải nghiệm người dùng	– Thiết kế trò chơi điện tử (Video games) – Thiết kế tương tác và giao diện trang web (website), phần mềm ứng dụng (Software, application) – Thiết kế sách tương tác – Thiết kế trải nghiệm người dùng	– Video games – Giao diện trang web và phần mềm ứng dụng – Sách điện tử và tương tác – Sản phẩm tương tác với người dùng	Làm việc với máy tính	
Nhóm thiết kế môi trường thực tế ảo và thực tế tăng cường	– Thiết kế thực tế ảo (Virtual Reality – VR) – Thiết kế thực tế tăng cường (Augmented Reality – AR) – Thiết kế môi trường thế giới ảo (Metaverse)	– Không gian ảo/ mô hình thực tế ảo – Môi trường ảo	Làm việc với máy tính	

70

2 Cách tạo sản phẩm giới thiệu đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Quan sát và chỉ ra cách tạo sản phẩm giới thiệu đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng theo gợi ý dưới đây:

1. Xác định nội dung của sản phẩm gồm tên nghề, công việc chủ yếu, sản phẩm, môi trường làm việc, cơ sở đào tạo.
2. Xây dựng ý tưởng bằng cách viết kế hoạch và kịch bản nội dung, hình ảnh.
3. Quay video thực hiện theo kịch bản.
4. Biên tập, tạo hiệu ứng và thêm chữ.
5. Kết xuất ra video hoàn thiện để trình chiếu trên các thiết bị đa phương tiện.

Lưu ý!

Lựa chọn phần mềm thực hiện video phù hợp với thực tế của nhóm em.

Có nhiều ngành nghề liên quan đến lĩnh vực Mĩ thuật ứng dụng như thiết kế đồ họa, truyền thông, quảng cáo, hoạt hình, trò chơi điện tử, thủ công mĩ nghệ,... Bên cạnh yếu tố thẩm mĩ về tạo hình, đặc trưng của những ngành nghề này là thường kết hợp sử dụng công nghệ để tạo ra các sản phẩm có tính ứng dụng cao, đáp ứng nhu cầu thực tế của công việc hoặc dự án cụ thể, đồng thời tạo ra các sản phẩm hấp dẫn, truyền tải thông điệp một cách hiệu quả và thu hút khách hàng hoặc người dùng.

3 Tạo sản phẩm giới thiệu đặc trưng của một số nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

- Lập nhóm cùng lựa chọn một ngành nghề hoặc nhóm ngành liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng để giới thiệu.
- Tạo sản phẩm video giới thiệu đặc trưng của ngành nghề đó theo hướng dẫn.



Lưu ý!

Có thể tạo sản phẩm giới thiệu với hình thức khác như sơ đồ tư duy, PowerPoint, poster,...

71

4 Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

- Nêu ý kiến và phân tích về:
 - + Hình thức giới thiệu ngành nghề.
 - + Nội dung, hoạt động sáng tạo và những đặc trưng của ngành nghề trong sản phẩm giới thiệu.
 - + Tính thẩm mĩ của sản phẩm giới thiệu (sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ; cách sử dụng hình ảnh, yếu tố và nguyên lý mĩ thuật trong sản phẩm).
- Chia sẻ về:
 - + Điều tâm đắc về ngành nghề em vừa giới thiệu.
 - + Những kĩ năng cần thiết phù hợp với ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng.
 - + Sở thích và năng lực cá nhân có thể đáp ứng yêu cầu của ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng trong tương lai.

5 Tìm hiểu thêm về một số công việc trong các ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng

Sử dụng mạng để tìm kiếm thông tin về:

- Các cơ sở đào tạo ngành nghề liên quan đến Mĩ thuật ứng dụng ở Việt Nam.
- Cơ hội việc làm.



Ảnh: Hồng Phúc

Mĩ thuật ứng dụng không những đòi hỏi sự sáng tạo và khả năng tư duy nghệ thuật mà còn yêu cầu những kĩ năng, kĩ thuật chuyên môn để làm việc với các công cụ thiết kế. Ngoài ra, kiến thức về hình ảnh và nguyên tắc thiết kế cũng là yếu tố quan trọng để tạo ra các sản phẩm hấp dẫn và thẩm mĩ. Nhà thiết kế mĩ thuật ứng dụng có nhiệm vụ phải tìm ra những giải pháp sáng tạo và linh hoạt để thích nghi và đáp ứng nhu cầu xã hội và thay đổi của dự án hoặc khách hàng...

72

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Kỉ yếu Hội thảo “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông – Kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào điều kiện Việt Nam”, 2012.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật*, 2018.
3. Vũ Văn Hùng – Phan Xuân Thành – Trần Đức Tuấn, *Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017.
4. Nguyễn Thị Liên, *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017.
5. Nguyễn Thị Nhung (Chủ biên), *Tài liệu dạy học Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực dành cho giáo viên THCS*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017.
6. Nguyễn Thị Nhung (Chủ biên), *Học Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực 6*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018.
7. Nguyễn Thị Nhung (Chủ biên), *Học Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực 7*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018.
8. Nguyễn Thị Nhung (Chủ biên), *Học Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực 8*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018.
9. Nguyễn Thị Nhung (Chủ biên), *Học Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực 9*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập ĐINH GIA LÊ

Giám đốc Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục HÀ SỸ TUYỀN

Biên tập nội dung: PHẠM THỊ HỒNG PHÚC

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Thiết kế sách: PHẠM THỊ HÀ

Trình bày bìa: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Sửa bản in: PHẠM THỊ HỒNG PHÚC

Chế bản tại: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục.

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

môn MĨ THUẬT LỚP 9 - CHÂN TRỜI SÁNG TẠO, BẢN 1

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/...GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD – HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: